Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

SỐ 113
THÁNG 04.20201

HOẰNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | *Tel.:* (714) 571-0473 | *Email:* baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hảo**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Chiêu Hà**

LIÊN LẠC:

- *Bài vở:* baivochanhphap@gmail.com
- *Quảng cáo / Phát hành:*
  (714) 638-0989
  (714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biếu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, *trang 2*
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** *(Diệu Âm lược dịch), trang 4*
- **TÂM SỰ VỚI BA** *(thơ Phạm Hoài Bắc), trang 8*
- **BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH, t.t.** *(HT. Th. Thắng Hoan), trang 9*
- **NGHÌN NĂM LẦN QUẨN...** *(thơ Nguyễn Thanh Huy), trang 12*
- **MÙA XUÂN TÂN SỬU 2021** *(ĐNT Tín Nghĩa), trang 13*
- **NGÁT HƯƠNG LIÊN** *(thơ xướng-họa Thích Như Giải & Thích Chúc Hiền), trang 15*
- **CẢM NHẬN SỰ THẤU CẢM** *(Dalai Lama - Tuệ Uyển dịch) trang 16*
- **THẦY** *(thơ Đồng Thiện), tr. 19*
- **THẤY PHÁP LÀ THẤY PHẬT** *(TN Hằng Như) trang 20*
- **CỘI NGUỒN THƠ: NƠI VÔ CÙNG TỊCH LẶNG** *(Nguyên Giác), trang 24*
- **5 BÀI HÀI CÚ CỦA YOSA BU-SON** *(Pháp Hoan dịch), trang 28*
- **ĐỌC BÀI THƠ "GIẤC MƠ HO-ANG VU..." của LAWRENCE FER-LINGHETTI** *(Huỳnh Kim Quang), trang 29*
- **CON ĐƯỜNG THỐNG NHẤT, *VNPG Sử Luận, Chương 35*** *(Nguyễn Lang), trang 33*
- **RỒI MỘT NGÀY NÀO ĐÓ** *(thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 36*
- **THIỀN LÀ CHÌA KHÓA NHẬN DIỆN CHÍNH MÌNH** *(Pema Chodron – TLTP dịch), trang 37*
- **TINH TẤN – Câu Chuyện Cuối Tuần** *(Nhóm Áo Lam), trang 39*
- **MÙA XUÂN VIẾT CHO HOA** *(thơ Diệu Viên), trang 47*
- **CÁC RỦI RO CỦA DA** *(Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 48*
- **TRẠI TÙ SƠN LA** *(thơ Hồ Thanh Nhã), trang 49*
- **CỌN THUYỀN NGƯỢC NƯỚC** *(Nguyễn Minh Tiến), trang 50*
- **THẰNG BẠN BẤT LƯƠNG** *(TN Như Thủy), trang 54*
- **THE STORY ON SUBDUING ONESELF** *(Daw Tin), trang 55*
- **NGỒI YÊN MỈM CƯỜI** *(Huyền), trang 56*
- **NẤU CHAY: MÌ CĂN CHIÊN SẢ ỚT** *(G. Phượng) trang 57*
- **VUA HUNG ÁC** *(thơ TM Ngô Tằng Giao), trang 58*
- **VẪN CHỪNG ẤY, VẪN CHỪNG ẤY THÔI...** *(Huệ Trân), trang 59*
- **NƠI TRÚ ẨN TRÁNH BÃO** *(Mãn Đường Hồng), trang 62*
- **TÂM TỐT ẮT MỆNH SẼ TỐT** *(thơ Thục Uyên), trang 63*
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** *(Steven N.), trang 64*
- **TÌNH SƯƠNG KHÓI, RA KHƠI...** *(thơ Phù Du), trang 66*
- **TIẾNG CHUÔNG CHÙA TRONG PHỐ** *(Trần Hoàng Vy), trang 67*
- **TA VỀ** *(thơ Phượng Hồng), trang 68*
- **QUÉT** *(Hoàng Công Danh), trang 69*
- **GIÓ** *(thơ TK Vĩnh Hữu), tr. 71*
- **LỖI KHÔNG PHẢI TẠI THẦY THUỐC** *(Truyện cổ Phật giáo), trang 72*
- **VƯỜN CẢI HOA VÀNG** *(Diệu Nga), trang 73*
- **NGÕ THOÁT – *Chương 5*** *(truyện dài Vĩnh Hảo), trang 80*

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 113, tháng 04 năm 2021, do ĐLHT. Thích Thắng Hoan (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

HỒI SINH

Mưa xuân không tầm tã, không kéo dài. Chỉ một hai cơn, trong một hai ngày, vừa đủ tắm ướt những ngọn lá và thấm một lớp mỏng trên mặt đất. Nhưng tiết lạnh thì ở lại lâu dài, ngay cả nơi vùng nhiệt đới. Một số nơi trên đất nước rộng lớn này, bão tuyết làm ngưng trệ sinh hoạt hàng ngày và làm băng giá thêm những tâm hồn vị kỷ, tự tôn. Dường như bản tính ở một số người đã không thể đổi thay kịp trước khi vô thường ập lên sinh mệnh. Mưa sa, gió táp, bão lửa, chẳng làm sao xoay chuyển được những cõi lòng cục bộ, thô tháp, đông cứng.

Lẽ ra, ý thức và tình cảm là những thứ trừu tượng, vô hình, linh hoạt, sẽ dễ thay đổi hơn là hình thể vật chất. Thế nhưng, thực tế ngược hẳn. Một khi bám víu vững chắc vào niềm tin và tri kiến như là cách để biểu hiện sự tồn tại của tự ngã, người ta không muốn nhìn nhận mê vọng và nhược điểm của mình. Đồng hóa tự ngã với một tập thể to lớn hơn, hoặc khoác mặc cho sự vị kỷ sai lầm của mình bằng chiếc áo đẹp đẽ như lòng ái quốc, hay sự quyết tâm đạt đến cứu cánh an vui nào đó. Đông cứng bên trong chẳng phải là sự son sắt, trung kiên gì với lý tưởng, mà chỉ là sự cố thủ của cái tâm vị ngã, ái ngã. Người ta sẵn sàng chết cho cái tự ngã đã được bao bọc sơn phết chứ không chịu mở mắt mà giải thoát tri kiến của mình—dù lý tưởng, theo thời gian và nhận thức của số đông, đã được nhìn nhận là ảo tưởng; và thần tượng đã sụp đổ từ lâu.

Khi mùa đông đến, rồi mùa đông đi qua, những cánh đồng bạt ngàn đã rộ nở hoa xuân muôn sắc, con tàu chuyên chở những hy vọng và lý tưởng tuổi trẻ đã mất hút vào đêm đen lịch sử; chúng ta còn lại gì trên hai bàn tay không, trên vầng trán già nua, và trong con tim khô héo vì những vật vã truy tìm, nắm bắt suốt tuổi thanh xuân?

Nếu những điển tích, lời dạy của cổ nhân, thánh nhân, hiền giả Đông phương không thể mở được lòng bạn, hãy đọc thử một bài thơ của thi sĩ Tây phương hiện đại:

"Bước đi với niềm bình an, bình an trở thành bạn. Nói với vẻ đẹp, vẻ đẹp bao quanh bạn. Hành động với lòng tốt, lòng tốt tìm đến bạn. Nói với tình yêu, tình yêu chuyển hóa bạn. Hành động với lòng thương, lòng thương tha thứ bạn. Sống với sự thật, sự thật sống trong bạn.

Nhưng nếu chúng ta bước đi với lòng hận thù, hận thù trở thành chúng ta. Nếu chúng ta nói với sự tức giận, tức giận bao vây chúng ta. Nếu chúng ta hành động với đố kỵ, đố kỵ gặm nhấm chúng ta. Vì vậy, hãy cho đi với sự lịch thiệp, lịch thiệp tìm đến chúng ta. Chúng ta tìm kiếm sự kết nối, kết nối có thể chữa lành chúng ta. Và khi chúng ta sống với tiếng cười, tiếng cười có thể nâng chúng ta lên…" (1)

Bài thơ thực ra chẳng có ý tưởng gì mới mẻ. Lời và ý của bài thơ phảng phất hương vị của đạo như thật, đạo giải thoát, đạo từ bi, dù tác giả không hề sử dụng bất kỳ thuật ngữ nào của đạo ấy. Nhưng biết đâu, từ vị trí của một danh ca, từ lời thơ của một thi nhân khác đạo, từ ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ, bài thơ có thể chạm vào trái tim bạn vào thời điểm nào đó.

Chúng ta, những người phương đông với mấy nghìn năm thấm nhuần các nền đạo học và triết lý cao viễn thâm sâu, nên ít nhất một lần trong đời hay cuối đời, mở bừng mắt ra, mở toang lòng ra, để tình thương lan tỏa, để hận thù tan biến giữa trời xuân.

Trái tim cằn cỗi chẳng qua đã bị vùi lấp dưới một lớp kiến chấp, như hoa tuyết, không phủi đi sẽ trở thành băng đá. Hãy phủi nó đi, và hãy sống với thực tại hiện tiền.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Nơi sân trước một ký túc xá đại học, ai đó vô tư nắn một người tuyết đứng vẫy tay với người qua đường, và sư nữ từ đất nước xa xôi đến đây trọ học, thành tâm nắn một ông Phật tọa thiền với vài chiếc lá khô đặt trên lòng bàn tay kết ấn tam-muội (2). Dưới những lớp tuyết trắng xóa là lá mục, và dưới nữa, từ thân cây, từ lòng đất, những nụ mầm của cây cỏ chuẩn bị hồi sinh.

_____

(1) Walk with Peace, thơ của nữ ca sĩ Jewel (sinh năm 1974), danh ca hàng đầu dòng nhạc đại chúng (popular/pop music) của Mỹ. Theo Wikipedia, *"Jewel Kilcher là một ca sĩ, nhạc sĩ, nữ diễn viên và tác giả người Mỹ. Cô đã nhận được bốn đề cử giải Grammy và tính đến năm 2015, cô đã bán được hơn 30 triệu album trên toàn thế giới. Jewel sinh trưởng gần Homer, Alaska, nơi cô lớn lên ca hát và nhảy múa như một cặp song ca với cha cô, một nhạc sĩ địa phương."* Jewel cũng là một thi sĩ với thi phẩm "A Night without Armor." Bài thơ "Walk with Peace" có lẽ là một bài rời, không nằm trong thi phẩm ấy:

"Walk with peace
And peace becomes you
Speak with beauty
And beauty surrounds you
Act with kindness
And kindness finds you
Speak with love
And love transform you
Act with mercy
And mercy forgives you
Live with truth
And truth will live in you
But if we walk with hate
Hate becomes us
If we speak with anger
Anger surrounds us
If we act with envy
Envy consumes us
So we give with grace
So grace will find us
We seek connection
So connection can heal us
And we live with laughter
So laughter can lift us…"

(2) Samàbhita mudra (ấn tam-muội hay ấn thiền-định). Trong tư thế ngồi kiết-già, hành giả đặt hai bàn tay chồng lên nhau, tay trái trên tay phải hoặc ngược lại; hoặc để song song các ngón đan xen, hai đầu ngón tay cái chạm nhau.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

CỘNG HÒA KALMYKIA (Liên bang Nga): Lễ hội Phép mầu của Phật giáo

Lễ hội Phép mầu (Chotrul Duchen) đã được tổ chức tại Chùa Vàng Thích Ca - tu viện trung tâm của Kalmykia - vào ngày 27-2-2021.

Chotrul Duchen là một trong 4 lễ hội Phật giáo lớn được tổ chức ở nước cộng hòa thuộc Nga này. Lễ hội diễn ra vào rằm tháng giêng theo lịch Tây Tạng và tưởng nhớ những phép mầu mà Đức Phật Thích Ca đã thể hiện để tăng thêm lòng sùng mộ của các đệ tử của Ngài.

15 ngày đầu tiên của tháng đầu tiên trong lịch Tây Tạng có liên quan đến những hành động kỳ diệu do Đức Thích Ca Mâu Ni thực hiện ở thành phố Shravasti, Ấn Độ trong cuộc tranh luận với những người thuyết giảng 6 giáo lý sai lầm.

Trong những ngày tốt lành này, Đại lễ Cầu nguyện (Monlam Chenmo) được tổ chức tại các ngôi chùa Phật giáo ở Tây Tạng, Ấn Độ, Mông Cổ và các nước cộng hòa Phật giáo của Nga.

Truyền thống này được sáng lập vào năm 1409 bởi Lama Tsongkhapa để tôn vinh chiến thắng quan trọng của Đức Thích Ca Mâu Ni.

Năm nay, Đại lễ cầu nguyện bắt đầu tại Kalmykia vào ngày 25-2 và chỉ tiếp tục trong ba ngày, chủ trì bởi Telo Tulku Rinpoche, Shajin Lama tối cao của Kalmykia và đại diện danh dự của Đức Đạt Lai Lạt Ma ở Nga, Mông Cổ, và Cộng đồng các quốc gia độc lập.

(Buddhistdoor Global – March 1, 2021)

Hình ảnh Lễ hội Phép mầu (Chotrul Duchen) tại Chùa Vàng Thích Ca - tu viện trung tâm của Kalmykia:

Telo Tulku Rinpoche, Shajin Lama tối cao của Kalmykia, chủ trì Đại lễ Cầu nguyện

Các nghi lễ và vật phẩm cúng dường trong Đại lễ Cầu nguyện
Photos: facebook.com

ẤN ĐỘ: Hơn 150 nhà sư tu viện Phật giáo Gyuto ở bang Himachal Pradesh có xét nghiệm dương tính với coronavirus

Dharamsala, Ấn Độ - Ngày 2-3-2021, hơn 150 nhà sư đã có xét nghiệm dương tính với coronavirus tại tu viện Phật giáo Gyuto gần Dharamsala và khu vực này đã được tuyên bố là khu vực cấm.

Cụm COVID-19 được công bố vào tuần trước, khi phát hiện được 20 trường hợp.

Gurdarshan Gupta, Giám đốc Y tế quận Kangra, cho biết khoảng 330 nhà sư đã được xét nghiệm và 154 người bị phát hiện nhiễm vi-rus trong 8 ngày qua.

Các nhà sư bị nhiễm bệnh nói trên - phần lớn được báo cáo là không có triệu chứng - không có tiền sử đi lại và đang bị cách ly trong khuôn viên tu viện.

Khu vực này đã được tuyên bố là một khu vực cấm và được niêm phong bởi Thẩm phán chi khu Dharamsala cho đến khi có thông báo mới.

Giới chức quận Kangra cho biết tất cả mọi người trên 60 tuổi trong tu viện sẽ được tiêm chủng.

(PTI – March 2, 2021)

Tu viện Phật giáo Gyuto, Ấn Độ—Photo: facebook.com

TÍCH LAN: Kênh Truyền hình Phật giáo tặng 50 triệu Rs cho quỹ trùng tu bảo tháp "Deegawapiya Aruna"

Ngày 2-3-2021, tấm ngân phiếu 50 triệu Rupees do kênh Truyền hình Phật giáo quyên góp cho quỹ "Deeghawapiya Aruna" đã được Ban Giám đốc Mạng lưới Truyền thông Phật giáo trao cho Tổng thống Gotabaya Rajapaksa tại Văn phòng Phủ Tổng thống.

Việc trùng tu bảo tháp Deeghawapiya là dự án bảo tồn đầu tiên và quan trọng nhất do Lực lượng Đặc nhiệm của Tổng thống về Quản lý Di sản Khảo cổ học ở tỉnh Miền Đông quyết định.

Quỹ "Deegawapiya Aruna" ra mắt vào ngày 12- 2-2021 dưới sự bảo trợ của Tổng thống và Thủ tướng Tích Lan. Việc xây dựng nhà nghỉ sẽ được thực hiện đồng thời với chương trình trùng tu "Deegawapiya Aruna" - ước tính sẽ tiêu tốn tổng cộng 75 triệu Rupees.

Ông Sudath Tennakoon đã tặng 25 triệu Rupees tiền xây nhà nghỉ, và Kênh Phật giáo đã quyên góp số tiền Rs 50 triệu Rupees còn lại.

(PMD News – March 2, 2021)

Tổng thống Tích Lan Gotabaya Rajapaksa (người đứng giữa) nhận tấm ngân phiếu 50 triệu Rupees do kênh Truyền hình Phật giáo quyên góp cho quỹ "Deeghawapiya Aruna"
Photo: PMD News

HOA KỲ: Hơn 60,000 đô la quyên góp được cho ngôi chùa Phật giáo bị phá hoại ở Los Angeles

Los Angeles, CA - Hơn 60,000 đô la đã được quyên góp trong khoảng thời gian một ngày cho một ngôi chùa Phật giáo ở khu Little Tokyo của trung tâm thành phố Los Angeles, vốn bị phá hoại vào cuối tuần trước.

Tính đến đầu ngày 2-3, hơn 60,500 đô la đã được quyên góp cho chùa Higashi Honganji thông qua trang GoFundMe được thành lập bởi Nikkei Progressives, một tổ chức tình nguyện bênh vực cho quyền của người nhập cư, người Hồi giáo và các vấn đề người Mỹ gốc Nhật.

Ngôi chùa Higashi Honganji bị phá hoại vào ngày 25-2, khi một người trèo qua hàng rào và đốt phá một số nơi trong khuôn viên chùa.

Sở Cảnh sát Los Angeles đang điều tra vụ phá hoại nhưng vẫn chưa xác định được liệu đó có phải là tội ác thù hận hay không.

Số tiền quyên góp được cho ngôi chùa sẽ hướng tới việc sửa chữa những thiệt hại, tăng cường sự hiện diện an ninh của chùa và cải thiện hệ thống chiếu sáng ngoài trời.

Sau khi tin tức về vụ phá hoại được lan truyền trên toàn quốc, chùa Higashi Honganji đã nhận được các cuộc gọi và tin nhắn từ khắp nơi trên đất nước cũng như từ Nhật Bản.

(Tonnews.com – March 2, 2021)

Vụ phá hoại gần đây tại chùa Higashi Honganji ở Los Angeles
Photos: Facebook

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma kêu gọi mọi người tiêm vaccine Covid sau khi tiêm liều đầu tiên

Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhà lãnh đạo tinh thần 85 tuổi của Tây Tạng, đã được tiêm mũi đầu tiên của vaccine coronavirus vào ngày 6-3-2021 tại một bệnh viện ở thành phố đồi Dharamshala, miền bắc Ấn Độ.

Sau khi tiêm, ngài kêu gọi mọi người hãy dũng cảm đến để được tiêm chủng.

"Để ngăn ngừa một số vấn đề nghiêm trọng, mũi tiêm này rất, rất hữu ích," ngài nói.

Bác sĩ GD Gupta của bệnh viện Zonal, nơi thực hiện việc tiêm ngừa, nói với các phóng viên rằng Đức Đạt lai Lạt ma đã được quan sát trong 30 phút sau đó. "Ngài đề nghị đến bệnh viện như một người bình thường để tự tiêm phòng cho mình," ông nói.

Bác sĩ Gupta cho biết 10 người khác sống trong dinh thự của Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng đã được tiêm phòng. Tất cả 11 người đều được tiêm vaccine Covishield, một phiên bản của vaccine Oxford / AstraZeneca, do Viện Huyết thanh của Ấn Độ sản xuất.

(AP – March 6, 2021)

Đức Đạt lai Lạt ma tiêm vaccine tại bệnh viện Zonal, Dharamshala (Ấn Độ)
Photo: AP

PAKISTAN: Cố gắng đánh cắp bất thành một tác phẩm điêu khắc Phật giáo tại Shangla

Những người không rõ danh tính đã cố gắng đánh cắp một tác phẩm điêu khắc Phật giáo được tạc bằng đá rắn tại thị trấn Chakisar ở huyện Shangla, tỉnh Khyber-Pakhtunkhwa.

Họ đã khoan lỗ dưới tác phẩm điêu khắc này với sự

hỗ trợ của máy khoan điện để cắt gọn khối đá. Nhưng họ đã trốn thoát khi tiếng ồn thu hút người dân địa phương đến địa điểm nói trên trong đêm.

Cùng với quận Buner và các khu vực lân cận, huyện Shangla (là một phần của khu đất Swat trước đây) được coi là có nhiều địa điểm Phật giáo. Tuy nhiên, trong thời kỳ chiến sự đỉnh cao ở Swat, những địa điểm này đã bị các chiến binh địa phương - những người đã làm xấu các tác phẩm điêu khắc này - phá hoại một cách công khai.

Người dân địa phương ở Shangla thậm chí còn làm xấu đi nhiều tượng Phật bằng đá vào năm 2018 mà không thu hút bất kỳ sự chú ý nào từ các khu vực liên quan, vì hầu hết các địa điểm Phật giáo này nằm rải rác xung quanh một khu vực rộng lớn ở địa hình đồi núi hiểm trở trong dãy Hindu Kush.

(NewsNow – March 9, 2021)

Các tượng Phật là mục tiêu thường trực của những kẻ săn đồ cổ và buôn lậu tại Pa-kistan
Photo: EXPRESS TRIBUNE

SCOTLAND: Hàng ngàn người ký tên vào bản kiến nghị ngừng kế hoạch mở trường bắn gần ngôi chùa Phật giáo

Eskdalemuir, Dumfries & Galloway - Hơn 10,000 người đã ký vào một bản kiến nghị phản đối kế hoạch xây dựng 2 trường bắn gần một tu viện Phật giáo ở tây nam Scotland.

Các nhà sư Tây Tạng tại Samye Ling, ngôi chùa Phật giáo lớn nhất ở Tây Âu, phản đối kế hoạch nói trên vì nó có thể cho phép lực lượng đặc biệt của Không quân Hoa Kỳ huấn luyện với vũ khí cấp quân sự cách nơi tu tập của họ 2,000 mét.

Những người đứng sau kế hoạch này nói rằng nó sẽ tốt cho nền kinh tế hậu Covid, nhưng cộng đồng Phật giáo ở Eskdalemuir, Dumfries và Galloway nói rằng nó đi ngược lại với các nguyên tắc hòa bình của họ.

Ngôi chùa Samye Ling đã từng đón tiếp những người như ca sĩ David Bowie và diễn viên Billy Connolly, và đón hàng chục ngàn du khách từ khắp nơi trên thế giới mỗi năm tham gia các khóa học và khóa tu.

Hai công ty Gardners Guns và Trang trại Clerkhill đang trình một đơn chung cho khoảng cách được đặt căn cứ tại trang trại này, chỉ cách chùa Samye Ling 2 dặm.

Cả hai công ty cho biết họ đã nhận được sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp trong khu vực địa phương và ước tính khoảng cách nói trên "sẽ tạo ra hơn 500,000 bảng Anh cho nền kinh tế địa phương ngay từ khi bắt đầu."

(ITV News – March 10, 2021)

Những người Scotland nổi tiếng như David Bowie (ảnh trên) và Billy Connolly (ảnh dưới) đã đến thăm chùa Samye Ling—Photo: PA

CAM BỐT: Việc trùng tu cấu trúc cổ của chùa Wat Langka đã hoàn thành

Phnom Penh, Cam Bốt - Hai công trình kiến trúc Phật giáo Khmer cổ kính tại chùa Wat Langka đã được khôi phục nguyên trạng. Đây là một phần nỗ lực của một nhóm chuyên gia vốn đã khảo sát các địa điểm chùa và làm việc để trùng tu hoặc bảo tồn các công trình kiến trúc cổ hơn 90 ngôi chùa trên khắp Campuchia kể từ năm 2017.

Hòa thượng Hour Sarith, trụ trì chùa Wat Langka, cho biết có hai ký túc xá tu sĩ được sửa chữa có kích thước 6 x 12 m và cao 7 m, với hai tầng. Các tầng trệt được làm từ đá trong khi các tầng trên được làm bằng gỗ.

Sarith kể chi tiết rằng những ký túc xá dành cho nhà sư này được xây dựng vào năm 1931 bởi Hòa thượng Chhoem Touch, một nhà sư và học giả Phật giáo. Ông cho biết công việc trùng tu sẽ duy trì lối trang trí ban đầu của tòa nhà – vốn mô tả những cảnh về văn hóa và nền văn minh của người Khmer đáng được bảo tồn.

In Sovann, phó cục trưởng cục bảo vệ và bảo tồn các công trình kiến trúc cổ thuộc Bộ Văn hóa và Mỹ thuật, bày tỏ sự ủng hộ đối với dự án trùng tu và sự ngưỡng mộ của ông đối với sư trưởng Sarith.

(phnompenhpost.com – March 10, 2021)

Chùa Wat Langka ở Phnom Penh vào ngày 10-3- 2021
Photo: Hean Rangsey

HÀN QUỐC: Phật giáo dấn thân: Hiệp hội Jungto mang lòng từ bi đến những người dễ bị tổn thương ở Hàn Quốc

Như đã được thể hiện trong các hoạt động nhân đạo gần đây trong dịp Tết Âm lịch vào tháng 2-2021, Hiệp hội Jungto, một tổ chức nhân đạo Phật giáo có trụ sở tại Hàn Quốc (được thành lập bởi Thượng tọa Pomnyun Sunim, thiền sư và là nhà hoạt động xã hội nổi tiếng) đã tiếp tục truyền thống chia sẻ lòng từ bi của Phật giáo với các cộng đồng dễ bị tổn thương trong thời kỳ khó khăn.

Vào dịp Năm mới Âm lịch, Thượng tọa Pomnyun Sunim đã tham gia phân phối các chuyến hàng bánh gạo - làm từ gạo thu hoạch từ trang trại hữu cơ của chính Hiệp hội Jungto - cho các cộng đồng đang phải chịu những hạn chế liên quan đến đại dịch.

Khoảng 600 kg gạo thu hoạch được biến thành 580 kg bánh gạo, với 3 tình nguyện viên tại Trung tâm Tĩnh tâm Dubook của Hội Jungto đã làm việc trong một tuần để gói và đóng hộp bánh gạo thành 200 hộp loại 2 kg và 9 thùng loại 20 kg.

Các lô hàng bánh gạo Tết Nguyên đán đã được chuyển đến Bệnh viện Chăm sóc Giảm nhẹ Jajae ở thành phố Ulsan; trung tâm dân cư Aegwangwon dành cho những người khuyết tật về tâm thần trên đảo Geoje; Trung tâm Đa văn hóa Ansan dành cho người lao động nước ngoài có thu nhập thấp, tu viện Công giáo Sisters of Caritas ở ngoại ô Seoul; cuối cùng là Nhà thờ Aebin ở phía nam thành phố Busan, nơi cung cấp nơi nương náu cho những người vô gia cư.

(Buddhistdoor Global – March 10, 2021)

Thượng tọa Pomnyun Sunim chuẩn bị các hộp bánh gạo

Bánh gạo của Hiệp hội Jungto
Photos: Jungto Society

Cháo bánh gạo truyền thống
Photo: tistory.com

MÃ LAI: Nơi cách ly lớn hơn cho những bệnh nhân Covid-19 có triệu chứng nhẹ

Hơn 60 tình nguyện viên từ Hiệp hội Công đức Từ Tế Phật giáo Penang, Mã Lai, và các hiệp hội phi chính phủ khác đã giúp thiết lập khoảng 1,000 giường tại trung tâm Covid-19 có nguy cơ thấp (LRCC) tại Trung tâm Mara Excellence ở Jawi, nam Seberang Prai trên lục địa Penang.

Khoo Boo Leong, Ủy viên của Hiệp hội Công đức Từ Tế Phật giáo Penang, cho biết việc thiết lập đã hoàn thành vào ngày 6-3-2021.

Ông nói: "Chúng tôi cũng thiết lập 17 vòm để tạo thành lối đi cho nhân viên và bệnh nhân theo yêu cầu dọc theo chu vi của trung tâm."

"Với việc hoàn thành, LRCC hiện có thể được bàn giao cho Sở Y tế tiểu bang.

Trung tâm Mara Excellence được chọn làm LRCC sau khi chính quyền bang yêu cầu thêm một địa điểm để làm trung tâm cách ly từ Cơ quan Quản lý Thảm họa Quốc gia.

(The Star – March 10, 2021)

Một số thuộc 1,000 giường tại trung tâm Covid-19 có nguy cơ thấp tại Trung tâm Mara Excellence ở Penang

MARA EXCELLENCE CENTRE

Khoo Boo Leong, Ủy viên của Hiệp hội Công đức Từ Tế Phật giáo Penang, Mã Lai
Photos: The Star

TÂM SỰ VỚI BA…

Có đáng trách không vài câu thơ con không làm nổi,
Để viết cho Người có phần máu thịt con đang mang,
Con viết ra đây lời yêu thương, hối lỗi,
Rồi tự hỏi rằng... Người có biết hay chăng?
Có ích gì không khi ba không còn nữa,
Thì mới trải lòng kể lể nhớ cùng thương,
Thì mới ngẫm ra nuối tiếc cũng thêm thừa
Thèm thêm lần nữa ôm hôn cha từ lượng.

Nuôi con lớn khôn bao lần cha đau khổ,
Và biết bao lần cha ngồi đó lặng câm,
Bao lời khuyên răn chỉ dường như vô bổ,
Khi thấy con mình như con ngựa bất kham.
Vận nước nổi trôi, cha vào tù, con vô trại,
Biền biệt nhau rồi, cha miền Bắc xa xăm,
Con ở trong này, trong trại giam ôn lại,
Tuổi trẻ lỗi lầm, đêm trắng mắt đăm đăm.

Rồi con ra tù, rồi phép lạ đẩy đưa,
Cho con thoát được khỏi miền Nam nhầy nhụa,
Cho những ngày đầu xứ người làm mật mửa,
Cô quạnh chiều về, phòng trống lạnh ghê chưa?
Hay những đêm dài, trở trăn giường chăn lạ,
Nước mắt ngắn dài tủi phận, nhớ mẹ cha,
Nhớ anh, nhớ em, nhớ con phố, ngôi nhà,
Nhớ Sài Gòn cũ, bạn bè xưa, trên xứ người xa lạ.
Nửa vòng trái đất, đêm co ro trăn trở,
Mơ có một ngày đoàn tụ ở trong mơ,
Được xiết vào lòng máu thịt đã đôi bờ,
Nửa vòng trái đất, đêm từng đêm thương nhớ.
Ai dám bảo mộng không thành đâu nhỉ?
Cứ từng người... hết chị, đến em... anh,
Lại trùng phùng bên nhau như định lý,
Như hôm ở phi trường ôm cha mẹ...
Mà nước mắt rơi quanh.
Cha lại ung dung, hồn thơ cha sống lại,
Thơ lại tuôn trào, từng vần điệu khoan thai,
Cha lại như xưa dạy con điều khôn dại,
Dạy con biết làm người hiểu lẽ đúng hay sai.
Hai mươi năm tha hương cuối đời nơi xứ lạ,
Có những lúc liệt giường nằm khóc nhớ quê hương,
Nhớ quá làng xưa, thèm tô canh hến, ước dưới hiên nhà,
Ngồi mê mải làm thơ nơi làng xưa Hà Thượng. (1)
Những ngày cuối đời, nửa đêm trên giường bệnh,
Chỉ có cha con mình, cha buột miệng rưng rưng:
"Giá miền Nam mình, trời không đầy đoản mệnh,
Ba sẽ về gởi xác ở quê hương."

Con làm bài thơ gởi cha giờ đã khuất,
Gói cả tâm tình trong thinh lặng đêm nay,
Con hứa với lòng mình, với cha giờ đã khuất,
Luôn tập sống như Người mặc thế sự đổi thay.

thơ PHẠM HOÀI BẮC

---

(1) Hà Thượng là nơi ba tôi đã sinh ra và lớn lên. **Hà Thượng Nhân** cũng là bút hiệu Người đã dùng khi làm thơ.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

(tiếp theo kỳ trước)

B.- BIỆN MINH HẠNH:

Phẩm vị Biện Minh Chân Thật thứ ba đã giảng hoàn tất, tiếp theo là giảng phẩm vị Biện Minh Tu Đối Trị thứ tư, đây là thuyết minh chân chánh phương pháp tu hành và chiếu theo sự tu hành này có thể đối trị phiền não. Cũng giống như trị bệnh, nguyên do bị bệnh cho nên mới dùng thuốc và có bệnh gì thì dùng thuốc nấy để trị liệu, có những bệnh chướng gì thì tu hành pháp môn đó để đối trị. Nơi trong ba khoa lớn là Cảnh, Hạnh, Quả, sẽ biện minh Hạnh thứ hai. Trong Hạnh thứ hai lại phân làm hai phần: Biện minh tu đối trị và biện minh tu phần vị. Trong pháp noãn phần vị đây hiển nhiên đều là trình bày ở nơi Hạnh. Còn ở nơi Cảnh thì trước đã giải thích, chính là nương nơi giáo pháp của Phật mà quán chiếu lý giải làm cảnh. Riêng trong Hạnh đây, nghĩa là phàm người tu hành tất nhiên đều phải nương nơi chỗ minh lý mà thật hành, có chỗ gọi là muốn chứng chân lý thì tất nhiên phải tu hành. Nhờ lý của cảnh chân thật là chỗ chứng thánh trí của chư Phật và lý của cảnh này chưa có sanh hư vọng phân biệt, mặc dù nó thường ở trong điên đảo tạo nghiệp thọ khổ. Chúng ta muốn chứng được Thánh trí nơi lý của cảnh này thì trước hết phải đối trị hư vọng điên đảo và muốn đối trị hư vọng điên đảo thì cần phải tu hành phương pháp đối trị.

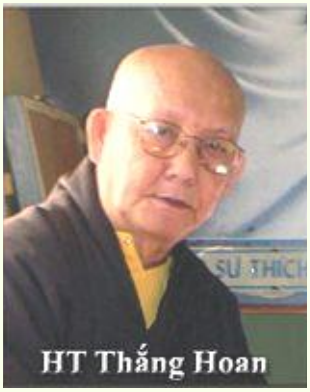

PHẨM BIỆN MINH TU ĐỐI TRỊ THỨ TƯ

a) Biện Minh Tu Đối Trị:

a/1- Biện Minh Tu Đối Trị Chân Chánh:

1) Tứ Niệm Xứ:

Bài Tụng:

"Do vì thô trọng, nhân ái, ngã sự, không mê; là vào Tứ Thánh Đế, tu niệm trụ nên biết."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Tứ Niệm Xứ. Tứ Niệm Xứ chính là Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Năng tu bốn thứ này chính là thường trụ nơi trong chánh lý, là căn bản của hậu lai đưa đến sanh Định và Huệ. Đúng ra bốn thứ này là bốn thứ Quán Huệ và Huệ thì nương nơi Niệm mà được sanh khởi an trụ, cho nên gọi là Niệm Trụ. Niệm Trụ chính là ở chỗ quán lý của cảnh, quán niệm nhiều lần trở thành rất thuần thục và hiểu rõ không bị mê muội. Thí dụ như bình thường chỗ gọi niệm Phật cũng chính là nương nơi Phật để niệm và niệm rõ ràng không mê muội, nhờ đó về sau trở thành Định và nhờ Định dẫn đến sanh ra Huệ, Huệ có thể tương tục sanh khởi gọi là Trụ. Thân, Thọ, Tâm, Pháp của bốn Niệm Trụ làm thế nào trở thành bốn thứ Chánh Niệm? Đó là quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Nhờ bốn thứ quán đây khiến cho Huệ được trụ nên gọi là Tứ Niệm Trụ. Tụng nói rằng: Do vì thô trọng đây, Thô là thô bỉ nghĩa là thấp hèn; Trọng là trầm trọng nghĩa là nặng nề; Thô Trọng nghĩa là không phải thanh tịnh, không phải mầu nhiệm, đây là giải thích Quán Thân Bất Tịnh. Do vì nguyên nhân của Thọ cho nên giải thích Quán Thọ là khổ. Do Thọ là nguyên nhân của Ái và muốn đoạn trừ tham ái thì tất nhiên phải Quán Thọ là khổ và nhờ đó mới có thể

đối trị được Ái. Vì Ngã Sự là giải thích Quán Tâm Vô Thường. Do chấp Thức thứ bảy Thức thứ tám hoặc Tâm Tâm Sở làm ngã, hôm nay quán chúng đều là vô thường, cho nên nơi chỗ sự việc nương tựa chấp ngã cũng là vô thường. Hiểu biết tất cả pháp đều vô ngã thì ở nơi tất cả pháp không bị mê muội, cho nên gọi là Quán Pháp Vô Ngã. Tu Tứ Niệm Trụ đây cũng có thể ngộ được bốn Thánh Đế, như nhờ Quán Thân Thô Trọng tức là tu hành nơi tánh khổ mà chứng nhập được Khổ Đế. Quán Hữu Lậu Thọ chính là nguyên nhân của Ái và nhờ đó chứng nhập được Tập Đế. Quán Tâm là chỗ nương tựa, chỗ duyên sự của chấp ngã thảy đều là vô thường sanh diệt và nhờ đó thoát ly được chấp đoạn chấp thường đồng thời chứng nhập được Diệt Đế. Quán tất cả pháp nếu không bị mê muội liền được nhập vào Đạo Đế. Tư duy Tứ Niệm Trụ thì có thể chứng vào Tứ Đế, Ngoài ra, chỉ trong Luận này mới đề cập đến Tứ Niệm Trụ là Khổ Hạnh Tướng. Quán Tập, Quán Diệt, Quán Đạo mỗi thứ đều có bốn Hạnh Tướng, chỗ gọi là Tứ Đế Thập Lục Hạnh Tướng. Nương nơi Thập Lục Hạnh này có thể vào Kiến Đạo, nghĩa là mỗi Đế đều có bốn Hạnh và nương nơi bốn Hạnh đây thì được nhập vào Khổ Đế. Ba Đế sau thì cũng giống như thế. Nhưng Tứ Niệm Trụ trong Phật Pháp căn bản thì thuộc về Quán Huệ và Tâm nhờ đó mới có thể an trụ hoàn toàn trong bốn cảnh nói trên; Tứ Niệm Trụ chính là pháp xuất thế và không như thế thì không phải pháp xuất thế, nguyên vì Tứ Niệm Trụ là cơ bản của pháp xuất thế.

2) Tứ Chánh Đoạn:

Bài Tụng:

"Đã trị Chướng biến tri, tất cả thứ sai biệt, là xa lìa tu tập, cần tu Tứ Chánh Đoạn."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Tứ Chánh Đoạn. Tứ Chánh Đoạn còn gọi là Tứ Chánh Cần, nghĩa là trì giới. Là nương nơi yếu lý Phật Pháp Căn Bản đã nghe ở trước mà phát khởi tu hành thiết thực. Nhờ nương nơi đây tu hành mà có thể đem những điều ác đã sanh khiến cho đoạn diệt, những điều ác chưa sanh khiến không cho sanh khởi, những điều thiện đã sanh khiến cho tăng trưởng, những điều thiện chưa sanh khiến cho phát sanh. Nói ngược lại, chính là đem chỗ có ác pháp khiến cho khuất phục tiêu diệt, chỗ có thiện pháp khiến cho sanh trưởng, cho nên gọi là Tứ Chánh Đoạn. Bài Tụng đã nói phẩm chướng biến tri, nghĩa là tất cả thứ sai biệt đây nhờ đã tu Tứ Niệm Trụ ở trước, cho nên chỗ có tất cả vô ngã, v.v... đều có thể đối trị và chỗ đối trị ngã đảo, v.v... đều có thể hiểu biết cùng khắp, đã hiểu biết cùng khắp, nhân vì muốn xa lìa một số phẩm chướng này cho nên cần phải tinh tấn tu tập Tứ Chánh Cần, nương nơi Tứ Chánh Cần khiến thiện pháp đã có liền được sanh trưởng và ác pháp đã có liền bị tiêu diệt.

3) Tứ Thần Túc:

Bài Tụng:

"Nương nơi Trụ, tánh kham năng; là thành tất cả sự. Diệt trừ năm lỗi lầm; cần tu tám đoạn hành (tám điều thật hành để đoạn trừ); giải đãi, quên Thánh Ngôn; và trầm trạo; không tác hạnh, tác hạnh; là năm lỗi lầm nên biết. Là đoạn trừ giải đãi; tu dục, cần, tín, an; tức là chỗ nương tựa, khả năng nương tựa; và sở nhân, năng quả. Ngoài ra còn lại bốn Thất; tu niệm, trí, tư, xả; ghi chép lời nói, giác ngộ hôn trầm trạo cử; phục hạnh, diệt đẳng lưu."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh tu Tứ Thần Túc (bốn Thần Túc), Tu Tứ Niệm Xứ ở trước đã trình bày là chú trọng nơi sự sáng tỏ về lý, Tứ Chánh Đoạn là chú trọng nơi sự trì giới, Tứ Thần Túc đây thì chú trọng nơi sự tu định. Nguyên do tiếng Phạn gọi là Tam Ma Địa, Hán dịch là Đẳng Trì, tức là trụ trì bình đẳng. Định lực này nếu tu thành thì có tánh kham năng, có tánh kiên cường kham khổ nhẫn nại, siêng năng làm những việc khó làm, siêng năng nhẫn những việc khó nhẫn; người nào không thể hành trì không thể nhẫn là người đó chưa từng tu định, nhờ định lực nên mới có kham năng. Nơi Phật Pháp nói rằng, Tư Lương Đại Thừa Bồ Đề nhờ có định lực thì mới có thể tu tập tích trữ pháp thiện thế gian và xuất thế gian, cho đến thật hành Lục Độ Tứ Nhiếp để rộng độ chúng sanh, lẽ cố nhiên cần phải có Định Lực thì mới có thể thành tựu tất cả sự việc để tu tập. Nói diệt trừ năm lỗi lầm và cần tu tám đoạn hành, nghĩa là do năm lỗi lầm làm chướng ngại của sự tu định, năm lỗi lầm đây nếu như không trừ thì việc tu định không thể phát sanh; vì muốn diệt năm lỗi này, cần phải tu tám thứ năng đoạn hành. Năm lỗi lầm gồm có: 1- Giải Đãi, 2- Quên Thánh Ngôn, 3- Hôm trầm Trạo cử, 4- Không Tác Hạnh, 5- Tác Hạnh. Nghĩa Giải Đãi là không ra sức năng nổ đoạn trừ phiền não, không chuyên cần tu tập pháp thiện. Quên Thánh Nhôn, nghĩa là hoàn toàn quên mất đem chánh lý chánh hạnh trong Phật Pháp ra để thuyết minh. Trầm Trạo đây, hai thứ pháp căn bản này thường hiệp lại làm một; Trầm tức là hôn trầm, nghĩa là tâm tánh chìm xuống, ám độn không thanh tịnh sáng suốt và so với ngủ nghỉ chênh lệch không nhiều. Như có thứ người ngồi xuống là ngủ, đây tức là hôn trầm. Lại có thứ người không ngồi thì đã ngủ, một khi ngồi thì tưởng đông tưởng tây, tợ hồ có vật quay đi quay

TRỞ VỀ MỤC LỤC

lại, giống như dùng tay đem vật đưa lên hư không, trạng thái đây tức là trạo cử. Mỗi khi định tâm liền bị trầm mê, tức là chỉ cho hôn trầm. Còn cử động chân tay chính là trạo cử. Phàm có hôn trầm trạo cử thì tâm không được trong sáng và không được yên tĩnh, đây gọi là Định Chướng. Không tác hạnh, nghĩa là gia hạnh cần phải thực hành và không thực hành gia hạnh thì trở thành lỗi lầm. Như đối với hôn trầm thì cần phải thực hành gia hạnh để khiến tâm khởi lên trụ nơi chánh niệm, còn đối với trạo cử thì cần phải thực hành khiến tâm an định và ngược lại không chịu thực hành thì trở thành lỗi lầm. Còn Tác Hạnh, nghĩa là đối với vấn đề không nên gia hạnh mà lại thực hành gia hạnh, đây cũng là trở thành lỗi lầm. Như phải định tâm bình đẳng phải vận hành tương tục, nhưng đối với gia hạnh này làm ngược lại thì cũng trở thành lỗi lầm. Cho nên cần phải thực hành mà không chịu thực hành, hoặc không nên thực hành mà lại thực hành, hơn nữa chỗ thực hành thì lại đình chỉ, chỗ vận hành thì lại giảm thiểu, tất cả hành động vừa kể đều trở thành tai hoạ lỗi lầm. Đối với năm lỗi lầm nói trên cần phải tu Tứ Thần Túc để đối trị. Tứ Thần Túc gồm có bốn pháp là Dục, Cần, Niệm, Trí. Tu bốn pháp đây thì có thể thành tựu được định. Nghĩa là nhân vì có Dục thì mới có hy vọng mong cầu, nhân vì có Cần thì mới có thể tinh tấn, nhân vì có Niệm thì mới không bị hôn trầm, nhân vì có Trí thì mới có thể quyết định chọn lựa. Cho nên nhờ bốn thứ này có thể thành tựu được định và nhờ định mà phát khởi năng lực thông suốt tất cả, dùng năng lực thần thông này có thể làm những sự việc mà bình thường không thể làm, có năng lực thì mới vượt qua được người phổ thông, năng lực đây chính là công năng của Tứ Thần Túc (bốn Thần Túc). Hơn nữa ở nơi Tứ Thần Túc cộng thêm bốn thứ nữa là Tín, An, Tư, Xả liền trở thành bát Đoạn Hành (tám Đoạn Hành). Nhờ tám thứ Đoạn Hành này có thể đối trị năm lỗi lầm: thứ nhất là đối trị lỗi lầm giải đãi. Muốn đối trị lỗi lầm giải đãi can phải tu tập bốn thứ là Dục, Cần, Tín, An. Dục là chỗ nương tựa và Cần tất nhiên nhờ nương nơi Dục mà phát khởi, do Dục mới có hy vọng, đối với tu Định hy vọng là yếu tố phát sanh mong cầu và nhờ mong cầu cho nên mới chuyên cần dũng mảnh tinh tấn tu Định. Nhưng có hy vọng tất nhiên là do nơi Tín và Tín tức là tín ngưỡng, nhờ công đức tín ngưỡng tu Định, cho nên hy vọng mới được phát khởi. Hơn nữa Tín lại nương nơi Dục làm nhân, nhờ Dục cho nên tinh tấn mới được phát khởi và tinh tấn là chỗ sanh ra quả tức là khinh an, cũng gọi là Định. Cổ nhân nói rằng: "Biết dừng mà sau đó có thể định, định mà sau đó có thể tịnh, tịnh mà sau đó có thể an" cũng là nghĩa này. An đây tức là khinh an trên thân tâm và cũng tức là tượng trưng sự thành tựu của Định; Định đã được thành tựu thì có thể đối trị giải đãi. Ngoài đối trị bốn thứ lỗi lầm nói trên, còn có bốn thứ lỗi lầm nữa gọi là: Quên Thánh Ngôn, Trầm Trạo, không Tác Hạnh và Tác Hạnh. Muốn hoá giải bốn thứ lỗi này cần phải tu bốn thứ sau đây như là Tu Niệm, Trí, Tư, Xả nhằm để đối trị bốn thứ vừa kể như là Quên Thánh Ngôn, Trầm Trạo, v.v... Như nhờ tu Niệm liền có thể nhớ rõ không quên và đối với xu hướng chân lý của Thánh Giáo luôn luôn lúc nào cũng hiện tiền. Nhờ tu Trí khiến được phát hiện trên tâm cho nên không bị trầm trạo (hôn trầm và trạo cử). Nhờ tu Tư cho nên có thể sanh khởi gia hạnh để chinh phục và trừ khử trầm trạo. Nhờ tu Xả cho nên có thể an trụ bình đẳng. Công hạnh của bốn thứ đã được rõ rành như thế, trong bốn thứ đây Niệm và Trí thì rất trọng yếu, nhờ có niệm thì chánh trí mới có thể sanh khởi, nhờ chánh trí sanh khởi mới phát hiện được trầm trạo để phát khởi gia hạnh tu tập và nhờ chánh trí sanh khởi mới biết được tâm đã trụ nơi bình đẳng thì không cần phát khởi gia hạnh nữa. Tụng nói rằng: Đã ghi nhận những Thánh Ngôn nghĩa là đã ghi nhận được chánh lý của Thánh Ngôn, như là các hành vô thường, các pháp vô ngã, tất cả đều do Duy Thức biến biện, v.v... đây thuộc về Niệm. Có thể phát hiện trên tâm không có trầm trạo, đây thuộc về chánh Trí. Có thể tu gia hạnh để chinh phục và đoạn trừ trầm trạo, đây thuộc về Tư. Có thể để cho tâm định bình đẳng lưu hành tương tục không gián đoạn, đây thuộc về Xả. Như thế tám Đoạn Hành đối trị năm lỗi lầm vừa trình bày trên đều là phương tiện tu Định xuất thế. Nguyên vì Định đây ở nơi tu hành là trọng yếu phi thường và Định đây nếu như thành tựu thì có thọ dụng vô cùng to lớn không gì bằng. Những điều không lỗi lầm đã được giải thích sơ lược qua, muốn hiểu rõ tinh tế về chúng nó thì hãy xem nơi Du Già Sư Địa Luận Đẳng. Gần đây có pháp môn Tu Định Nghi Quỹ của ngài A Vượng Kham Bố cũng có thể tham khảo.

(còn tiếp)

NGHÌN NĂM LẨN QUẨN

Kể từ vào chốn tử sinh,
Tấm thân tứ đại vô minh phủ đầy,
Nẻo về hun hút chân mây,
Nghìn năm lẩn quẩn cõi nầy trầm luân,
Ta bà vạn ngả mênh mông,
Xa xa bến giác buồn trông ngậm ngùi.

NGƯỜI VỀ

Từ đi giữa chốn phàm trần,
Chiều nghiêng bóng đổ theo chân người về.
Khom lưng nhặt hạt bồ đề,
Hỏi tâm mới thấy tỉnh mê kiếp người.

XÁC THÂN RỒI CŨNG XA

Người qua rồi một thuở,
Ta mất đi hình hài
Cõi lòng ta tan vỡ
Đêm buồn giữa trần ai.

Từ khi ta thấy có,
là không đang đợi chờ
Vốn chăng dừng lại đó,
Nên đời mãi ước mơ.

Thời gian thì vẫn thế,
Chỉ có ta thấy già,
Đêm buồn ngồi kể lể,
Một mình ta với ta...

Lửa tàn theo điếu thuốc,
Khói buồn chẳng bay xa,
Có không rồi cũng vậy,
Nghĩ chi cho mau già.

Lời xưa thầy đã dạy
Đây là cõi ta bà,
Hơn thua gì cho mệt,
Xác thân rồi cũng xa…

HƯ ẢO

Thuyền trôi một chiếc cuối sông,
Người đi áo mỏng chiều đông lạnh lùng.
Mây sầu giăng mắc không trung,
Mờ xa hư ảo một vùng nước trôi.

VẪN TRẮNG TAY ĐỜI

Đọc kinh lòng thấy ngậm ngùi,
Vải sô rách lỏng chỉ vùi vương theo.
Trắng tay đời vạn khổ theo,
Nhìn trông đỉnh núi cheo leo đá mòn.

Đêm nghe vượn hú đầu non.
Từ đi hương khói vẫn còn thoảng bay,
Rong rêu ngày tháng phủ đầy,
Mang vô thường giữa cõi nầy vào không,
Vào chùa tìm lại sư ông,
Lời kinh ngày cũ trong lòng còn in,
Ngẩn ngơ một thoáng đứng nhìn,
Hỏi tâm mới thấy bóng hình Như Lai.

Từ lang thang giữa trần ai,
Tử sinh mấy độ trải dài cuộc chơi,
Lang thang góc bể chân trời,
Rồi mai cõi tạm xa rời xác thân.

thơ NGUYỄN THANH HUY

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Mùa Xuân Tân Sửu – 2021

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

ĐOẢN VĂN / TÙY BÚT

Sân trước của Từ Đàm Hải Ngoại phủ đầy tuyết

Chúng tôi nhập cư tại xứ cờ Hoa cũng trên 40 năm. Đây là mùa xuân rất đặc biệt đối với chúng tôi, mà cũng đặc biệt với người dân tiểu bang Texas.

Tại sao chúng tôi lại nói thế?

Ban đầu chúng tôi định cư ở Denver, tiểu bang Colorado. Ở đây cũng có tuyết rơi, cũng lạnh buốt xương. Tuyết rơi ở Denver có khi vài ba tuần và có thể kéo dài cả tháng; nhưng sự sinh hoạt không ngặt nghèo và khó khăn như bây giờ tại Dallas, Texas.

Số là, ngày 28 âm lịch (nhằm thứ Ba, ngày 09 – 02 – 2021), trời bắt đầu chuyển lạnh. Một vài đệ tử đến chùa công quả cùng với chúng tôi để phụ quét bụi lau bàn tượng Phật và các khí cụ nơi thờ tự bàn Phật, bàn linh... cho biết là sẽ có bão tuyết.

Khí trời lành lạnh lại mang theo mưa. Tôi nghe có tuyết nên lật đật cắt hoa cúng Phật như thường lệ. Ở Hoa Kỳ có một loài hoa nó tương tự như hoa đào màu đỏ, cũng có loài hoa màu vàng như hoa mai nhưng không đẹp như mai ở quê nhà. Xa quê mà có hoa như vậy để cúng tết và để cho Phật tử thỉnh lộc là đại quý. Loại hoa tôi tạm gọi là Hoa đào, khi đang ở ngoài trời thì màu đỏ, cắt vào cúng thì từ từ đổi màu. Các nụ hoa nở muộn thì hóa màu ngọc khá đẹp. Đặc biệt loại hoa nầy, chúng tôi dùng nước nóng để cắm thì mau nở và bền như hoa mai Việt Nam chúng ta.

Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại, chúng tôi cúng hoa nầy vào dịp Giao thừa hằng năm kể từ khi có chùa sau một năm, tức là từ năm 1982 cho đến bây giờ. Không năm nào mà không có. Có năm, chúng tôi mua nhiều thì cho Phật tử thỉnh về nhà cúng tết như chùa vậy.

Gần tết, độ bốn năm ngày thì Phật tử gọi phone về chùa hỏi:

- Năm nầy chùa mình có hoa Đào để cho chúng con thỉnh không thưa thầy?

Tôi trả lời: Chưa biết được.

Những năm trước mùa tết Tân Sửu, thì lúc nào cũng có, không nhiều thì ít. Năm nay hoàn toàn không có, vì là năm Nhuận nên hoa nở sớm. Điều may mắn là ở Từ Đàm khi thấy loài hoa nầy cũng khá đặc biệt trong mùa tết, nên năm đầu tiên xử dụng nó, ra tết là chúng tôi tìm cách trồng ngay để dùng. Nó có ba màu: màu đỏ, màu gạch và màu trắng. Màu đỏ mạnh nhất và dễ có hoa hơn hai màu kia.

Chùa trồng cũng tương đối khá nhiều để riêng dùng vào dịp tết, nhưng ít khi cắt để dùng; Vạn bất đắc dĩ mới cắt vào cúng Phật như năm nay. Hầu hết chúng tôi tự thân đi đến các nhà hàng xóm để xin mua với giá tượng trưng. Người Mỹ họ trồng cho đẹp. Họ trồng lâu năm nên bụi hoa to lớn, rườm rà; một khi chúng tôi đến ngỏ ý thì họ hoan hỷ và không nhận một đồng xu nào cả. Có những nhà không khá giả, chúng tôi xin trả tiền, họ không nhận; chúng tôi mua quà cáp để tặng và họ cũng hoan hỷ tươi cười vui vẻ đón nhận món quà từ chúng tôi...

Chúng tôi lái xe đến những nơi mà thường năm hay đến cắt hoa, thì, hoa tàn tơi tả. Riêng tại Từ Đàm, may thay cũng vừa đủ để cúng tết cho mười bình như thường lệ hằng năm.

Hoa cắm xong. Trang trí bàn thờ vừa tươm tất thì mưa gió bắt đầu mạnh hơn. Nồi bánh chưng nước cũng lâu sôi.

Hai thầy trò chúng tôi bắt đầu rải muối chung quanh chùa để phòng để Phật tử và khách thập phương về lễ Phật đầu năm khỏi gặp nguy hiểm.

Giờ Giao Thừa đã điểm. Hằng năm có cử

TRỞ VỀ MỤC LỤC

ba hồi chuông trống Bát Nhã. Năm nay không có vì trong chánh điện chỉ có hai thầy trò và một gia đình đệ tử bốn người lớn nhỏ đến và cũng cùng làm lễ như thường lệ. Thùng Lộc để cho Phật tử sau khi dự lễ Giao Thừa xong, dâng lễ bái, chúc tụng cho nhau là thọ lộc đầu năm ; Tùy ý mỗi người thích thứ gì lấy thứ đó, hoặc cam, táo hay quýt,... Năm nay, chỉ hao có bốn quả. Suốt một ngày mồng Một Tết mà thùng lộc chỉ vơi đi gần một nửa.

Ngày mồng hai Tết, bà con thưa dần. Tối mồng hai tuyết đổ liên hồi. Nhìn ra, trước cũng như sau sân chùa toàn một màu trắng xóa dày gần một gang tay. Gần nửa đêm mồng hai điện cúp, chúng tôi phải dùng một số đèn cầy để thắp sáng và đặt vào những chỗ cần thiết, ... muốn di chuyển thì phải bưng đèn đi theo, ... Hình ảnh nầy làm chúng tôi nhớ lại tuổi học trò và tuổi hành điệu ở Trúc Lâm khi học bài hay học kinh không khác.

Giây phút ngày xưa như thế, sao nó đẹp và tự nhiên. Bây giờ trên tay bưng ngọn đèn dầu, bạch lạp sao thấy mù mờ khó chịu. Có lẽ vào độ tuổi về già, mắt mờ tay chân lọng cọng thì phải, chả thấy thoải mái chút nào. Đã vậy, độ sáu tiếng đồng hồ, điện lại sáng trở lại; chưa kịp mừng, chưa kịp làm những việc cần làm thì điện lại tắt tiếp, bóng đen úp vào toàn bộ các phòng nên lại càng khó chịu hơn, ...

Chính phủ tiểu bang yêu cầu xử dụng điện hạn chế. Những nơi thấy cần thiết lắm thì mới có điện để tạm dùng. Bà con thiên hạ gọi phone về chùa hỏi đủ thứ. Họ cũng dặn dò nếu có điện thì nhớ charge điện cái phone cho đầy đủ, phòng khi hữu sự thì có để dùng.

Cũng thương cảm cho hàng Phật tử có tâm lo lắng cho chúng tôi. Chóc chóc có vị gọi đến hỏi:

- Chùa có điện nước không thưa thầy?

Tôi trả lời: điện thì không có nhưng nước và gas thì có con ơi!

- Nhà con cũng vậy.

Một vị khác bảo: nhà con mất điện hoàn toàn nên không có nước nóng, vì thùng nước nóng, bếp nấu nướng đều xử dụng bằng điện.

Chùa đỡ hơn là có hệ thống Gas nên nấu nướng dễ dàng. Nếu Phone hết pin thì ra nổ máy xe lên để charge; Tuy thế, tuyết lên cao phủ đầy xe, muốn vào xe để cho máy nổ cũng vô cùng khó khăn; Vì, vừa lạnh mà gió lại mạnh, hâm nóng chiếc xe cho bản thân bớt lạnh cũng không phải là dễ…

Mặc dầu có hệ thống Gas, nhưng khi tắt điện rồi cũng không xử dụng được hệ thống heater; Thế là khí lạnh xâm nhập làm cóng người. Chúng tôi phải lấy hai ba cái chăn mền quấn chặt vào người để ngủ nhưng cũng không ngủ được.

Vừa ấm, thiu thiu ngủ thì điện bật sáng trở lại, buộc lòng ngồi dậy charge điện thoại để cần dùng. Máy nóng vừa cho hơi ấm tạm được thì điện cũng tắt trở lại.

Trời bắt đầu có ánh nắng, chúng tôi lấy xẻn cào và chổi để quét một phần tuyết gần cửa ra vào, nhưng không tài nào làm được, ví tay chân tê cóng như rách da, mặc dầu có trang bị đầy đủ mà vẫn không tài nào đỡ lạnh, nên không thể ở ngoài trời quá mười lăm phút.

Sáng sớm bảy giờ rưỡi đi tụng kinh, không có điện, bàn Phật lạnh và tối. Bên trong chúng tôi mặc thật ấm, thêm y hậu nữa mà vẫn không chịu được cái lạnh đang có ở chánh điện. Đầu phải đội mũ len tốt đệ tử mua từ Đại Hàn *(mặc dầu luật dạy:* ***"Bất đắc phú đầu tác lễ"*** *nghĩa là lễ Phật thì không được che kín đầu),* nhưng không có cách nào hơn được để đối trị với cái lạnh. Ngồi tụng công phu sáng chỉ tụng tựa Lăng Nghiêm, phần An a na lệ... và thập chú, niệm Phật hồi hướng, lạy ba lạy là xuống phòng ngay.

Cây cảnh làm đẹp chùa, bang đầu chúng tôi thấy lá héo, cành lá xịu xuống thì tưởng rằng thiếu nước; lấy nước tưới vào. Sáng ngủ dậy thấy nó xịu nhiều hơn thì mới biết là quá lạnh, cây ở trong nhà không có độ ấm tối thiểu cũng bị chết héo.

Đang ngồi co ro chống cự với cái lạnh và trông đợi có điện để làm những việc nho nhỏ như đưa bài lên trang nhà Từ Đàm, … thì một đệ tử thân quen gọi báo cho biết :

- Thầy cần tích trữ một ít nước để dùng, vì có thể bị khóa ống chính của chính phủ *(city Iring)* để sửa chữa những ống dẫn chính bị bể vì lạnh.

Nghe vậy, chúng tôi phải lấy ba cái thùng sơn nắm ga-long, hứng nước để dùng khi bất trắc. Mặc áo dày, bao tay, mũ len chân mang dày ống ra lấy thùng vào nhà mà thân thể tay chân lạnh bầm tím, phải đốt lò

TRỞ VỀ MỤC LỤC

gas lên để sưởi cho ấm mất hơn nửa giờ mới hoàn hồn trở lại. Từ ngày qua Mỹ cho đến bây giờ, thì đây là cái lạnh duy nhất và khó quên trong tuổi cổ lai hy chính tôi. Nghe ra, cơn bão tuyết nầy 61 năm về trước có xảy ra một lần rồi, . . . Chiều thứ Sáu, 19-02, nắng bắt đầu lên, tuyết bắt đầu tan dần ; chuyện đi lại tương đối dễ dàng cho mọi người.

Niềm vui chưa đến thì nỗi lo lắng buồn hiu ập tới. Số là, chúng tôi chuẩn bị ăn cơm tối thì ống nước bên ngoài bể, nước chảy lung tung... Không cách nào hơn, chỉ có cách là khóa ngay ống chính, và, xem như chùa không có nước dùng cho cuối tuần. Suốt đêm chong đèn ngồi chờ sáng để gọi phone một vài người chuyên môn về plumbing của Mỹ đến sửa chữa, thì, họ cho biết đến thứ hai gọi lại... Lại một đêm ngồi thao thức, không ngủ được. Cũng may gọi được vị đệ tử thân tín Quảng Tuấn Nguyễn Ngọc Anh đến giúp một tay. Anh ta cho hay, chiều nay *(thứ Bảy)*, con đi làm về sớm hơn và sẽ đến chùa ngay. Anh khá giỏi về điện lạnh và plumbing, nên nhìn qua hoàn cảnh là có ngay phương thức sửa chữa ; ngặc nỗi hai nơi Homedepot và Lowe's đều hết sạch các vật dụng cần thiết cho những vấn đề nêu trên, ...

Rất may mắn là ống nước chùa bể không nhiều, dụng cụ cần thiết cũng không quá đáng. Cuối cùng cũng được êm xuôi mát mái. Hai thầy trò thở phào nhẹ nhỏm. Đệ tử Quảng Tuấn vái chào xin về vì đã chín giờ tối để ăn cơm với gia đình và chuẩn bị cho ngày mai đi làm sớm; chúng tôi cũng ăn cơm trễ và nghĩ ngơi, không tụng kinh bái sám được vì quá mệt.

Ngồi nghỉ mệt, xem TV thì mới thấy toàn bộ tiểu bang Texas đều lâm vào cảnh thê thảm, nhất là ở Houston và những quận hạt nhỏ, ... Chúng tôi xin cám ơn tấm lòng của chư Tôn Đức, Phật tử và Đồng hương xa gần đã gọi phone về chùa hỏi thăm hoàn cảnh của chùa hai việc: Điện nước ra sao? ...

Chúng tôi trả lời là cũng có bị nhưng nhẹ, không mấy quan trọng, hiện giờ thì tốt rồi.

Nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho toàn thể đồng bào khắp đó đây đều sớm dứt trừ nạn Covid-19 và những thiên tai bão lụt; cầu nguyện cho những người không may lâm cảnh dịch bệnh và thiên tai đã qua đời được tiêu trừ nghiệp chướng và dễ dàng sanh về cảnh giới giải thoát theo niềm tin của chính mình.

Mong thay!

Trọng xuân Tân sửu – Feb. 22nd, 2021

XƯỚNG:

NGÁT HƯƠNG LIÊN

Đầu năm lễ bái nguyện an - yên
Vạn vật tươi xanh - trải khắp miền
Ngắm cảnh nên về nơi tịnh - lạc
Nhàn du cần đến chốn thiên nhiên
Già lam thanh vắng - lòng vô lự
Cửa Phật thênh thang - ý hết phiền
Mặc khách - tao nhân luôn hòa vận
Một lòng hướng thiện - ngát hương liên.

THÍCH NHƯ GIẢI
Chùa Lầu 11 tháng Giêng, Tân Sửu

HOẠ:

RẠNG THANH LIÊN

Vườn thiền tịch tĩnh cảnh bình yên
Chuông vắng sớm hôm an tịnh miền
Khách vãng lòng trong tâm hỷ lạc
Tăng cư trí sáng ý như nhiên
Thi thơ xướng họa quên lao lự
Phật đạo nghiên tầm giải muộn phiền
Thiện nghiệp vun trồng tươi số vận
Ngày về cảnh Phật rạng thanh liên..!

TRÚC NGUYÊN
THÍCH CHÚC HIỀN
(kính họa)
California, 22-02-2021

TRỞ VỀ MỤC LỤC

CẢM NHẬN SỰ THẤU CẢM

Nguyên bản: *Feeling Empathy*
Tác giả: ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA
Chuyển ngữ: **Tuệ Uyển**

Mưa từ ái quan tâm cho những chúng sanh lưu chuyển
Bất lực như một chiếc thùng đi lên và đi xuống trong một giếng nước
Qua sự phóng đại bẩm sinh chính mình, cái "tôi",
Và rồi phát sinh sự dính mắc cho mọi thứ,
"Đây là của tôi".

- BỔ SUNG CỦA NGUYỆT XỨNG -

Mặc dù thật cần thiết trong việc bắt đầu có một ý chí mạnh mẽ nhằm để phát triển từ ái và bi mẫn, nhưng sẽ không đầy đủ để phát triển những thái độ vị tha này một cách vô giới hạn. Thật quan trọng để phối hợp sự thực tập từ ái và bi mẫn với sự thực tập tuệ giác. Ngay cả nếu quý vị nghiên cứu để hỗ trợ người nào đó do sự quan tâm, nhưng nếu không có tuệ giác thì quí vị sẽ không thể rõ ràng lắm về lợi lạc nào sẽ đến từ những nổ lực của quý vị. Một sự phối hợp cần thiết: Một trái tim tốt lành của con người cũng như một bộ óc tốt lành của con người. Với những thứ này hoạt động với nhau, thì chúng ta có thể thành tựu nhiều thứ.

ẨN DỤ ĐỂ QUÁN CHIẾU

Trong câu kệ được trích dẫn bắt đầu chương này. Nguyệt Xứng cho thấy vấn đề tuệ giác có thể làm sâu sắc từ ái qua việc thấu hiểu tiến trình mà qua đó chúng ta đau khổ. Ngài so sánh tiến trình đối với cách của một chiếc thùng đi lên và đi xuống một cái giếng. Chúng sanh được sanh ra từ kiếp này đến kiếp khác tương tự như một chiếc thùng trong một cái giếng như thế nào? Có 6 sự tương tự:

Giống như một chiếc thùng bị cột bởi một sợi dây, cho nên chúng sanh bị thúc đẩy bởi những cảm xúc phiền não chướng ngại ẩn tàng và những hành vi bị lèo lái bởi chúng.

Giống như thời khắc chiếc thùng lên và xuống trong giếng bị điều khiển bởi người lấy nước, cho nên tiến trình của vòng luân hồi bị vận hành bởi tâm thức chưa được thuần hóa, một cách đặc biệt qua niềm tin sai lầm rằng tự ngã tồn tại một cách cố hữu, và sau đó hiểu sai bản chất của cái "của tôi".

Giống như chiếc thùng đi lên và đi xuống trong cái giếng hết lần này đến lần khác, cho nên chúng sanh lang thang không ngừng trong cái giếng vĩ đại của dòng luân hồi, từ những tình trạng tột đỉnh của hạnh phúc tạm thời đến những tình trạng tột cùng của khổ đau tạm thời.

Giống như phải dùng nổ lực khó nhọc để kéo chiếc thùng lên nhưng nó rơi xuống một cách dễ dàng, cho nên chúng sanh phải dành nổ lực lớn để đưa chính họ lên để có một đời sống hạnh phúc hơn nhưng dễ dàng rơi xuống thành những hoàn cảnh khổ đau.

Giống như một chiếc thùng không thể quyết định những chuyển động của chính nó, cho nên những nhân tố liên hệ trong việc cấu thành đời sống của một người là những kết quả của si mê, dính mắc, và chấp trước quá khứ, trong hiện tại, cũng những nhân tố này đang tạo ra tiếp diễn nhiều vấn nạn hơn cho những kiếp sống tương lai, giống những đợt sóng trong đại dương.

Giống như chiếc thùng đập vào tường vách của cái giếng khi nó đi xuống và đi lên, cho nên chúng sanh bị hành hạ ngày qua ngày bởi nổi khổ của đớn đau và thay đổi, và bằng việc vướng mắc trong những tiến trình ngoài sự kiểm soát của họ.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Qua sự so sánh này, Nguyệt Xứng cung cấp tuệ giác vào trong những chi tiết của tiến trình bị trôi dạt trong vòng luân hồi.

Thứ nhất, áp dụng thông tin này về vòng luân hồi với chính quý vị vì thế quý vị có thể thấu hiểu cảnh ngộ của quý vị và phát triển một quyết tâm mạnh mẽ để vượt lên khỏi sự biến động của những vấn nạn tái diễn này. Nếu tâm thức của quý vị chưa bị ảnh hưởng bởi suy nghĩ về cung cách chính quý vị lang thang trong một vòng không thể kiểm soát của sự tự tàn lụi, thế thì khi quý vị phản chiếu trên tiến trình của khổ đau trong những chúng sanh khác, quý vị sẽ không thấy sự khổ đau của họ thật không thể chịu nổi để quý vị cảm thấy nhu cầu cần giúp đỡ họ giải thoát họ khỏi vũng lầy khổ đau này.

Phản Chiếu Thiền Tập

Quán chiếu:

Giống như một chiếc thùng bị cột bởi một sợi dây, cho nên tôi bị thúc đẩy bởi những cảm xúc phiền não chướng ngại ẩn tàng và những hành vi bị lèo lái bởi chúng.

Giống như thời khắc chiếc thùng lên và xuống trong giếng bị điều khiển bởi người lấy nước, cho nên tiến trình của vòng luân hồi của tôi bị vận hành bởi tâm thức chưa được thuần hóa, một cách đặc biệt qua niềm tin sai lầm rằng tự ngã tồn tại một cách cố hữu, và cái "của tôi" đó tồn tại một cách cố hữu.

Giống như chiếc thùng đi lên và đi xuống trong giếng hết lần này đến lần khác, cho nên tôi đã lang thang không ngừng trong cái giếng vĩ đại của dòng luân hồi, từ những tình trạng tột đỉnh của hạnh phúc tạm thời đến những tình trạng tột cùng của khổ đau tạm thời.

Giống như phải dùng nổ lực khó nhọc để kéo chiếc thùng lên nhưng nó rơi xuống một cách dễ dàng, cho nên tôi phải dành nổ lực lớn để đưa chính tôi lên để có một đời sống hạnh phúc hơn nhưng dễ dàng rơi xuống thành những hoàn cảnh khổ đau.

Giống như một chiếc thùng không thể quyết định những chuyển động của chính nó, cho nên những nhân tố liên hệ trong việc cấu thành đời sống của tôi là những kết quả của si mê, dính mắc, và chấp trước quá khứ của; trong hiện tại, cũng những nhân tố này đang tiếp tục tạo ra nhiều vấn nạn hơn cho những kiếp sống tương lai của tôi, giống những đợt sóng trong đại dương.

Giống như chiếc thùng đập vào tường vách của cái giếng khi nó đi xuống và đi lên, cho nên tôi bị hành hạ ngày qua ngày bởi nỗi khổ của đớn đau và thay đổi, và bằng việc vướng mắc trong những tiến trình ngoài sự kiểm soát của tôi.

Vì thế từ chiều sâu trái tim tôi, tôi nên tìm cách thoát khỏi vòng lẩn quẩn khổ đau này.

Mở Rộng Tuệ Giác Này Đến Những Người Khác

Bây giờ quý vị đã xác định những cơ chế của khổ đau trong hoàn cảnh của chính quý vị, thì quý vị có thể mở rộng tuệ giác này đến những chúng sanh đau khổ khác có cùng nỗi khốn khó tương tự. Tuy nhiên, đối với sự đáp ứng của quý vị là từ ái và bi mẫn, thì không đủ với việc chỉ biết vấn đề người khác đau khổ như thế nào; quý vị cũng phải có một cảm nhận gần gũi với họ. Bằng khác đi, càng biết về nỗi khổ của những kẻ thù của quý vị bao nhiêu, thì quý vị có thể càng vui sướng bấy nhiêu! Như Tông Khách Ba nói:

"Trong thế giới khi khổ đau được thấy trong một kẻ thù, không chỉ nó là không thể không chịu nổi mà quý vị sung sướng trong ấy. Khi những người chưa từng giúp đỡ hay làm tổn hại quý vị dường như đau khổ, thì quý vị trong hầu hết mọi trường hợp không chú ý đến hoàn cảnh của họ. Sự phản ứng này được tạo ra bởi không có một cảm nhận gần gũi với sự quan tâm đến những người đó. Nhưng khi quý vị thấy những người bạn đau khổ, nó là không thể chịu nổi [trong ý nghĩa rằng quý vị muốn làm điều gì đó về nó], và trong mức độ của sự không thể chịu nổi lớn như cảm nhận gần gũi của quý vị đối với họ. Do thế, thật cần yếu là quý vị nên phát sanh một cảm nhận yêu mến mạnh mẽ và tình cảm mạnh mẽ đối với chúng sanh."

Lòng từ ái và bi mẫn chân thật sinh khởi trên căn bản của việc quan tâm đến người khác. Cảm nhận này về thấu cảm được thành tựu bằng việc nhận ra rằng quý vị và tất cả những người khác - cho dù là những người bạn, những kẻ thù hay những người vô tư -

TRỞ VỀ MỤC LỤC

cùng chia sẻ một khát vọng trung tâm bằng việc muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau, ngay cả nếu quý vị nghĩ về hạnh phúc và khổ đau một cách khác biệt. Cũng thế, nó giúp để nhận thấy rằng, qua phạm vi của vô số kiếp sống, mỗi người ở vào một lúc nào đó đã từng là mẹ của quý vị và một người bạn thân thiết nhất của quý vị. (Tôi đã giải thích những điểm này một cách chi tiết trong tác phẩm Rộng Mở Từ Ái).

Với cảm nhận gần gũi và thân mật tiên quyết này với mọi người hiện hữu, tuệ giác vào trong vấn đề chúng sanh lang thang một cách bất lực trong vòng luân hồi như thế nào phục vụ để làm tăng cường lòng từ ái và bi mẫn. Trong sự hiện diện của sự thân mật và tuệ giác, những nhân tố của từ ái và bi mẫn, và một khát vọng để giúp đở sinh khởi một cách không khó khăn.

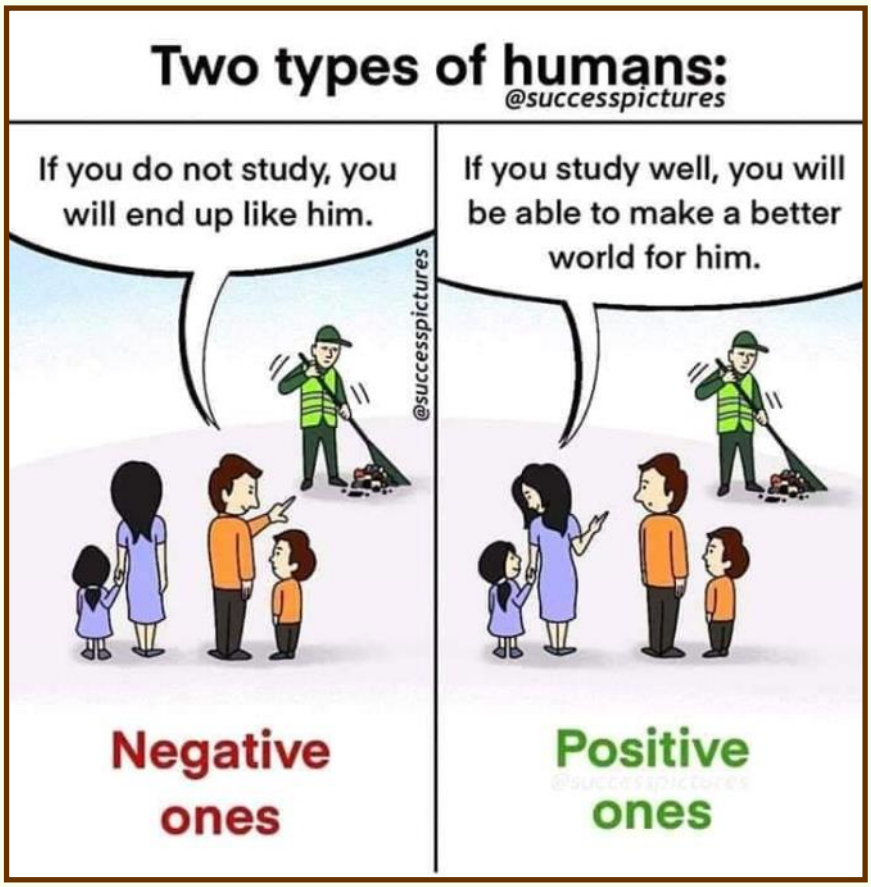

Phản Chiếu Thiền Quán

Đem một người bạn vào tâm thức, và trau dồi ba trình độ của từ ái:

Người này muốn hạnh phúc nhưng bị lấy mất đi. Thật dễ thương làm sao nếu người ấy có thể thấm đẫm với hạnh phúc và tất cả những nguyên nhân của hạnh phúc!

Người này muốn hạnh phúc nhưng bị lấy mất đi. Nguyện cho người ấy được thấm đẫm với hạnh phúc và tất cả những nguyên nhân của hạnh phúc!

Người này muốn hạnh phúc nhưng bị lấy mất đi. Tôi sẽ làm bất cứ điều gì mà tôi có thể làm để giúp người ấy được thấm đẫm với hạnh phúc và tất cả những nguyên nhân của hạnh phúc!

Bây giờ hãy trau dồi ba trình độ của bi mẫn:

Người này muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau, tuy thế lại lâm vào nổi đớn đau kinh khiếp. Phải chi người này cuối cùng được thoát khỏi khổ đau và tất cả những nguyên nhân của khổ dau!

Người này muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau, tuy thế lại lâm vào nổi đớn đau kinh khiếp. Nguyện cho người này được thoát khỏi khổ đau và hết tất cả những nguyên nhân của khổ đau!

Người này muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau, tuy thế lại lâm vào nổi đớn đau kinh khiếp. Tôi sẽ giúp đở người này thoát khỏi khổ đau và tất cả những nguyên nhân của khổ đau!

Bây giờ trau dồi chí nguyện toàn lực:

Vòng luân hồi là một tiến trình bị lèo lái bởi si mê.

Do thế, thật thực tế cho tôi để làm việc thành tựu Giác Ngộ và để giúp đở người khác cùng làm giống như thế.

Ngay cả nếu tôi phải làm việc này một mình, tôi sẽ giải thoát tất cả chúng sanh khỏi khổ đau và những nguyên nhân của khổ đau, và đưa chúng sanh đến hạnh phúc cùng những nguyên nhân của nó.

Từng thứ một, hãy đem vào tâm thức những cá nhân chúng sanh - đầu tiên là những người thân quyến, rồi thì những người vô tư trung tính, và sau đó là những kẻ thù, bắt đầu với kẻ ít mích lòng nhất - và lập lại những sự quán chiếu này với họ. Nó sẽ cần đến hàng tháng và hàng năm, nhưng lợi ích của sự thực tập này sẽ là vô biên.

***

(Trích từ quyển How to See Yourself as You Really Are của Đức Đạt Lai Lạt Ma)

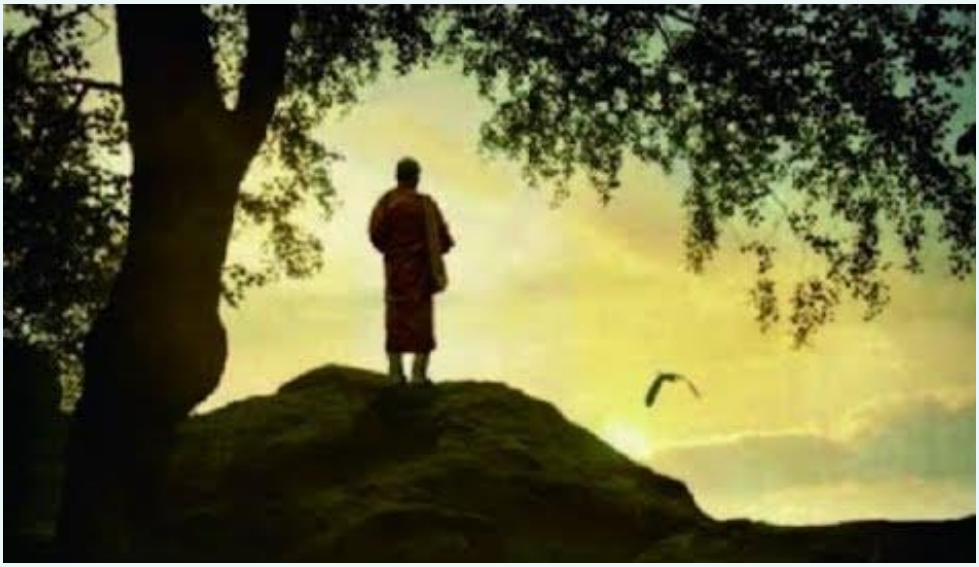

THẦY

Chưa diện kiến cũng chưa từng giao tiếp
Ngỡ thầy trò từ muôn kiếp xa xưa
Người lên đường đại chúng mãi ngủ trưa
Chống gậy trúc đội nắng mưa dấn bước
Giữa ly loạn vẫn trang nghiêm mực thước
Tô vàng son áo xống buộc ràng nhau
Ngỡ hoằng dương nào thấu tận cơn đau
Ngày tối sầm đêm bạc màu máu dựng
Địa ngục mở ma vương đà giả chứng
Suối nguồn khô mắt ráo hoảnh rưng rưng
Người và quỷ say vũ điệu thậm xưng
Mang hài cỏ đạp núi rừng nam Việt
Đêm trường sơn sao trời thay mắt biếc
Ngày cô thân chấp bút viết trường ca
Vạt áo nâu lồng lộng bóng sơn hà
Bậc thượng sĩ chăm luống cà chớm nụ
Cuộc lữ thứ trớ trêu trò du thủ
Thầy tọa thiền kiết giới giữa ngục tù
Pháp thời mạt quốc vận thậm âm u
Chống tích trượng dấn thân sư dựng lập
Dòng tượng vương tuyên lời Duy Ma Cật
Ngồi an nhiên mặt thất bậc du già
Lòng quan hoài pháp vận những xót xa
Thư tâm huyết lời xuất ra thống thiết
Thương dân nước đâu thấy mình chịu thiệt
Tấm thân gầy gánh vác việc giang san
Mịt mù mây âm hưởng một cung đàn
Rừng đã cháy gầm vang sư tử hống
Không quản ngại tận thân tâm gióng trống
Đất trời lay hoa rải ngập hư không
Ngài hiện thân của minh triết phương đông
Như bàn thạch giữa gió giông hung hiểm
Nhìn tranh đoạt mà thương thay cười mỉm
Pháp lữ suy sao hiểu được tim Người
Danh vọng kia và lợi dưỡng của đời
Tợ dép rách uổng cho lời thiện xảo
Ngôi pháp chủ cũng chỉ là danh hão
Có chi đâu đồng đạo phải lao đao
Ngài vì pháp nào phải vị ngôi cao
Thời thế thế biết nói sao cho tỏ
Nối tục diệm giữ truyền đăng chư tổ
Tiếc thay người mê mải cố vô minh
Thị Ngạn am sấm sét giữ lặng thinh
Chí vững chắc lòng trung trinh kiên định
Vi diệu pháp truyền trao hàng thính chúng
Chữ của thầy là tuyệt tác viên dung
Huệ mãn khai với nghệ thuật hòa chung
Thượng cúng dường hạ chúng sanh phụng sự
Thân lau sậy mà linh hồn sư tử
Cười hiền từ bậc du sĩ tượng vương
Mắt ngưng thần thấu suốt tận mười phương
Giữ đuốc sáng trên con đường hoằng hóa
Đêm nguyệt tận mạn thù sa trăng xóa
Khúc hạc cầm chắp chới mãn thiên hoa
Từ cao nguyên đất đỏ cội thông già
Hương giới đức khắp gần xa lan tỏa.

ĐỒNG THIỆN
Ất Lăng thành, 02/2021

TRỞ VỀ MỤC LỤC

THẤY PHÁP LÀ THẤY PHẬT

Thích Nữ Hằng Như

I. DẪN NHẬP

"Ai thấy Pháp người ấy thấy Ta, ai thấy Ta người ấy thấy Pháp". Đây là lời dạy của đức Phật dành cho tỷ-kheo Vakkali. Lời dạy này được ghi lại trong Kinh Tiểu Bộ và Kinh Tương Ưng; do Hòa thượng Minh Châu dịch từ tiếng Pàli sang tiếng Việt. Trước khi tìm hiểu lời dạy trên của đức Phật, chúng ta cùng nhau tìm hiểu về ngài Vakkali một chút.

II. "BÀ-LA-MÔN VAKKALI" XUẤT GIA THEO PHẬT

Kinh Tiểu Bộ tập III, Phẩm Trưởng Lão Tăng Kệ, có kể lại câu chuyện về tôn giả Vakkali. Tôn giả sanh trưởng và lớn lên ở Sàvatthi, thuộc dòng họ Bà-la-môn. Trước khi xuất gia, Vakkali đã là người nổi tiếng thuần thục ba tập kinh điển Vệ-đà. Trong một lần nghe đức Phật thuyết pháp, Vakkali bị hình tướng đẹp đẽ của đức Phật hớp hồn. Thế là Vakkali liền xin xuất gia theo Phật. Do mục đích xuất gia không phải tìm đến với Chánh pháp mà chỉ vì tâm hồn của Vakkali bị trói buộc bởi sắc pháp và thanh pháp của đức Phật, nên ngoài giờ ăn uống, tắm rửa, tôn giả Vakkali dành toàn thời gian để chiêm ngưỡng đức Phật chứ không tập trung vào việc tu tập để thoát khổ, giác ngộ, giải thoát.

Tuy bậc Đạo Sư biết rõ điều này, nhưng vì muốn chờ đợi công phu thiền quán của tôn giả được chín muồi thì tự dưng ông sẽ thay đổi nhận thức, nên Đức Phật đã không nói gì trong một thời gian dài. Thế nhưng, ngày này qua ngày khác, đức Phật nhìn thấy tâm tính của Vakkali vẫn không có chút gì biến chuyển. Cho nên Ngài nghĩ rằng: *"Tỷ-kheo này, nếu không bị xúc động mạnh sẽ không thức tỉnh".* Vào một ngày cuối an cư mùa mưa, đức Phật gọi Vakkali đến, rồi nghiêm nghị bảo: *"Này Vakkali, ông hãy đi đi"*... Nghe đức Phật nói như thế, tôn giả Vakkali buồn rầu ra đi, mang theo trong lòng nỗi đau khổ tột cùng. Thâm tâm ông nghĩ rằng nếu không được gặp lại bậc Đạo Sư thì cuộc đời của ông không còn một chút ý nghĩa nào nữa. Ngay lúc đó, ông nuôi ý định gieo mình xuống vực núi Linh Thứu tự tử.

Đức Phật đọc được ý nghĩ của Vakkali, đương nhiên là Ngài không muốn tôn giả Vakkali tự mình phá hoại những điều kiện chứng được thánh quả trong đời này, nên khi tôn giả định lao xuống vực, đức Phật liền xuất hiện đưa tay về phía ông và nói: *"Hãy đến đây, này tỳ-kheo, hãy đến!"*. Nghe đức Thế Tôn gọi, tôn giả Vakkali rất lấy làm sung sướng. Bằng giọng thổn thức, tôn giả hỏi Ngài: *"Như Lai không bỏ con"?* Đức Thế Tôn trả lời: *"Ta chưa bao giờ bỏ ông, chỉ có ông mới bỏ ông. Ta đã lập bày phương tiện giúp ông khai mở tâm trí đón nhận giáo pháp, nhưng ông không chịu mở tâm ra, tự giam mình trong ích kỷ si mê. Đó không phải là ý muốn của Như Lai."*

Bấy giờ Vakkali mới bừng tỉnh, ăn năn sám hối và từ đó thoát ra khỏi lưới ái, quyết tâm nghe lời Phật dạy, siêng năng tu tập thiền quán, sau cùng cũng thành tựu thánh quả.

III. " TÔN GIẢ VAKKALI" BỆNH NẶNG

Kinh Tương Ưng, Phẩm Trưởng Lão, kể lại giai đoạn tôn giả Vakkali trong thời gian bị bệnh nặng. Tôn giả đã nhờ thị giả đến chỗ đức Thế Tôn đang trú tại Tu viện Trúc Lâm, thuộc thành Vương Xá đảnh lễ và thỉnh Ngài đến để tôn giả Vakkali có cơ hội được gặp lại Ngài lần cuối. Và đức Phật đã nhận lời.

Nguyên văn đoạn kinh này như sau:

" 1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Vakkali trú tại nhà một thợ gốm, đang bị bệnh, đau đớn, trầm trọng.

3) Rồi Tôn giả Vakkali gọi những người thị giả:

-- Đến đây, các Hiền giả! Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vakkali bị bệnh, đau đớn, trầm trọng; (Vakkali) cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali"

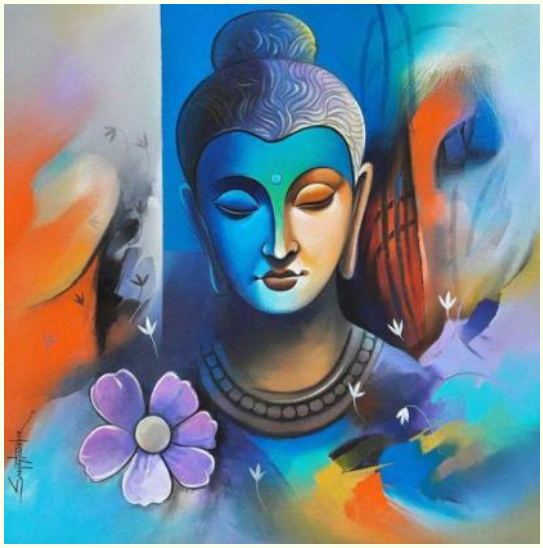

4) Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn trầm trọng. Vị ấy cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và có thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali".

5) Thế Tôn im lặng nhận lời." (hết trích)

IV. ĐỨC PHẬT THĂM HỎI NGƯỜI BỆNH

Tôn giả Vakkali nằm trên giường, được đức Phật ân cần thăm hỏi bệnh tình của ông. Rằng là tôn giả có chịu đựng được không? Cơn đau có giảm bớt hay không? Tôn giả Vakkali cho Ngài biết là ông không chịu đựng được nữa vì căn bệnh của ông ngày một nặng hơn, đã khiến ông đau đớn kịch liệt. Nguyên văn kinh ghi lại như sau:

"6) Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, đi đến Tỷ-kheo Vakkali.

7) Tôn giả Vakkali thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền cố gắng từ giường ngồi dậy.

8) Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

-- Thôi Vakkali, Ông chớ có cố gắng từ giường ngồi dậy. Có chỗ ngồi đã soạn sẵn, Ta sẽ ngồi trên chỗ ngồi ấy.

Rồi Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn.

9) Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

-- Ông có kham nhẫn được không? Ông có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tổn giảm, không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tổn giảm, không phải tăng trưởng?

-- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn! Con không có thể chịu đựng! Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có tổn giảm. Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có tổn giảm." (hết trích)

Sau khi nghe tôn giả Vakkali cho biết căn bệnh của ông ngày một nặng hơn và ông không thể chịu đựng được nữa. Đức Phật mới hỏi tôn giả Vakkali có gì phân vân và hối hận hay không? Chỗ nầy chúng ta có thể hiểu đức Phật muốn tạo cơ hội giúp tôn giả Vakkali giải tỏa những nội kết phiền muộn còn dính mắc trong lòng. Quả thật, tôn giả Vakkali đã thú nhận với đức Thế Tôn là ông hiện có phân vân và hối hận rất nhiều. Đức Thế Tôn hỏi có phải tôn giả Vakkali tự trách mình đã phạm giới luật hay chăng? Tôn giả thưa với Ngài là không có. Đức Thế Tôn lại hỏi ông không có gì tự trách về giới luật thì điều gì làm ông phân vân hối hận? Tôn giả Vakkali trả lời nỗi phân vân hối hận của ông là vì thân mang bệnh nặng khiến ông không thể đến để được trông thấy đức Thế Tôn. Nguyên văn kinh ghi lại như sau:

"10) -- Này Vakkali, ông có gì phân vân, hối hận không?

-- Bạch Thế Tôn, thật sự con có nhiều phân vân, có nhiều hối hận!

11) -- Này Vakkali, ông có gì tự trách mình về giới luật không?

-- Bạch Thế Tôn, con không có gì tự trách mình về giới luật.

12) – Này Vakkali, nếu ông không có gì tự trách mình về giới luật, vậy ông có gì phân vân, có gì hối hận?

-- Đã từ lâu, bạch Thế Tôn, con muốn đến để được thấy Thế Tôn. Nhưng thân con không đủ sức mạnh để được đến thấy Thế Tôn. (hết trích)

V. "AI THẤY PHÁP, NGƯỜI ẤY THẤY TA..."

Khi nghe tôn giả Vakkali cho biết đã từ lâu tôn giả ôm nỗi phân vân và hối hận vì không được nhìn thấy tôn nhan đức Phật. Ngài liền quở:

"13.- Thôi vừa rồi, này Vakkali, có gì

TRỞ VỀ MỤC LỤC

đáng thấy đối với cái thân hôi hám này. ***Này Vakkali, ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy Pháp. Này Vakkali, đang thấy Pháp là thấy Ta. Đang thấy Ta là thấy Pháp"***

Sau câu nói quan trọng này, đức Phật liền giáo giới tôn giả Vakkali bài pháp "***Ngũ Uẩn là Vô thường***". Ngài hỏi:

"14. -- Này Vakkali, Ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, là khổ hay là lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

-- Thọ… Tưởng… các Hành… Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn. (hết trích)

Bài pháp "*Ngũ Uẩn là vô thường*" nhằm nhắc nhở tôn giả Vakkali khi nhìn thấy đức Thế Tôn, thấy ngay bài Pháp "*Ngũ Uẩn là vô thường*", tức thấy Pháp thân của đức Thích Ca Mâu Ni chứ không phải thấy sắc pháp của Ngài, bởi vì dù cho sắc thân của đức Phật có 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp khác hẳn với người thường, nhưng cũng không tránh khỏi quy luật biến dịch. Cho nên, ai chiêm ngưỡng dung nhan, hình tướng của đức Phật, nhận thấy bài Pháp Vô Thường trên người Ngài, thì mới thật sự thấy Ngài. Đó là ý nghĩa câu: ***"thấy Pháp là thấy Ta"***. Ta đây là đức Phật.

Ngoài ra, ở đây, chúng ta có thể hiểu, nếu tôn giả Vakkali nhận ra tấm thân ngũ uẩn của ông vô thường, khổ, chịu sự biến hoại và nhận ra nó không phải là của ông, là ông, hay tự ngã của ông, thì ông đã thấy Pháp, mà đang thấy Pháp tức đang thấy đức Phật, không cần phải đi tìm kiếm đức Phật bằng xương bằng thịt ở đâu xa! Tóm lại, những ai hiểu Pháp, thể nhập Pháp, người ấy đã nhìn thấy Phật! Những câu trả lời của tôn giả Vakkali ghi lại trong kinh cho thấy ngài đã thâm nhập những lời Phật dạy.

Đức Phật đi đến kết luận: "*-- Do vậy, ở đây bậc Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán vị ấy ly tham. Do ly tham vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết "sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa."* (hết trích)

Sau khi giáo giới bài pháp Ngũ Uẩn là vô thường cho tôn giả Vakkali, đức Phật rời nơi này đi về phía núi Linh Thứu.

VI. CHÚNG TA HỌC ĐƯỢC GÌ TỪ THÁNH NGÔN "… CÁI THÂN HÔI HÁM NÀY…"?

Đức Phật quở tôn giả Vakkali rằng: "*… có gì đáng thấy đối với cái thân hôi hám này… ".* Chúng ta hiểu rằng đức Phật nói thế là có ý nhắc nhở tôn giả Vakkali đừng mê đắm cái thân vật chất. Vật chất là một phần của con người. Con người không tự dưng mà có. Nó kết hợp bởi năm yếu tố: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Gọi chung là ngũ uẩn. Ngũ uẩn hay con người gồm hai phần: Vật chất và tinh thần. Vật chất hay sắc do đất, nước, gió, lửa hợp lại mà thành. Còn tinh thần hay tâm thì do thọ, tưởng, hành, thức kết hợp mà nên.

Con người do nhiều yếu tố hợp lại mà thành, nên nó không thực chất tính. Vì không thực chất tính nên nó không vững bền, nó thay đổi, biến dịch theo thời gian gọi là vô thường. Nếu chấp ngũ uẩn là của ta, là ta hay là tự ngã của ta, thì khi ngũ uẩn thay đổi, biến hoại… tâm khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não… trong kinh gọi là khổ uẩn.

- Tìm hiểu cụm từ "*Cái thân hôi hám",* chúng ta sẽ thấy lời đức Phật phát biểu thật chính xác không sai trái một chút nào. Quán thân một cách tỉ mỉ chúng ta nhận thấy thân con người vốn cấu tạo bằng những chất không được sạch. Khi đứa bé mới sinh ra đời còn nằm trong nôi, ai đến thăm cũng khen bé xinh xắn thơm tho mùi sữa. Khi lớn lên những giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý dần dần điều hòa với các bộ phận trong nội tạng, tiết ra những chất thật là dơ bẩn, hôi hám. Nếu không tắm rửa, giữ vệ sinh sạch sẽ, thì không ai dám đến gần. Cụ thể như:

- Về mắt: Qua một đêm ngủ dậy, hai mắt tiết ra chất nhừ đóng thành cục ở khóe mắt gọi là ghèn trông thật gớm ghiếc.

- Về tai: Hai lỗ tai tiết ra chất dơ gọi là

TRỞ VỀ MỤC LỤC

ráy tai, ráy tai khô còn đỡ, có khi bị ráy tai ướt, hay bị nhiễm trùng chảy mũ đương nhiên là hôi thối vô cùng.

- Về mũi: Hai lỗ mũi thường chảy nước, có khi đặc sệt trông thật gớm ghiếc.

- Về miệng: Nếu không súc rửa sạch sẽ thì cái miệng là nơi rất dơ, nước dãi, nước bọt, có khi bị đàm xanh, đàm vàng từ trên mũi chảy xuống thật hôi hám.

- Về thân: Trên thân (da) có nhiều lỗ chân lông thường tiết mồ hôi khi nóng nực. Có người hôi nách, nếu không thường xuyên tắm rửa và bôi dầu khử mùi thì không ai dám đứng gần. Ngay cả mái tóc trên đầu, nếu không gội đầu hằng ngày thì tóc hôi hám, dơ bẩn, là cái ổ của "*gia đình chí*" sinh sống.

Tóm lại, những chất vừa kể trên, không chất nào trong sạch, thơm tho. Đó là chưa kể những thứ khác như ruột, gan, phổi, mật, lá lách, đàm, mũ, dãi, nhớt trong nội tạng , còn "*bất tịnh*" đến cỡ nào?

Ở đây tuy kể ra sự hôi hám gớm ghiếc của thân nhưng không phải vì vậy mà chúng ta xem thường, hủy hoại nó. Trong kinh nói "*được sanh làm người rất khó",* nên tuy thân dơ bẩn như thế nhưng bên trong còn có phần tâm rất quý giá. Vì vậy, chúng ta cần chăm sóc giữ gìn cho thân sạch sẽ khỏe mạnh, để tâm gá vào thân mà tu tập, hầu thoát khỏi luân hồi sinh tử. Bằng không, khi thân hoại mạng chung, tái sanh theo nghiệp lực mang cái thân khác, có khi không phải thân người, mà là thân thú vật, còn dơ bẩn đến cỡ nào?

VII. THỰC TẬP QUÁN "NGŨ UẨN LÀ VÔ THƯỜNG"

Khi cha mẹ sinh ra, rồi lớn lên, trưởng thành, vài chục năm sau bắt đầu già nua, bệnh tật và cuối cùng phải chết. Quá trình sinh, trụ, hoại, diệt ấy diễn ra trong từng sát -na, đó là vô thường. Quán thân thể vô thường như thế, không phải để thấy cái thân thể vô thường không bền chắc rồi mình bỏ bê hay hủy hoại nó. Hiểu như thế là hiểu sai về "*giáo lý vô thường".* Theo quan điểm nhà Phật, nếu chấp thân này thường còn, thì đó là tà kiến, ngược lại nếu chấp thân này đoạn diệt cũng bị xem là tà kiến. Đức Phật dạy chúng ta hãy quán chiếu "*ngũ uẩn là vô thường*" vì nó rất dễ mất, để chúng ta đừng chấp thủ, mê đắm mà khổ đau.

Thực tập bài pháp "*Ngũ uẩn là vô thường"* bằng cách quán thân tâm này là huyễn, là giả, nó không phải của mình, là mình, hay tự ngã của mình, để khi thân hoại mạng chung, mình "*rút tâm*" khỏi "*pháp ngũ uẩn*", ra đi bình thản không một chút tiếc nuối.

Muốn thực tập thành công bài pháp này để được thoát khổ, giác ngộ, giải thoát, chúng ta phải bắt đầu bằng bài học *"Tứ Thánh đế".* Đó là bài học về bốn chân lý khổ, tập, diệt, đạo để biết cách tu tập. Và quan trọng hơn nữa là bài học về chính con người của mình. Đó là bài học *"Vô ngã tướng*". Con người không thực chất tính vì nó kết hợp bởi năm nhóm sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nên đặc tính của nó là vô thường, khổ, vô ngã. Nếu không nhận ra bản chất vô thường, khổ, vô ngã của Ngũ uẩn, cho nó là thật, là thường hằng thì con người mãi mãi khổ đau vì bị cuốn trôi trong vòng luân hồi sinh tử không bao giờ thoát khỏi.

VIII. KẾT LUẬN

Sau cùng, trở lại đề tài *"Ai thấy Pháp là thấy Phật…"* chúng ta biết rằng, nhằm giúp tôn giả Vakkali không luyến ái với tấm thân ngũ uẩn bệnh hoạn đang hành hạ mình, đức Phật nhắc lại bài Pháp "*Ngũ Uẩn là Vô Thường, là Khổ, là biến hoại*". Kết quả, tôn giả Vakkali đã xác nhận là ngài không một chút nghi ngờ gì về những bài pháp của đức Thế Tôn truyền giảng. Chính vì không nghi ngờ nên tôn giả đã nhàm chán, không còn lòng dục, lòng tham, lòng ái đối với năm yếu tố vô thường này, ngài đã dứt khoát không xem nó *"là của Ta, là Ta, là tự ngã của Ta"*. Tôn giả Vakkali thấy Ngũ Uẩn như thế là thấy Pháp, mà *"thấy Pháp tức là thấy Phật, thấy Phật tức là thấy Pháp"* vậy!

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ
Mùa an cư) March 06-2021

Tài liệu:

- Tương Ưng Bộ Kinh, Tập III; Chương I: Tương Ưng Uẩn; Phẩm Trưởng Lão : "Vakkali 1-16"; bản tiếng Việt do cố HT. Thích Minh Châu dịch từ tiếng Pãli.

- Tiểu Bộ Kinh, Tập III, Chương V; Phẩm Năm Kệ; Trưởng Lão Tăng Kệ: "Vakkali-205"; bản tiếng Việt do cố HT. Thích Minh Châu dịch từ tiếng Pãli.

Cội nguồn thơ: nơi vô cùng tịch lặng

NGUYÊN GIÁC

Thơ là chữ viết, nhưng thơ cũng là giữa những dòng chữ. Thơ là lời nói ra, nhưng thơ cũng là giữa những lời nói ra, hiển lộ cả trước và sau lời nói ra. Thơ là ngôn ngữ và thơ cũng là vô ngôn, là tịch lặng. Và là bên kia của chữ viết, bên kia của lời nói. Khi đọc xong một bài thơ hay, khi không còn chữ nào trên trang giấy để đọc nữa, chúng ta sẽ thấy thơ là một cái gì như sương khói, mơ hồ, lung linh, bay lơ lửng quanh trang giấy. Cũng như thế, Kinh Phật là thơ, là lời nói, là tịch lặng, là bên kia ngôn ngữ. Khi bài Tâm Kinh đọc xong, khắp thân tâm và toàn bộ ba cõi sáu đường đều mát rượi, ngấm được cái đẹp của tịch lặng ẩn hiện bên kia những chữ vừa đọc xong. Cội nguồn thơ, cũng là cội nguồn Kinh Phật, đó là nơi của vô cùng tịch lặng, một vẻ đẹp như sương khói phả lên những gì chúng ta nhìn, nghe, cảm xúc và hay biết.

Chúng ta có thể kinh nghiệm được cái tịch lặng. Nó không phải là âm thanh, cũng không phải là cái vô thanh. Khi chúng ta gõ lên một tiếng chuông, tịch lặng là cái bao trùm cả ba thời của tiếng chuông, hiển lộ trước, trong khi và sau khi tiếng chuông tắt. Cho nên, cái tịch lặng tận cùng, vẫn nằm sẵn trong âm thanh và xuyên suốt qua ba thời quá-hiện-vị-lai của âm thanh. Đó là cái tịch lặng không dựa vào đâu hết, và là tận cùng hạnh phúc. Do vậy, trong bài Kệ 134 của Kinh Pháp Cú, Đức Phật nói rằng nếu bạn giữ tịch lặng như một cái chiêng (cồng) bể, bạn sẽ chứng Niết Bàn.

Rất ít nhà thơ viết về cái tịch lặng, cái tận cùng của ngôn ngữ. Thơ là lời nói, là chữ viết, do vậy không dễ viết lên được cái tận cùng và là cái bao trùm của ngôn ngữ. Một số nhà thơ đã viết lên cái kinh nghiệm về tịch lặng, trong đó có lẽ nổi tiếng nhất là Ba Tiêu (Basho), một nhà thơ Nhật Bản của thế kỷ 17. Một trong những bài thơ nổi tiếng của Ba Tiêu (1644–1694) là viết về sự tịch lặng sâu thẳm hiển lộ khi tiếng ve sầu kêu ngấm vào trong đá. Bài thơ Ba Tiêu viết theo thể thơ haiku, ba dòng, khi lên núi thăm Chùa Yama-dera vào năm 1689.

Xin dịch bài thơ "Chùa Núi" như sau:

Tịch lặng sâu thẳm
tiếng kêu của ve sầu
ngấm vào trong đá.

— Matsuo Basho (1644–1694)

Một bài thơ khác của Ba Tiêu, nhan đề là Gió Mùa Thu, cũng nói về cái đẹp của tịch lặng khi nhà thơ đứng giữa trận gió mùa thu. Bài thơ xin dịch như sau.

Tôi có nên nói một lời
môi tôi lạnh rồi
giữa trận gió thu.

Đọc lại cuộc đời của Ba Tiêu, chúng ta sẽ thấy rằng phải trải qua trăm cay nghìn đắng trong đời rồi mới tới lúc nhìn thấy cái tịch lặng sâu thẳm trong tiếng ve sầu ngấm vào đá núi. Không chỉ được xem như là nhà thơ nổi tiếng nhất thời kỳ Edo, ông còn là một thiền sư đã kiến tánh. Các tài liệu, trong đó có Wikipedia, ghi rằng ông có tên đầy đủ là Matsuo Bashō (Tùng Vĩ Ba Tiêu), sinh trong một gia đình samurai, và nổi tiếng làm

Basho (1644–1694) - Wikipedia

TRỞ VỀ MỤC LỤC

thơ hay từ thời niên thiếu. Năm 1666, ông đến Kyoto và sống ở đây 5 năm, tiếp tục đọc văn học Nhật Bản cổ đại, nghiên cứu văn học Trung Quốc và cả thư pháp. Mùa xuân năm 1672, sau một thời gian về quê chừng vài tháng, ông dời lên sống ở Edo (nơi bây giờ có tên là Tokyo). Trong những năm này, ông đã thử làm nhiều nghề khác nhau nhưng dần dần cảm thấy mình chỉ hợp với văn học, ông bắt đầu mở lớp dạy thơ haikai, một thể loại thơ trào lộng, nhẹ nhàng và phóng túng, vốn rất thịnh hành trong thời Tokugawa.

Ryokan (1758–1831) - Wikipedia

Sau khi theo học Thiền Tông với nhà sư Phật Đỉnh (Butchō), một Thiền sư dòng Lâm Tế, Ba Tiêu trải qua một số kinh nghiệm kiến tánh. Những kinh nghiệm giác ngộ được ông ghi lại trong những bài thơ, đặc biệt là những tác phẩm được hình thành trong thập niên cuối đời của ông. Năm 1682 ông dời về Koshu và từ đó lấy bút hiệu là Bashō (Ba Tiêu). Năm sau ông trở lại Edo và dựng lại "Ba tiêu am". Ba Tiêu sáng tạo ra một phong cách mới là Shōfu (Tiêu Phong), ẩn ý về đời người nghệ sĩ như những tàu lá ba tiêu bị xé tan trong gió những đêm giông bão), và dần dần hoàn thiện một loại thơ ngắn 17 âm tiết trong 3 câu 5+7+5 từ những câu đầu (hokku) của thể thơ renga và thể thơ cực ngắn ấy về sau được mọi người biết đến với cái tên đã trở thành bất hủ haiku. Hai bài thơ vừa dịch trên là làm theo thể haiku.

Đọc thơ Ba Tiêu, chúng ta có thể cảm nhận được cái tịch lặng vô cùng tận đã nằm sẵn trong chữ và bên kia chữ. Bất kỳ ai sống được cái tịch lặng trong từng chữ và bên kia chữ, đó chính là giải thoát, vì từng khoảnh khắc đó đã là bờ kia, là xa lìa tham sân si. Bạn có thể thử nghiệm thế này: bạn ngồi làm thơ, với một tờ giấy và cây bút đặt trên bàn, nghĩ tới một ý thơ hiện ra ngoài cửa sổ, thí dụ gió ngoài vườn thổi bay nghiêng làn mưa bụi, hay ánh trăng lóa ra ngoài cửa sổ. Nếu không thấy ý thơ nào, bạn có thể nghĩ tới viết xuống giấy vài câu trong Bát Nhã Tâm Kinh. Bạn viết từng chữ nghĩ tới, và cảm nhận rằng cái-gọi-là-bạn đang chết đi theo dòng mực hiện ra lên trang giấy, bạn nghĩ rằng tim bạn sẽ ngừng đập ngay khi ngòi bút nhấc lên để ghi chữ khác. Như thế, bảo đảm rằng bạn sẽ kinh nghiệm được cái tịch lặng đang ngấm vào mắt tai mũi lưỡi thân ý và cũng ngấm trọn khắp ba cõi sáu đường. Đó cũng là Thiền.

Một nhà thơ Nhật Bản cũng ưa thích tịch lặng là Thiền sư Ryokan (1758 – 1831). Ryokan ra đời trong năm 1758, tại ngôi làng hẻo lánh ven biển Izumoza-ki, thuộc tỉnh Echigo, bây giờ gọi là Quận Niigata. Vùng này, Honshu phương bắc, còn được gọi là "xứ tuyết," nơi các trận tuyết mùa đông dày ngập tới nỗi buộc cư dân phải rời nhà và vào lại nhà họ bằng tầng [lầu] thứ nhì. Quận cũng khét tiếng về một số trận động đất tệ hại nhất trong lịch sử Nhật Bản, và nổi tiếng với hòn đảo Sado dễ thương, nơi lưu đày loạn quân và là nơi có những mỏ vàng được các tướng quân khai thác. Cha của Ryokan, Inan (1738—95), là người được kế thừa cha truyền con nối làm trưởng làng, và là một tu sĩ Thần Đạo. Inan cũng là một nhà thơ mà vài người ghi nhận là có liên hệ xa với trường phái thơ hài cú Basho.

Ryokan làm sa di ở Kosho-ji, ngôi chùa Thiền Tào Động địa phương, trong nhiều năm. Khoảng năm 1780, thiền sư Kokusen (viên tịch 1791) viếng thăm Kosho-ji, và Ryokan, người cảm xúc thâm sâu vì cách sống nghiêm túc và chân thật của vị thầy, mới xin và được phép để chính thức trở thành môn đệ của Kokus-en. Sau đó, họ cùng nhau trở về chùa Entsu-ji, ngôi tự viện của Kokusen tại Tamashima (bây giờ là Quận Okayama). Chùa Entsu-ji chỉ nhỏ thôi, dễ thương, gồm một hồ sen và rừng tre đẹp, nằm trên một ngọn đồi nhìn ra hải cảng Tamashima. (Hầu hết các khu nhà từ thời Ryokan bây giờ vẫn còn.) Tamashima là một trung tâm giao thương thịnh vượng, và chùa Entsu-ji đã lớn dậy dưới hướng dẫn của Kokusen, không bao giờ dưới 40 sư đang tu học. Cũng như vị thầy Kaso của Ikkyu, và vị thầy Shoju của Hakuin, Kokusen là một vị thầy có lối dạy cụ thể, người tuyên bố kiểu Thiền của mình gồm cả việc "khiêng đá và đổ đất." Nghĩa là, tu Thiền phải thực hiện ngay giữa các việc làm hàng ngày trong đời thường.

Với cương vị người nối pháp của Kokusen, một trong những vị Thiền sư Tào Động lớn nhất lúc đó, Ryokan có thể dễ dàng giữ chức

TRỞ VỀ MỤC LỤC

trụ trì một chùa lớn, nhưng những năm tự nguyện sống khó nghèo và tự do trên các cánh đồng đã làm cho sư không thích bị ràng buộc với gánh nặng ngôi chùa. Không kế hoạch cụ thể nào trong đầu, Ryokan năm 40 tuổi về lại nơi mình ra đời, dọc đường vui với những nơi có cảnh đẹp và các nơi linh thiêng của Nhật Bản. Một lần, một tên trộm nhầm lẫn vào am Gogo-an, nhưng dĩ nhiên không thấy gì giá trị. Thất vọng, tên trộm mới lấy chiếc mền cũ và tả tơi và chiếc bồ đoàn thiền tọa của sư. Khi Ryokan về lại căn lều, thấy chuyện xảy ra mới viết bài thơ hài cú sau:

Tên trộm để lại phía sau—
mặt trăng
nơi cửa sổ.

Là một ẩn tu, Ryokan ngồi trên thiền sàng và sống nhiều phần hệt như các vị tổ sư Thiền xa xưa, tìm giác ngộ sâu trong các rặng núi. Sau đây là một bài thơ Ryokan tự ghi lại về nếp sống của ngài, ngồi tịch lặng, xài tiền của mục đồng (chăn trâu), làm bạn với ánh trăng.

Trong vắng lặng, bên cửa sổ trống
Ta ngồi thiền tọa, mặc phẩm phục trang nghiêm,
rún và mũi thẳng đường, tai song song với vai
Ánh trăng ngập cả phòng;
mưa đã ngưng, nhưng mái hiên còn nhỏ giọt.
Toàn hảo giây phút này—
trong tánh không vô tận, hiểu biết ta thẳm sâu.

Huệ Năng (638 – 713) - Wikipedia

Vào đêm, sâu trong núi, ta ngồi thiền
chuyện nhân gian không bao giờ tới đây;
tất cả đều vắng lặng và rỗng rang,
nhang đã tàn trong đêm vô tận
áo ta đã đẫm sương.
Không ngủ được, ta bước vào rừng—
đột nhiên, trên đỉnh cao, trăng tròn hiện.

Đời ta nghèo, nhưng tâm ta sáng tỏ
khi ta qua, ngày lại ngày
trong lều cỏ này.

Như dòng suối nhỏ len lỏi qua
các vách núi rêu, ta cũng lặng lẽ
trở thành sáng tỏ và trong trẻo.

Khi các niệm đã vắng cả rồi
ta lẩn vào rừng pháp và gom nhặt
một xấp tiền của mục đồng.

Rách rưới và tả tơi, rách rưới và tả tơi
rách rưới và tả tơi là đời này.

Lương thực? Rau cỏ dại bên đường.
những bụi cây mọc quanh lều ta.
trăng và ta thường ngồi chung cả đêm,
Và hơn một lần, ta đi lạc giữa rừng hoa dại,
quên lối về nhà.
Không ngạc nhiên gì, ta rời khỏi chúng:
làm sao một ông sư khùng như thế sống trong chùa?

— RYOKAN (1758 – 1831)

Làm thế nào bước vào cõi tịch lặng? Đọc kỹ Kinh Phật, chúng ta sẽ thấy rất nhiều khi, Đức Phật chỉ nói có một lời thôi. Không nói nhiều, tất cả pháp đều đưa về một chữ thôi. Thí dụ, như Kinh Bahiya, tất cả các pháp tóm gọn về một chữ Như. Trong một chữ Như đã có sẵn đủ giới, định, huệ. Thí dụ khác, như với một số kinh trong Kinh Tập, phẩm Qua Bờ Kia, tất cả các pháp tóm gọn về một chữ Không. Trong cái nhìn của rỗng rang vô tướng, tất cả giới, định, huệ đã sẵn đủ, tròn đầy. Ngay cả khi chúng ta đứng ở một góc rừng, với mưa gào, gió thét, chúng ta vẫn thấy cái tịch lặng bao trùm tất cả và thấy tâm mình là Như, là Không.

Trong tận cùng của Phật Giáo, tịch lặng là nơi không thấy có một pháp nào để nương tựa. Đó cũng là khi Huệ Năng (638-713) dạy Huệ Minh rằng khi tâm rời các duyên (tức là: không dựa vào những cái được thấy, được nghe…), khi tâm không sanh một niệm (tức là: không một chữ nào dấy lên trong tâm), khi tâm không nghĩ thiện hay ác (cũng là: không nghĩ có/không, lành/dữ, ta/người…), thì sẽ hiện ra cái bao trùm và xuyên suốt hết tất cả lời và không-lời, ngôn và vô-ngôn, thanh và vô-thanh, và đó là cái tịch lặng vô cùng sâu thẳm. Độc giả có thể kinh nghiệm được, hãy cứ thử đơn giản như thế.

Trong Kinh Pháp Bảo Đản, bản dịch của Thầy Duy Lực, trích:

*"Huệ Minh đảnh lễ nói rằng: Mong hành giả vì tôi thuyết Pháp. Huệ Năng nói: Ông đã vì Pháp mà đến đây, thì nên **ngưng nghỉ các duyên, chớ sanh một niệm**, ta sẽ vì ông mà thuyết.*

*Một hồi sau Huệ Năng nói: **Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác**, đang khi ấy cái nào là bổn lai diện mục của Thượng Tọa Minh? Huệ Minh ngay đó đại ngộ."* (Phẩm Tựa Thứ Nhất)

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Đối với Phật Giáo Tây Tạng, cửa vào tịch lặng là Sáu Lời Dạy của Đại sư Tilopa (988–1069) dạy cho Naropa. Còn gọi là sáu chữ của Mahamudra, Đại Thủ Ấn. Bản văn tiếng Sanskrit chỉ có 6 chữ, dịch sang tiếng Anh hay Việt cho rõ nghĩa sẽ là 6 câu ngắn.

Bản tiếng Anh của Ken McLeod là: "*Don't recall. Don't imagine. Don't think. Don't examine. Don't control. Rest*."

Có thể dịch ra tiếng Việt là: "*Đừng gợi nhớ. Đừng tưởng tượng. Đừng suy nghĩ. Đừng khảo sát. Đừng kiểm soát. Hãy an nghỉ tự nhiên*."

Sáu lời dạy trên còn được dịch giả trên giải thích rõ hơn, có thể dịch ra tiếng Việt như sau: "*Hãy buông bỏ những gì đã qua. Hãy buông bỏ những gì có thể sẽ tới. Hãy buông bỏ những gì đang xảy ra bây giờ. Đừng luận giải bất cứ gì. Đừng tìm cách làm bất cứ gì để xảy ra. Hãy buông thư, bây giờ, và an nghỉ.*"

Và như thế, chúng ta sẽ thấy đúng là Kinh Nhật Tụng Sơ Thời, tức là các bản kinh chư tăng tụng hàng ngày trong các năm đầu Đức Phật hoằng pháp. Ngay khi nào bạn thực hiện 6 chữ như thế, cái tịch lặng vô ngôn sẽ hiện ra. Hãy giữ tâm như thế trọn ngày, sáng trưa chiều tối, không cần ngồi theo thời khóa nào.

Đúng vậy, cái tịch lặng thực sự không ở đâu xa. Trong Tăng Nhất A Hàm, Kinh EA 31.6, bản dịch của Thầy Tuệ Sỹ và Đức Thắng, có lời Đức Phật dạy:

"Xóm vắng là sáu xứ bên trong. Thế nào là sáu? Đó là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Nếu người có trí tuệ, khi quán mắt, thấy thảy đều trống không, không chỗ gì, hư dối, vắng lặng, không bền chắc. Khi quán tai, mũi, miệng, thân, ý, thấy đều trống không, đều rỗng lặng, cũng không bền chắc."

Một nhà thơ Nhật Bản khác cũng ưa thích viết về tịch lặng là Jakushitsu Genkō (1290-1367). Jakushitsu là một nhà sư dòng Lâm Tế (Rinzai), cũng nổi tiếng là một nghệ sĩ với tài làm thơ, thổi sáo, và là trụ trì ngôi chùa Eigen-ji, nơi được xây lên để dâng cúng cho sư làm nơi dạy Thiền. Sinh trong một gia đình quý tộc, xuất gia năm 12 tuổi tại tu viện Tofukuji ở Kyoto, nơi nổi tiếng về giáo dục; những năm đầu ở đây, nhà sư trẻ học về Nho

Jakushitsu Genkō (1290-1367) - Wikimedia

Giáo và Thiên Thai Tông, một hệ thống lý luận của Phật Giáo. Trong một chuyến tới thăm Tanakami, một thị trấn trong tỉnh Go (bây giờ có tên là tỉnh Shiga), Jakushitsu nhìn thấy một nhà sư đang lặng lẽ ngồi thiền. Hình ảnh lặng lẽ ngồi thiền của nhà sư lạ kia có sức lôi cuốn bí mật. Ngồi thiền lặng lẽ không phải là một phần trong pháp tu hàng ngày tại ngôi chùa Jakushitsu đang theo học, nơi chủ yếu đào tạo các giảng sư và luận sư Phật Giáo.

Được giới thiệu từ một vị sư đồng học ở Tofukuji, Jakushitsu biết về Thiền sư Yakuo Kenko, người từng theo học với Lan-chi Tao-lung (tiếng Nhật là: Rankei Doryu) một Thiền sư Trung Hoa từ Szechuan tới Nhật Bản năm 1246 để truyền pháp Thiền Tông. Jakushitsu cùng với bạn đồng học lên đường tới Zenkoji, ngôi chùa tại Kamakura, nơi Yakuo lúc đó đang cư ngụ. Truyền thuyết kể rằng vào đêm trước khi Jakushitsu tới Zenkoji, Thiền sư Yakuo có một giấc mơ, trong đó "nhiều vị thánh đáp xuống và một vùng ánh sáng hiện ra chiếu rọi khắp núi và sông." Do vậy, Yahuo mới đặt tên cho Jakushitsu là Genko, tức là "Ánh sáng nguyên khởi."

Jakushitsu thân cận với Thầy Yakuo cho tới khi Yakuo từ trần năm 1320. Jakushitsu sang Trung Quốc để tìm học Thiền trong thời gian từ 1320 tới 1326, với vị Thầy có hạnh ẩn tu nổi tiếng là Ming-pen. Khi về lại Nhật Bản, Jakushitsu vào núi, sống nhiều năm trong hạnh ẩn tu. Phong thái kỳ dị, và những bài thơ đầy sức mạnh của Thiền đã làm cho nhà sư Jakushitsu nổi tiếng. Một vị lãnh chúa địa phương mời sư ra dạy Thiền cho công chúng, xây ngôi chùa có tên là Eigen-ji và Jakushitsu là vị trụ trì đầu tiên nơi đây.

Mấy dòng thơ sau đây là Jakushitsu tự viết về bản thân:

Cô tịch
vui hỷ lạc
tóc trắng nhìn núi xanh.

Một bài thơ khác, cũng do Jakushitsu tự viết về hạnh sống trong các rặng núi. Dịch như sau.

Không tìm danh vọng
không màng khó nghèo
sống ẩn sâu trong núi
xa lìa bụi thế gian
năm hết rồi, bầu trời lạnh

ai sẽ làm bạn với ta?
Hoa đào nở trên cành mới
tắm trong ánh trăng.

Trong khi đó, có những bài thơ rất cổ, có từ 2500 năm về trước, ngợi ca hạnh tịch lặng, một trong các phẩm chất của người ngộ đạo. Bài thơ của Trưởng lão ni Sona có ký số Thig 5.8, trích dịch như sau:

Tôi thiền tư về vô tướng
với nhất tâm và tịch lặng
tức khắc giải thoát thành tựu
Niết bàn, không gì nắm giữ

Hiểu trọn năm uẩn thấu suốt
tuy còn đây, rễ đã cắt
Bà già bất hạnh, thân tôi
chuyện tái sanh đã hết rồi.

Tuy nhiên. Tịch lặng không chỉ là ngồi thiền. Một bài thơ của Trưởng lão tăng Bhagu trong bài kệ có ký số Thag 4.2, ghi rằng đại sư Bhagu ngồi thiền, gặp cơn buồn ngủ, mới bước ra khỏi lều, đi kinh hành, khi bước đi, bị vấp té, rồi đứng dậy phủi bụi, rồi đi tiếp, niềm tịch lặng khởi lên trong khi đại sư bước tới bước lui, và rồi tâm đạt giải thoát, chứng tam minh. Bài thơ kể về niềm tịch lặng đạt được trong khi bước đi, trích như sau.

Buồn ngủ, tôi rời tịnh xá
bước thiền hành, chân vấp ngã
Phủi bụi xong, bước đi tiếp
lối thiền hành, tới rồi lui
tịch lặng sâu thẳm trong tôi.
Hốt nhiên chứng ngộ ngập tràn
thấy rõ ba cõi hiểm nguy
vững vàng với tâm viễn ly
Hiển lộ trong tâm giải thoát
thấy rõ tối thượng giáo pháp
Tam minh bây giờ hoàn tất
trọn vẹn như lời Đức Phật.

Tịch lặng, đẹp là như thế, hiện ra ngay ở nơi bạn đi đứng nằm ngồi, ngay ở nơi bạn chọn chữ làm thơ, ngay ở nơi sâu thẳm trong tâm và ngập tràn khắp thế giới này. Tịch lặng là Niết Bàn. Hãy lắng nghe tịch lặng, hãy tắm gội trong tịch lặng, hãy thấy tịch lặng đang ngấm vào núi đá, vào cây rừng, vào khắp không gian và khắp mắt tai mũi lưỡi thân ý của mình. Nó đó. Vô tướng, không hình dạng, không màu sắc. Tịch lặng không phải là cái được tạo ra, nhưng là cái có sẵn chưa hề rời chúng ta, ngay ở đây và bây giờ.

5 BÀI HAIKU
của YOSA BUSON
(与謝 蕪村, Dữ Tạ Vu Thôn)

Haiku (133)
Ngọn cỏ sương sa
nước trôi lặng lẽ
trong buổi chiều tà.

Haiku (134)
Cây mận đơm bông
dưới vầng trăng sáng
ngỡ là mùa đông.

Haiku (135)
Cày ruộng ngày xuân
không một tiếng chim
dưới chân ngọn núi.

Haiku (136)
Bầu trời xé toang
quanh căn nhà nhỏ
hoa dưa nở vàng.

Haiku (137)
Trong đêm tháng Năm
ở trên bãi biển
một cây chổi nằm.

PHÁP HOAN dịch

(từ bản dịch tiếng Anh trong The Essential Haiku, Versions of Basho, Buson, & Issa. Edited by Robert Hass. Nguyên tác thơ của Yosa Buson (Dữ Tạ Vu Thôn, 与謝 蕪村). https://phaphoan.wordpress.com/

Đọc bài thơ *'Giấc Mơ Hoang Vu Về Một Bắt Đầu Mới'* của Nhà thơ Lawrence Ferlinghetti vừa qua đời

HUỲNH KIM QUANG

Nhà thơ Lawrence Ferlinghetti tại tiệm sách City Lights của ông ở San Fracisico. (Photograph: Sarah Lee/The Guardian)

Lawrence Ferlinghetti, nhà thơ, nhà xuất bản, họa sĩ và nhà hoạt động chính trị là người đồng sáng lập tiệm sách nổi tiếng City Lights tại thành phố San Francisco và trở thành biểu tượng của thành phố này, đã qua đời ở tuổi 101, theo bản tin của báo The Guardian tường thuật hôm 23 tháng 2 năm 2021. Theo The Guardian, nhà thơ Ferlinghetti đã qua đời tại tư gia vào tối Thứ Hai, 22 tháng 2 do bệnh liên quan tới phổi.

Ông là nhà thơ thuộc Thế Hệ Beats (Beat Generation) vào giữa thập niên 1950 ở Mỹ. Đây là thế hệ chịu ảnh hưởng sâu sắc Thiền và tư tưởng Phật Giáo. Qua nhiều năm ông đã xuất bản nhiều tác phẩm của các nhà văn và nhà thơ thuộc Thế Hệ Beats như Allen Ginsberg, Jack Kerouac, Gregory Corso, William S. Burroughs, Diane diPrima, Michael McClure, Philip Lamantia, Bob Kaufman, và Gary Snyder. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông "A Coney Island of the Mind," do New Directions xuất bản vào năm 1958, là một tuyển tập thơ đã được dịch sang 9 thứ tiếng và bán ra hơn một triệu bản.

Bài thơ "Wild Dreams Of A New Beginning" [Giấc Mơ Hoang Vu Về Một Bắt Đầu Mới] của Ferlinghetti mang âm hưởng của triết lý vô thường biến dịch và Tánh Không [Śūnyatā] của Phật Giáo. Trong đó ông mô tả về một giấc mơ về ngày tận thế khi nước biển dâng lên cao tràn ngập khắp núi đồi và thành phố lớn trên thế giới để cuối cùng chỉ còn lại tiếng dế kêu và tiếng chim hót trong một thế giới hoang vu.

Cuộc đời của nhà thơ Lawrence Ferlinghetti

Ferlinghetti sinh tại Yonkers của New York vào ngày 24 tháng 3 năm 1919. Mẹ ông, nhũ danh Lyons Albertine Mendes-Monsanto là một người Pháp, gốc Do Thái Sephardic ở Bồ Đào Nha. Cha ông, Carlo Ferlinghetti, sinh ở Brescia tại Ý vào năm 1872. Ông di dân vào Hoa Kỳ năm 1892 và làm người bán đấu giá tại Little Italy ở Thành Phố New York.

Lawrence đã không biết tên họ gốc của ông mãi cho đến năm 1942, khi ông cung cấp giấy khai sanh để gia nhập vào Hải Quân Hoa Kỳ. Dù ông sử dụng "Ferling" cho tác phẩm được xuất bản sớm nhất của mình, Ferlinghetti đã đổi sang họ gốc của Ý "Ferlinghetti" vào năm 1955, khi ông xuất bản tập thơ đầu tay là cuốn "Pictures of the Gone World."

Cha của Ferlinghetti đã chết 6 tháng trước khi ông ra đời, và mẹ ông đã được nhận làm tị nạn ngay sau khi sinh ra ông. Ông được nuôi dưỡng bởi người dì Emily, là vợ cũ của Ludovico Monsanto, người cậu của mẹ ông từ Quần Đảo Virgin là người đã dạy tiếng Tây Ban Nha tại Viện Hải Quân Hoa Kỳ. Emily đã mang Ferlinghetti tới Strasbourg tại Pháp, nơi họ sống 5 năm đầu đời của ông, với tiếng Pháp là ngôn ngữ đầu tiên của ông.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Sau khi họ trở về Mỹ, Ferlinghetti được cho vào một cô nhi viện tại Chappaqua, New York trong khi dì Emily đi tìm việc làm. Cuối cùng bà đã được thuê làm nữ gia sư Pháp cho người con gái của Presley Eugene Bisland và vợ Anna Lawrence Bisland, tại Bronxville, New York, là con gái của nhà sáng lập Trường Đại Học Sarah Lawrence College, là William Van Duzer Lawrence. Họ sống tại Plashbourne Estate. Vào năm 1926, Ferlinghetti đã được giao cho Bislands chăm sóc. Sau khi vào học nhiều trường, gồm Riverdale Country School, Bronxville Public School, và Mount Hermon School (hiện nay là Northfield Mount Hermon School), ông đã vào Đại Học North Carolina tại Chapel Hill, nơi ông lấy bằng Cử Nhân về báo chí vào năm 1941. Lawrence Ferlinghetti là một Hướng Đạo Sinh Đại Bàng trong Hội Nam Hướng Đạo Mỹ. Tạp chí thể thao của ông đã được đăng trong báo The Daily Tar Heel, và ông đã bắt đầu đăng nhiều truyện ngắn trong tạp chí Carolina Magazine, tạp chí này nhà văn Thomas Wolfe cũng có viết bài.

Vào mùa hè năm 1941, Ferlinghetti sống với 2 bạn học sinh viên trên Đảo Little Whale Boat Island tại Casco Bay, Maine, bắt tôm hùm, và cào nghêu từ đá để bán tại Portland, Maine, để sử dụng làm thuốc. Kinh nghiệm này giúp ông yêu thích biển, một chủ đề trải suốt qua sự nghiệp thơ của ông. Sau ngày 7 tháng 12 năm 1941, cuộc tấn công của Nhật bào Trân Châu Cảng, Ferlinghetti ghi danh vào học trường Midshipmen tại Chicago, và vào năm 1942 ông ra trường với chức sĩ quan cấp dưới trên du thuyền của J.P. Morgan III, mà đã được tân trang để đi tuần tra các tàu ngầm ngoài khơi Bờ Biển Miền Đông.

Ferlinghetti kế tiếp được chỉ định tới Ambrose Lightship bên ngoài hải cảng New York để nhận dạng tất cả tàu bè đi vào. Trong năm 1943 và 1944 ông phục vụ trong vai trò một sĩ quan trên ba tàu nhỏ chạy nhanh của Hải Quân Hoa Kỳ dùng để hộ tống đoàn tàu. Là chỉ huy của chiếc tàu nhỏ USS SC1308, ông đã có mặt trong cuộc đổ bộ tại Normandy như một phần của chiến dịch chống tàu ngầm chung quanh các bờ biển. Sau VE Day, Hải Quân thuyên chuyển ông tới Pacific Theater, nơi ông phục vụ như một hoa tiêu của tàu USS Selinur. 6 tuần lễ sau vụ thả bom nguyên tử tại Nagasaki, ông đến thăm sự tàn phá của thành phố này, một kinh nghiệm làm thay đổi ông thành một người theo chủ nghĩa hòa bình trọn đời.

Sau chiến tranh, ông làm việc trong phòng thư tại tạp chí Time, tại Manhattan. G.I. Bill giúp ông ghi danh vào Đại Học Columbia. Trong những năm học ở đây ông đọc văn học hiện đại, và ông đã nói là vào lúc đó ông bị ảnh hưởng bởi Shakespeare, Marlowe, các nhà thơ Lãng Mạn, Gerard Manley Hopkins, và James Joyce, cũng như các nhà thơ Mỹ Whitman, T. S. Eliot, Ezra Pound, Carl Sandburg, Vachel Lindsay, Marianne Moore, E. E. Cummings, và các tiểu thuyết gia Mỹ Thomas Wolfe, Ernest Hemingway, và John Dos Passos. Ông đã lấy bằng thạc sĩ về văn chương Anh vào năm 1947 với luận án về John Ruskin và họa sĩ J.M.W. Turner.

Từ Columbia, ông qua Paris tiếp tục học, và sống tại đây từ năm 1947 tới 1951, lấy bằng Tiến Sĩ tại Đại Học Paris.

Sau khi cưới Selden Kirby-Smith vào năm 1951 tại Quận Duval, Florida, Ferlinghetti định cư tại San Francisco vào năm 1953, nơi ông dạy tiếng Pháp trong một chương trình giáo dục người lớn, vẽ, và viết phê bình nghệ thuật. Các bản dịch sớm nhất của ông là những bài thơ của nhà thơ siêu thực Pháp Jacques Prévert, được đăng bởi Peter D. Martin trong tạp chí văn hóa phổ thông City Lights của ông.

Vào năm 1953, Ferlinghetti và Martin sáng lập tiệm sách City Lights Bookstore, là tiệm sách tất cả in bằng giấy đầu tiên trên toàn quốc. 2 năm sau, sau khi Martin rời khỏi, ông mở thêm cánh xuất bản của City Lights là Nhà Xuất Bản City Lights, với tập thơ đầu tiên của ông, "Pictures of the Gone World," số đầu tiên trong loạt Pocket Poets Series. Loạt này được tiếp nối bởi những cuốn sách của Kenneth Rexroth, Kenneth Patchen, Marie Ponsot, Allen Ginsberg, Denise Levertov, Robert Duncan, William Carlos Williams, và Gregory Corso. Dù Nhà Xuất Bản City Lights Publishers được nổi tiếng là xuất bản sách của những tác giả Thế Hệ Beat (Beat Generation), Ferlinghetti không bao giờ cố ý xuất bản độc quyền về Beats.

Số thứ tư trong loạt Pocket Poets Series lả cuốn sách "Howl" của Allen Ginsberg. Cuốn sách đã bị cảnh sát San Francisco tịch thu vào năm 1956. Ferlinghetti và Shig Murao, người quản trị nhà sách là người đã bán cuốn sách cho cảnh sát, đã bị bắt vì tội khiêu dâm. Sau khi các cáo buộc chống lại Murao được bãi bỏ, Ferlinghetti, được biện hộ bởi Jake Ehrlich và ACLU, ra tòa tại Tòa Án Thành Phố San Francisco. Sự phổ biến đã tạo ra bởi phiên tòa lôi cuốn sự chú ý trên toàn quốc về những nhà văn nhà thơ trong phong trào San Francisco Renaissance và phong trào Beat. Ferlinghetti có sự hậu thuẫn của các nhân vật văn học và học thuật có uy tín, và khi kết thúc phiên tòa kéo dài, Chánh Án Clayton W. Horn cho thấy rằng Howl không khiêu dâm và tuyên bố ông trắng án vào tháng 10 năm 1957. Vụ kiện mang tính bước ngoặt của Tu Chính Án Đầu Tiên đã thiết lập một tiền lệ pháp lý quan trọng cho việc xuất bản các tác phẩm văn học gây tranh cãi khác với tầm

TRỞ VỀ MỤC LỤC

quan trọng xã hội mang lại.

Dù phong cách và chủ đề viết của riêng Ferlinghetti không giống lắm với nhóm Beat New York ban đầu, ông có nhiều liên hệ quan trọng với các nhà văn nhà thơ Beat, là những người đã biến tiệm sách City Lights Bookstore thành tổng hành dinh của họ khi họ ở San Franscico. Ông thường nói ông không phải là Beat, nhưng là một người tự do phóng khoáng của thế hệ đầu. Là cựu chiến binh đã lập gia đình và là chủ tiệm sách, ông đã không chia xẻ đời sống cao của những người thuộc Thế Hệ Beat trên đường. Nhà văn Kerouac đã đưa Ferlinghetti vào trong vai "Lorenzo Monsanto" trong tiểu thuyết tự truyện của ông "Big Sur" xuất bản vào năm 1962, câu chuyện kể về việc Jack ở tại túp lều của Ferlinghetti trong một vùng ven biển hoang dã của Big Sur. Kerouac mô tả nhân vật Ferlinghetti như là một người chủ hào phóng và dí dỏm, trong sự vui vẻ và suy sụp của Thần Rượu.

Qua nhiều năm Ferlinghetti đã xuất bản tác phẩm của nhiều tác giả Beats, gồm Allen Ginsberg, Jack Kerouac, Gregory Corso, William S. Burroughs, Diane diPrima, Michael McClure, Philip Lamantia, Bob Kaufman, và Gary Snyder. Ông là nhà xuất bản của các tác phẩm của Ginsberg trong hơn 30 năm. Khi nhà thơ Ấn Độ của phong trào văn chương Hungryalist bị bắt vào năm 1964 tại Kolkata, Ấn Độ, Ferlinghetti đã giới thiệu các nhà thơ thuộc Phong Trào Hungryalist cho độc giả Tây Phương qua các số khởi đầu của Tạp Chí City Lights Journal.

Không bao lâu sau khi định cư tại San Francisco vào năm 1950, Ferlinghetti đã gặp nhà thơ Kenneth Rexroth người có quan điểm về triết lý vô chính phủ đã ảnh hưởng đến sự phát triển chính trị của ông. Ông tự nhận là nhà người theo triết lý vô chính phủ, thường được liên kết với những nhà chủ trương vô chính phủ khác tại North Beach, và đã bán các tờ báo vô chính phủ Ý tại tiệm sách City Lights Bookstore, theo Kevin Kelly trong bài viết "Lawrence Ferlinghetti – interview." Là nhà phê bình về chích sách đối ngoại của Hoa Kỳ, Ferlinghetti đã có lập trường chống lại chủ nghĩa toàn trị và chiến tranh.

Trong khi Ferlinghetti giải bày rằng ông là "một người vô chính phủ tận đáy lòng," ông thừa nhận rằng thế giới cần có đông những "bậc thánh" để chủ nghĩa vô chính phủ thuần túy được tồn tại một cách hiện thực. Bởi vậy ông tán thành điều có thể đạt được bởi xã hội chủ nghĩa dân chủ theo kiểu Bắc Âu, theo Christopher Felver trong tác phẩm xuất bản năm 1996 "The Coney Island of Lawrence Ferlinghetti."

Tác phẩm của Ferlinghetti thách thức định nghĩa về nghệ thuật và vai trò của nhà nghệ sĩ trong thế giới. Ông thúc giục các nhà thơ dấn thân vào đời sống chính trị và văn hóa. Khi ông viết trong "Populist Manifesto" rằng, "Hỡi các thi sĩ, hãy bước ra khỏi tủ áo quần của bạn, Hãy mở cửa sổ của bạn, hãy mở các cửa chính của bạn, Bạn đã bị giam giữ quá lâu trong thế giới đóng kín của mình… Thơ nên chuyên chở công chúng/tới những nơi cao/hơn những bánh xe khác có thể chuyên chở nó…"

Vào năm 1968, ông đã ký cam kết "Chống Thuế Chiến Tranh của Những Nhà Văn và Những Chủ Bút," thề không trả thuế để chống lại cuộc Chiến Tranh Việt Nam, theo "Writers and Editors War Tax Protest" được đăng trong báo New York Post vào ngày 30 tháng 1 năm 1968.

Ferlinghetti đã có công trong việc mang thơ ra khỏi học viện và đưa trở lại không khí công cộng với những buổi đọc thơ công chúng. Với Ginsberg và những nhà văn nhà thơ cấp tiến khác, ông tham gia vào các sự kiện tập trung vào những vấn đề chính trị như cuộc cách mạng Cuba, chạy đua vũ khí nguyên tử, việc tổ chức công nhân nông trại, vụ giết người của Salvador Allende, Chiến Tranh Việt Nam, Tháng 5 Năm 1968 Tại Paris, Sandinistas tại Nicaragua, và Quân Đội Giải Phóng Dân Tộc Zapatista tại Mexico. Ông không chỉ đọc cho các độc giả tại Hoa Kỳ mà còn cho độc giả tại Châu Âu và Châu Mỹ La Tinh. Nhiều bài viết của ông đã lan truyền sang Pháp, Ý, Liên Bang Xô Viết, Cuba, Mexico, Chile, Nicaragua, và Cộng Hòa Tiệp.

Ferlinghetti đã bắt đầu vẽ tại Paris vào năm 1948. Tại San Fracisco, ông có một phòng vẽ tọa lạc tại 9 Mission Street trên Embarcadero vào thập niên 1950s mà ông thừa hưởng từ Hassel Smith. Ông hâm mộ những người theo trường phái biểu hiện trừu tượng tại New York, và họa phẩm đầu tiên của ông thể hiện ảnh hưởng của họ. Phong cách tượng hình hơn càng rõ rệt trong tác

Nhà thơ Ferlinghetti (trái) cùng với nhà thơ Allen Ginsburg, trong cuộc biểu tình vào năm 1971 chống lại những bắt bớ ở Brazil. (Photograph: Sal Veder/ AP - www.theguardian.com)

phẩm về sau này của ông. Các tranh vẽ của Ferlinghetti được trưng bày tại nhiều bảo tàng viện khác nhau trên thế giới, từ Butler Museum of American Painting tới Il Palazzo delle Esposizioni tại Rome. Ông đã liên kết với phong trào Fluxus quốc tế thông qua Archivio Francesco Conz tại Verona. Tại San Francisco, họa phẩm của ông có thể được xem tại Phòng Triển Lãm Nghệ Thuật George Krevsky Gallery.

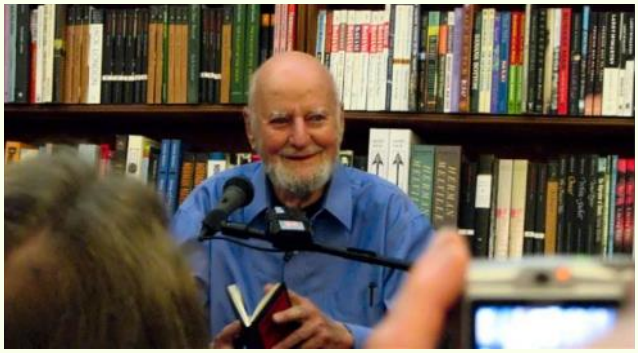

Nhà thơ Lawrence Ferlinghetti tại City Lights Bookstore vào năm 2007 (Photo by voxtheory. - https://pennyspoetry.fandom.com)

Trong năm 2019, thành phố San Francisco đã công bố ngày 24 tháng 3, sinh nhật của ông, là Ngày Lawrence Ferlinghetti Day để đánh dấu 100 năm tuổi của ông, với những lễ hội kéo dài cả tháng.

Trong dịp này, báo The Guardian đã phỏng vấn ông. Khi được hỏi rằng ông có tự hào về những thành tựu của mình không, Ferlinghetti trả lời rằng, "Tôi không biết, chữ đó, 'tự hào', là quá ngã mạn. Hạnh phúc thì có lẽ tốt hơn. Ngoại trừ khi bạn cố gắng định nghĩa chữ hạnh phúc, thì bạn thực sự rắc rối."

Để tưởng niệm nhà thơ Lawrence Ferlinghetti, xin dịch bài thơ "Wild Dreams Of A New Beginning" [Giấc Mơ Hoang Vu Về Một Bắt Đầu Mới].

Giấc Mơ Hoang Vu Về Một Bắt Đầu Mới

Xa lộ tối nay im lặng nín thở
Vượt ra ngoài rìa bê tông
những nhà hàng chìm vào giấc mơ
với những cặp nến sáng
Alexandria mất rồi mà vẫn cháy
trong một tỉ ngọn đèn
Những cuộc đời đi qua những cuộc đời
đang dừng lại ở ngọn đèn đỏ
Vượt qua vòng quay giao lộ
'Những linh hồn nuốt những linh hồn trong rỗng không'
Bản hòa tấu piano phát ra từ cửa sổ nhà bếp
Một nhà du già nói chuyện tại Ojai
'Tất cả đều diễn ra trong một tâm'
Trên vườn cỏ dưới tàn cây
những người yêu nhau đang lắng nghe
vị đạo sư nói họ là nhất thể với vũ trụ
Những con mắt phát hiện những đóa hoa và hóa thành chúng
Sự im lặng nín thở
trên xa lộ tối nay
khi sóng triều Thái Bình Dương cao một dặm quét vào
Los Angeles trút hơi thở cuối cùng
và chìm xuống biển như tất cả đèn chiếc tàu Titanic sáng
Chín phút sau đó tới Willa Cather ở Nebraska cũng chìm theo nó
Nước biển dâng lên tới Utah
Những nhà thờ Mormon bị cuốn đi như những ngôi nhà nhỏ
Những con chó sói bối rối và không biết bơi đi đâu
Một dàn nhạc trên sân khấu ở Omaha
tiếp tục chơi nhạc Water Music của Handel
nước ngập những cây kèn
những người thổi kèn trôi đi theo nhạc cụ của họ
nắm chặt chúng như những người yêu ở chân trời
Loop của Chicago trở thành nơi tàu lượn siêu tốc
Những tòa nhà chọc trời giống như những ly nước đầy
Đại Hồ trộn với nước mắt Nhà Phật
Những Cuốn Sách Vĩ Đại ngập dưới nước ở Evanston
Bia của Milwaukee được chồng lên với bọt nước biển
Dòng Sông Đẹp của Buffalo đột nhiên biến thành muối
Đảo Manhattan bị quét sạch trong mười sáu giây
Cột buồm bị chôn của Amsterdam nhô lên
Khi ngọn sóng dữ ập vào phía Đông
để tẩy xóa món phô mát Camembert lâu đời của Châu Âu
nhà hàng Manhatta bị hấp trong cây nho biển
vùng đất đã được rửa sạch thức tỉnh trở lại hoang vu
chỉ còn lại tiếng dế kêu vang
tiếng kêu gào của những con chim biển trên cao
trong vô tận rỗng không
khi Hudson lấy lại sự rậm rạp của nó
và người Thổ Dân đòi lại những chiếc thuyền độc mộc của họ.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

CON ĐƯỜNG THỐNG NHẤT

(Chương XXXV,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

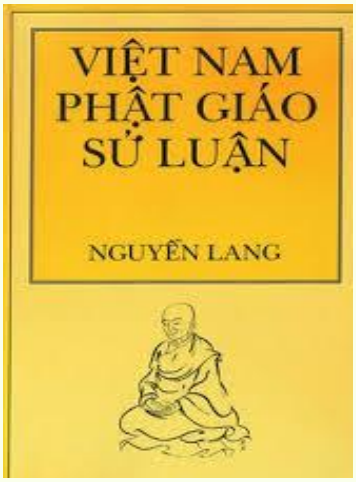

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

TỔNG HỘI PHẬT GIÁO

Ngày 6.5.1951, năm mươi mốt đại biểu của sáu tập đoàn Phật giáo Nam, Trung và Bắc họp hội nghị tại chùa Từ Đàm Huế đã đồng thanh quyết nghị thành lập *Tổng hội Phật giáo Việt Nam*. Bản Tuyên ngôn sau đây đã được phổ biến:

"Bánh xe Phật pháp xoay vần trên khắp quốc độ Việt Nam đến nay đã gần hai mươi thế kỷ. Nhân tâm, phong tục, văn hóa, chánh trị trong nước đều đã chịu ảnh hưởng rất sâu xa của Phật giáo. Tăng đồ và thiện tín từ Bắc vào Nam, một lòng quy ngưỡng Đức Điều Ngự Thích Ca Mâu Ni, sống trong tinh thần từ bi hỷ xả và luôn luôn lo toan xây dựng hòa bình. Nhưng sự đời không hòa nhịp với lòng mong mỏi; hoàn cảnh trước đây đã chia ranh giới ba phần nên Phật sự cũng phải tùy duyên mặc dầu Phật pháp vẫn bất biến. Sự tướng mỗi phần mỗi khác, làm cho mắt bàng quan xem như có điều chia rẽ. Nay cơ duyên thuận tiện, Phật giáo Việt Nam phải được thống nhất. Hơn nữa, họa chiến tranh đang gieo rắc khắp nơi, nhân loại đương lâm vào cảnh lầm than phiền não. Chính là lúc Đạo Từ Bi và Vô Thượng phải đem nước Cam Lộ mà rưới tắt lửa sân si để xây dựng cảnh hòa bình cho nhân loại.

HÒA THƯỢNG THÍCH TỊNH KHIẾT
ĐỆ NHẤT TĂNG THỐNG GHPGVNTN
(1891-1973)

"Theo lời hiệu triệu của các vị trưởng lão hòa thượng, một hội nghị Phật giáo Toàn quốc gồm 51 vị đại biểu Phật giáo ba phần đã được long trọng khai mạc vào ngày mồng một tháng Tư năm 2495 Phật lịch, tức là ngày mồng 6 tháng 5 năm 1951 dương lịch tại ngôi chùa lịch sử Từ Đàm (Thuận Hóa).

"Sau bốn ngày thảo luận ráo riết trong bầu không khí thân mật và hiểu biết, toàn thể hội nghị đã quyết định thống nhất Phật giáo Toàn quốc Việt Nam, lấy ngày Phật Đản làm kỷ niệm thành lập TỔNG HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM, và bầu một ban QUẢN TRỊ TRUNG ƯƠNG đặt trụ sở tại Thuận Hóa (Huế) để thực hiện nhanh chóng chương trình thống nhất mà Hội nghị đã dự thảo.

"Hỡi toàn thể Phật tử Việt Nam! Chúng ta hãy san phẳng những hình thức sai biệt, cùng chung sức chung lòng để làm tròn sứ mệnh kiến tạo hòa bình, gây mầm an lạc, và nêu cao ngọn đuốc Trí Tuệ của Đức Thế Tôn."

Sự thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam đáp ứng được nguyện vọng của tín đồ Phật giáo đã từng ao ước từ hai mươi năm trước đó một nền Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Niềm vui của quần chúng Phật tử khi

TRỞ VỀ MỤC LỤC

nghe tin này đã biểu lộ khắp toàn quốc và bài hát *Phật Giáo Thống Nhất* của nhạc sĩ Lê Cao Phan trong ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử đã nói lên được nỗi vui mừng ấy của tuổi trẻ.

"Phật Giáo Việt Nam Thống nhất Bắc Trung Nam từ đây, một lòng chúng ta đứng lên vì đạo thiêng. Nào cùng vui trong ánh đạo vàng rạng ngời bốn phương, vang ca đón chào Phật giáo Việt Nam…"

Giới thiệu bài "Phật giáo Việt Nam" tại hội nghị Phật Giáo toàn quốc - Huế 1951

Lãnh đạo các tập đoàn miền Bắc tại đại hội 1951 là thiền sư Mật Ứng, phát ngôn viên là thiền sư Trí Hải. Đứng đầu các tập đoàn miền Nam là thiền sư Đạt Thanh, phát ngôn viên là thiền sư Thiện Hòa. Phái đoàn miền Trung do thiền sư Tịnh Khiết lãnh đạo với thiền sư Trí Quang làm phát ngôn viên. Đại hội đã suy cử thiền sư Tịnh Khiết làm hội chủ Tổng hội, thiền sư Trí Hải làm phó hội chủ và bầu một ban quản trị gồm các nhân vật lãnh đạo Phật giáo trong ba phần, trong đó có một ủy viên Nghi Lễ, một ủy viên Hoằng pháp, một ủy viên Văn hóa, một ủy viên Giáo dục.

Đại hội kỳ II của Tổng hội Phật giáo Việt Nam được triệu tập tại chùa Phước Hòa, Sài Gòn ngày 1.4.1956, hai năm sau khi đất nước bị hiệp định Genève chia hai. Hồi này những tăng sĩ và cư sĩ di cư vào Nam đã thiết lập Giáo hội Tăng già Bắc Việt tại miền Nam và hội Việt Nam Phật giáo (Bắc Việt) tại miền Nam. Sự thành lập các đoàn thể này là để giới Phật tử di cư được sống với những hình thức nghi lễ và hành đạo quen thuộc từ miền Bắc. Vì lý do đó, tại đại hội năm 1956, cũng có mặt sáu tập đoàn.

Đại hội năm 1956 khai mạc tại chùa Phước Hòa nhưng họp liên tiếp năm ngày tại chùa Ấn Quang, trụ sở của Giáo hội Tăng già Nam Việt. Đại hội suy tôn thiền sư Tịnh Khiết làm hội chủ, bầu thiền sư Huệ Quang và cư sĩ Chơn An Lê Văn Định làm phó hội chủ, cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền làm tổng thư ký và đặt trụ sở tại chùa Ấn Quang. Thiền sư Thiện Hoa được bầu làm ủy viên Hoằng Pháp, thiền sư Tâm Châu ủy viên Nghi Lễ, thiền sư Trí Thủ ủy viên Giáo Dục. Tạp chí *Phật Giáo Việt Nam*, cơ quan chính thức của Tổng hội ra đời nhằm ngày rằm tháng Tám năm Bính Thân (1956), do thiền sư Huệ Quang đứng làm chủ nhiệm và thiền sư Nhất Hạnh chủ bút.

Tuy nói là thống nhất nhưng sáu tập đoàn của Tổng hội vẫn sinh hoạt như cũ và Tổng hội chỉ đóng vai trò đối ngoại các tổ chức Phật giáo trên thế giới hơn là đóng vai trò lãnh đạo trực tiếp các tập đoàn. Các tập đoàn cũng có khi hoạt động nhân danh Tổng hội và hồi hướng công đức về cho Tổng hội nhưng tựu trung thực quyền lãnh đạo vẫn nằm ở các cấp tập đoàn. Các Phật sự lớn như việc mở đại giới đàn Hải Đức và lập Phật học Viện ở Nha Trang, hay tổ chức diễn hành rước Xá Lợi Phật và xây chùa Xá Lợi tại Sài Gòn đều do các tập đoàn tổ chức nhân danh Tổng hội. Gia đình Phật tử là ngành duy nhất đã đạt tới sự thống nhất thật sự về mặt tổ chức trong khi các sinh hoạt hoằng pháp, giáo dục, kiến thiết, nghi lễ, văn hóa, v.v… vẫn không vượt ra khỏi phạm vi các tập đoàn.

VẬN ĐỘNG THỐNG NHẤT THẬT SỰ

Những thành phần cấp tiến trong Phật giáo bắt đầu tỏ bày sự nóng ruột của họ và chủ trương rằng chỉ khi nào thống nhất thật sự thì Phật giáo Việt Nam mới đủ sức mạnh để đóng góp vào nền hòa bình và hòa giải dân tộc. Từ 1951, các tổ chức tăng sĩ toàn quốc đã được thống nhất dưới danh hiệu Giáo hội Tăng già Toàn quốc với thiền sư Tuệ Tạng ở ngôi vị thượng thủ. Năm 1959, đại hội kỳ II của Giáo hội Tăng già Toàn quốc họp tại chùa Ấn Quang đã suy tôn thiền sư Khánh Anh lên kế vị. Như vậy, đứng về phương diện tăng sĩ, vấn đề thống nhất không cấp bách bằng đứng về phương diện cư sĩ. Do đó, áp lực quần chúng bắt đầu đè nặng trên hai tổ chức cư sĩ quan trọng nhất trong nước hồi đó: hội Phật học Việt Nam ở Trung Việt và hội Phật học Nam Việt.

Tạp chí *Phật Giáo Việt Nam*, cơ quan của Tổng hội, đã phản ánh ý chí thống nhất của quần chúng Phật tử về Tổng hội và đã liên tục tạo áp lực trên các tập đoàn về vấn đề thống nhất.

Lời kêu gọi của tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* là một lời kêu gọi trực tiếp:

"Hỡi các nhà lãnh đạo các tập đoàn Phật giáo trong Tổng hội và ngoài Tổng hội! Quần chúng Phật tử đang nhìn vào liệt vị. Phật tử Việt Nam ước ao thống nhất và đại đoàn kết trong tinh thần lục hòa xây dựng. Liệt vị đừng đi trái nguyện vọng của Phật tử chúng tôi! Trách nhiệm nặng nề một phần lớn là ở nơi liệt vị. Lịch sử Phật giáo Việt Nam sau này sẽ ghi tên liệt vị. Công hay tội là do ở chúng ta có sáng suốt và thành thực trong sự xây dựng thống nhất hay không. Các vị hãy sáng suốt để tránh khỏi những cạm bẫy và những mưu mô chia rẽ của Ma Vương Ngoại

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Đạo đang muốn hủy diệt chính pháp, đang muốn cản ngăn nền Phật giáo thống nhất. Hàng triệu con mắt đang đổ dồn về liệt vị. Hãy tỏ ra xứng đáng là những nhà lãnh đạo sáng suốt để khỏi phụ lòng mong mỏi của chúng tôi." (1)

Kêu gọi chưa đủ, Phật giáo Việt Nam trực tiếp tấn công những người được xem như tham quyền cố vị trong các tập đoàn và gọi là những "ngã tướng": *"Trong lúc Phật giáo Việt Nam còn đang lo thực hiện thống nhất toàn vẹn thì những ngã tướng kia không ai chịu thua ai, không ai chịu nhường ai… Mâu thuẫn nội bộ cũng do ngã tướng, khó khăn đối ngoại cũng do ngã tướng. Bao nhiêu chương trình tốt đẹp chưa thực hiện, bao nhiêu hoạt động hiện tại bị ngưng trệ, chỉ vì người ta không chịu rời bỏ ngã tướng mà thôi."* (2)

Cuộc vận động của tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* không đưa tới kết quả mong ước. Đại hội Phật giáo Toàn quốc thứ III họp tại Sài Gòn ngày 17.8.1957 đã không xóa bỏ được bản vị các tập đoàn. Đại hội chỉ yêu cầu các ủy viên Hoằng Pháp, Giáo Dục, Văn Hóa, Thanh Niên và Kiến Thiết tổ chức các đại hội chuyên môn để nghiên cứu phương pháp thống nhất lề lối sinh hoạt chuyên môn của mình. Ban Quản trị Trung ương của Tổng hội vẫn không đạt tới thực quyền lãnh đạo.

Không nản lòng, năm 1958, tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* mở một cuộc vận động mới. Sau khi phân tích tình trạng, tạp chí này chủ trương rằng những trở ngại của sự thống nhất không phải đến từ bên ngoài mà là do ở sự thiếu thiện chí của một số người lãnh đạo ở cấp bực tập đoàn:

"Quần chúng Phật tử đã nồng nhiệt với phong trào thống nhất, đã khát khao thống nhất, đã đòi hỏi thống nhất! Thế thì tại sao thống nhất Phật giáo lại chưa thành? Sự chậm chạp chần chờ trong bảy năm qua chỉ có thể quy vào sự thiếu thiện chí, thiếu cố gắng xây dựng, thiếu tinh thần khoan dung quảng đại của một số người – chúng tôi nói một số ít thôi – trong các cấp điều khiển của các tập đoàn. Họ đã đặt ý kiến riêng của họ lên ý kiến chung, cam lòng để cho công cuộc thống nhất bị đình trệ hơn là thấy thiến kiến của mình không được dung nạp." (3)

Trong một bài xã thuyết *Làm Thế Nào Để Giữ Vững Tín Tâm Của Phật Tử?* (4) tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* cảnh cáo rằng thái độ thờ ơ của giới lãnh đạo các tập đoàn đối với nền thống nhất có thể làm cho quần chúng Phật tử mất hết lòng tin và do đó Phật giáo có thể mất đi cơ hội ngàn năm một thuở để đóng vai trò thực hiện hòa bình cho dân tộc. Nhận định về sự im lặng và thờ ơ này, báo *Phật Giáo Việt Nam* đã đặt câu hỏi với các ủy viên trong ban Quản Trị Trung Ương của Tổng hội và các cấp trị sự của các tập đoàn: *"Chúng tôi biết công việc không phải dễ dàng, cần có tài, có đức, có thiện chí, có người, có tài chính. Nhưng tại sao công việc khó khăn như thế mà quý vị vẫn giữ một mực im lặng, không lên tiếng tỏ bày những thắc mắc, không trưng cầu ý kiến, không kêu gọi thiện chí trên báo chương, không triệu tập những hội nghị riêng biệt từng ngành chuyên môn như Tổng hội đã quyết định để gom góp ý kiến, trao đổi quan điểm, kêu gọi sự tham gia của những người có khả năng, có chuyên môn, có sáng kiến, có đạo tâm?*

"Nếu quý ngài là những người chủ chốt trong công cuộc chấn hưng Phật giáo nước nhà mà cứ điềm nhiên "tự tại" mãi như thế này thì toàn thể Phật tử còn biết trông cậy vào ai nữa và phỏng họ có đủ tín tâm để chờ đợi quý ngài hoàn thành nhiệm vụ không?" (5)

Trên tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* có khá nhiều cây bút viết về vấn đề thống nhất: Minh Hạnh, Chơn An, Kao Tâm Nguyên, Trọng Đức và Thiều Chi. Từ số 25 trở đi, *Phật Giáo Việt Nam* trình bày một loạt bài của Trọng Đức phân tích tình trạng và đưa ra những đề nghị cụ thể về vấn đề thống nhất. Loạt bài này là nỗ lực cuối cùng của *Phật Giáo Việt Nam* trước khi tạp chí này bị đình bản vào giữa năm 1959.

Trọng Đức nêu ra những thiệt hại và tệ đoan mà Phật giáo nước nhà phải gánh chịu trong tình trạng Phật giáo không thống nhất: 1/ Lực lượng tinh thần bị chi phối; 2/ Lực lượng vật chất bị tản mát; 3/ Những công cuộc thực hiện không thể to tát và hoàn bị; 4/ Khối Phật tử thiếu người đại diện ở cấp toàn quốc; 5/ Sự mất tin tưởng của tín đồ đối với cấp lãnh đạo; 6/ Tự ti mặc cảm của tín đồ; 7/ Tinh thần tương thân tương trợ dần dần bị bế tắc; và 8/ Cấp lãnh đạo không có dịp để học hỏi sự điều khiển trong một phạm vi rộng lớn hơn. Rồi tác giả nhấn mạnh rằng: *"Không tiến tức là lùi, dừng lại tức là bắt đầu nằm xuống"* (6). Tác giả nhận định rằng sự

TRỞ VỀ MỤC LỤC

thống nhất đòi hỏi nhiều can đảm: *"Không có một sự thay đổi nào mà không xáo trộn cuộc đời bình thường an ổn hàng ngày, không có một cuộc mổ xẻ ung nhọt nào mà không làm cho người bị mổ xẻ bị đau đớn… không có một cuộc cải cách tiến bộ nào hay cuộc cách mạng nào mà không gây ít nhiều đổ vỡ."* (7) Rồi tác giả đề nghị việc triệu tập một hội nghị toàn quốc với mục đích xóa bỏ các tập đoàn và bầu lên một ban Quản trị Trung ương có thực lực hùng hậu, gồm các nhân vật xuất sắc nhất và có thiện chí nhất trong các tập đoàn.

Đề nghị xóa bỏ các tập đoàn không phải là một đề nghị mới. Ngay từ 1951, Đại hội Phật giáo Toàn quốc tại chùa Từ Đàm đã đồng ý trên nguyên tắc về đề nghị này. Bản quyết nghị năm 1951 đã nói đến sự: "xóa bỏ bản vị các tập đoàn để thành lập một Tổng hội Phật giáo Việt Nam". Nếu chín năm sau mà chưa xóa bỏ được hình thức tập đoàn thì quả thực là đã có sự "dừng lại và thụt lùi" như Trọng Đức nói. Quần chúng lúc đó đã nhìn vào các hội *Phật học Nam Việt* (Nam) và *Việt Nam Phật học* (Trung) là những lực lượng hùng hậu nhất của Phật giáo thời ấy và trách cứ thiền sư Trí Quang cùng cư sĩ Mai Thọ Truyền về việc trì trệ của nền Thống Nhất. (8)

Những loạt bài vận động của tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* tuy gây được ý thức sâu xa trong quần chúng về nhu yếu thống nhất, nhưng không mang đến những kết quả nào cụ thể ngay hồi đó. Những loạt bài này đã làm cho cấp lãnh đạo các tập đoàn bực tức và do đó tờ báo đã phải đóng cửa vào giữa năm 1959 vì thiếu sự ủng hộ tài chính.

(còn tiếp)

---

[1] Nguyệt san *Phật Giáo Việt Nam*, số 3, năm Bính Thân (1956).

[2] Thiện Ý viết trong *Phật Giáo Việt Nam*, số 9, Đinh Dậu (1957).

[3] Xem bài *Lại Vấn Đề Thống Nhất Phật Giáo*, *Phật Giáo Việt Nam*, số 20 và 21, năm Mậu Tuất (1958).

[4] *Phật Giáo Việt Nam*, số 22, năm Mậu Tuất (1958).

[5] Báo vừa dẫn.

[6] *Phật Giáo Việt Nam*, số 27, năm Kỷ Hợi (1959).

[7] *Phật Giáo Việt Nam*, số 28, năm Kỷ Hợi (1959).

[8] Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền là nhân vật chủ chốt của hội Phật học Nam Việt và thiền sư Trí Quang là nhân vật chủ chốt của hội Việt Nam Phật học.

RỒI MỘT NGÀY NÀO ĐÓ

Trời sụt leo dốc đời
Có bao giờ vượt qua
Phần nhiều quay trở lại
Một vài bay cao xa

Liên lỉ hoài sanh tử
Ách sầu mang khư khư
Khóc cười trong ảo mộng
Tranh đoạt rồi tay không

Ách tri kiến buộc ràng
Chấp chặt trong kiêu mạn
Ái dục mê muội tham
Vạn cổ còn lang thang

Tình sầu cao ngất ngưởng
Phiền não như đại dương
Lặn hụp không thấy bến
Mình mới thật đáng thương

Có vô số con đường
Nhưng chỉ quy hai hướng
Ôm vào đời trầm trịch
Buông bỏ nhìn mười phương

Dù xấu hay đẹp trời
Vẫn tiếp tục cuộc chơi
Rồi một ngày nào đó
Vui cùng mây muôn nơi.

thơ

TIỂU LỤC
THẦN PHONG

Ất Lăng thành, 01/2021

TRỞ VỀ MỤC LỤC

THIỀN LÀ CHÌA KHÓA ĐỂ NHẬN DIỆN CHÍNH MÌNH

PEMA CHODRON

Tiểu Lục Thần Phong dịch

Lời giới thiệu:

Ni sư Pema Chodron là ni sư xuất sắc nhất hiện nay. Bà tu học theo các Lạt Ma Tây Tạng nhưng không vì thế mà hạn cuộc trong tông môn pháp phái. Bà học hỏi, trao đổi ý tưởng, giáo lý của tất cả các truyền thống. Bà hiện đang hoằng pháp ở Mỹ nói riêng, Âu – Mỹ nói chung. Bà đã được đức Dalai Lama tiếp kiến, tổng thống Barac Obama thỉnh mời vào Bạch Cung để tham vấn và còn rất nhiều những người nổi tiếng trên thế giới quy y với bà. Bà còn là người thành lập tổ chức từ thiện vì tu học Phật pháp PANA FOUNDATION for DHAMMA STUDIES, INC, Nevada… Ngôn ngữ hạn hạp và nghèo nàn, khó có thể nói hết hành trạng và công hạnh của bà, sau đây tôi xin dịch một bài viết mới nhất của bà về thiền Vipassana, bài này đăng trên trang nhà Pema Chodron – Buddhist Nun. (TLTP)

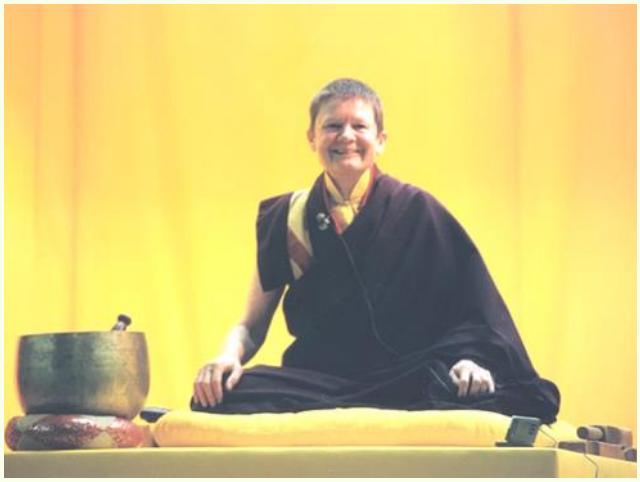

***

Thực hành thiền nó giúp đánh thức niềm tin của chúng ta, khôn ngoan và từ bi vốn cần và chúng ta sẵn có. Nó giúp để nhận biết chính mình: cái phần thô tháo và cái phần mềm mỏng của chính chúng ta, sự đam mê, sự gây hấn, cái vô minh và trí huệ của chính chúng ta.

Lý do mà con người hại con người, lý do mà trái đất chúng ta bị ô nhiễm nghiêm trọng, lý do mà con người và muôn loài động vật không được đối xử tốt, đấy là những ngày mà mỗi cá nhân không biết sự thật, không tin tưởng, không biết yêu thương một cách đầy đủ chính cái bản thân mình. Phương pháp thiền Vipassana (Shammatha-Vipashyana/ Samatha- Vipassana, tiếng Pali) (sự tịnh tâm), nó giống như chìa khóa vàng giúp chúng ta nhận biết rõ ràng chính mình.

Trong thiền Vipassana (Shamatha-Vipashyana) chúng ta ngồi thẳng lưng, hai chân bắt chéo (kiết già hoặc bán già), mắt mở, hai tay đặt (sao cho dễ chịu) trên đùi. Chúng ta chỉ đơn giản là nhận biết hơi thở đi ra, nó đòi hỏi sự chính xác được ở ngay với hơi thở, mặt khác, nó rất là thoải mái và mềm mại, nói rằng: "Ngay tại đây với hơi thở, khi nó đi ra," cũng tương tự như "sự có mặt một cách trọn vẹn." Ngay tại đây với bất cứ điều gì đang xảy ra: tiếng động trên đường phố, ánh sáng trên tường, những điều đó thu hút sự chú ý của chúng ta, nhưng chúng ta không cần chúng nó. Chúng ta ngồi đây, nhận biết hơi thở đi ra.

Hơi thở chỉ là một phần của kỹ thuật, những tư tưởng suy nghĩ liền lạc xuyên suốt tâm của chúng ta lại là một phần khác. Chúng ta ngồi đây để nói chuyện với chính mình. Hướng dẫn là khi bạn nhận ra bạn đã suy nghĩ và cái nhãn hiệu "suy nghĩ." Khi tâm trí bạn lang thang, bạn nói với chính bản thân mình "suy nghĩ," cho dù là sự suy nghĩ của bạn đầy bạo lực, đầy đam mê, hoặc đầy vô minh, thiếu hiểu biết và chối bỏ; cho dù suy nghĩ của bạn đầy lo lắng, sợ hãi; cho dù suy nghĩ của bạn hướng về tâm linh, những suy nghĩ hài lòng, những suy nghĩ an ủi, suy nghĩ làm nâng cao tinh thần, bất cứ cái gì mà

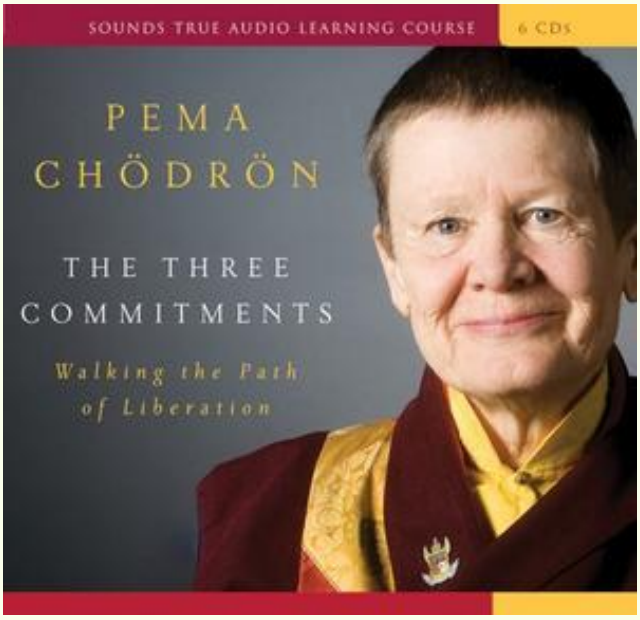

chúng có, không có sự lên án hay sự quấy rối nghiệt ngã, tất cả đơn giản chỉ là cái nhãn hiệu "suy nghĩ," hãy thực hành với sự trung thực và nhẹ nhàng thoải mái.

Cái chạm trên hơi thở là ánh sáng, chỉ có hai mươi lắm phần trăm của nhận thức trên hơi thở. Các bạn không cần nắm bắt hay sửa chữa nó. Các bạn đang mở, hãy để hơi thở đi ra và hòa vào không gian của căn phòng, chỉ đơn giản để hơi thở bạn hòa vào trong không gian. Sau đó, có cái gì đó như tạm dừng lại, một khoảng thì hơi thở kế tiếp lại thở ra. Trong lúc bạn hít vào, có thể có những cảm giác mở ra và chờ đợi, nó giống như bạn bấm chuông cửa và chờ đợi ai đấy trả lời, sau đó bạn lại bấm chuông cửa lần nữa và chờ đợi ai đấy trả lời. Sau đó, đại khái là tâm bạn lang thang và bạn nhận ra là bạn suy nghĩ lại, tại cái điểm này dùng kỹ thuật ghi nhãn.

Điều quan trọng là phải tin và trung thành với kỹ thuật này, nếu như bạn thấy cái nhãn nó thô tháo, nghiệt ngã, tiêu cực thì cũng giống như bạn buột miệng nói lời thô lỗ "Dammit!" là bạn đang tự cho mình một thời gian khó khăn, nói lại lần nữa và làm cho nó sáng lên. Nó không giống như là cố gắng để bắn hạ những suy nghĩ như thể chúng nó là bồ câu bằng đất sét. Thay vào đó là nhẹ nhàng, dùng kỹ thuật ghi nhãn này như một cơ hội để làm tăng trưởng sự mềm mại và từ tâm cho chính mình. Bất cứ điều gì tăng trưởng lên là tốt trong lĩnh vực thiền định. Điểm quan trọng là bạn có thể nhìn thấy nó một cách trung thực và kết bạn với nó.

Mặc dù nó ngăn ngại và đau đớn nhưng nó hiệu quả để chữa bệnh để dừng sự lẩn trốn chính mình, đó là chữa bệnh để biết tất cả các cách mà bạn đang lén lút, tất cả các cách mà bạn đang trốn bên ngoài, tất cả các cách mà bạn ngắt nguồn, từ chối, đóng chặt và phê bình chê bai mọi người, tất cả những cách nhỏ bé quái dị của bạn. Bạn có thể biết tất cả những điều đó với cảm giác hài hước và tử tế, bằng cách hiểu biết chính mình là bạn đang trên đường hiểu biết nhân văn.

Nói chung tất cả chúng ta đều đấu tranh chống lại những điều này, vì vậy khi bạn nhận ra bạn đang nói chuyện với chính mình, cái nhãn "suy nghĩ" và nhận thấy âm điệu giọng nói của chính bạn, hãy để nó trở nên từ tâm, nhẹ nhàng và hài hước. Sau đó bạn sẽ được thay đổi cái kiểu thức cũ kỹ mà toàn bộ loài người cùng xài chung. Từ tâm đối với người khác bắt đầu bằng sự tử tế với chính bản thân của chúng ta.

Vài nét về Pema Chodron:

Tên thật khai sinh của bà là Deidre Blomfield Brown; bà sinh năm 1936, tại New York. Bà theo học trường Miss Porter, tốt nghiệp đại học Berkeley, California. Bà là giáo viên cấp tiểu học trong nhiều năm, dạy ở New Mexico và California.

Bà gặp sư Lama Chime Rinpoche trên dãy Alps - Pháp, năm ấy bà ba mươi tuổi. Năm 1974, khi theo học với Lama Chime bà trở thành nữ tu mới (sa di ni) ở London, cũng trong năm này bà nhận được sự tấn phong từ đức Dalai Lama.

Chogyam Trungpa Rinpoche là vị thầy bổn sư của bà, năm 1972 Lama Chime đã khuyến khích bà học tập với Rinpoche và cả với chính ông. Bà có mối quan hệ sâu sắc, học tập với ông từ 1974 cho đến 1987, khi ông viên tịch. Theo yêu cầu của Karmapa XVI vào năm 1981, tại Hồng Kông bà nhận sắc phong đầy đủ từ một tu viện thuộc dòng truyền thừa Trung Quốc.

Bà là giám viện Karma Dzong ở Boulder, năm 1984 di chuyển đến Cape Breton- Nova Scotia để làm giám viện Gampo Abbey. Chogyam Trungpa Rinpoche yêu cầu bà hướng đến thành lập một tu viện cho tăng và ni người Âu – Mỹ.

Bà hiện giảng dạy ở Mỹ và Canada và có kế hoạch tăng thời gian cho việc tịnh tu một mình, dưới sự hướng dẫn của hòa thượng Dzigar Kongtrul Rinpoche. Bà tận tâm hướng dẫn việc thiết lập truyền thống tu viện ở Âu – Mỹ, song song đó là việc tận tụy với các Phật tử của mình. Bà chia sẻ ý tưởng và giáo lý của tất cả các truyền thống khác nhau.

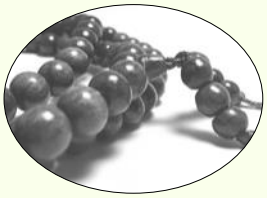

TRỞ VỀ MỤC LỤC

TINH TẤN

*(**Câu Chuyện Cuối Tuần**— bài viết hàng tuần của GĐPT do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)*

Thưa Anh Chị Em (ACE) Áo Lam,

Mỗi lần chào cờ Sen Trắng, chúng ta đều hô khẩu hiệu TINH TẤN, và bắt ấn tam muội để chào. Hôm nay chúng ta hay suy gẫm kỹ để thực hành hai chữ này các bạn nhé!

Chánh Tinh Tấn là một nhánh của Bát Chánh Đạo. Chánh Tinh tấn không có nghĩa là nỗ lực siêng năng hay cố gắng làm cái gì đó mới mẻ hơn, đặc biệt hơn, nổi bật hơn... mà đó là sự cố gắng ý thức và tỉnh thức trong mọi hành động. tư tưởng và lời nói của mình trong mọi lúc - nghĩa là cố gắng giữ gìn chánh niệm. Mục đích của chánh niệm tỉnh thức là để khắc phục sự lười biếng và phiền não.

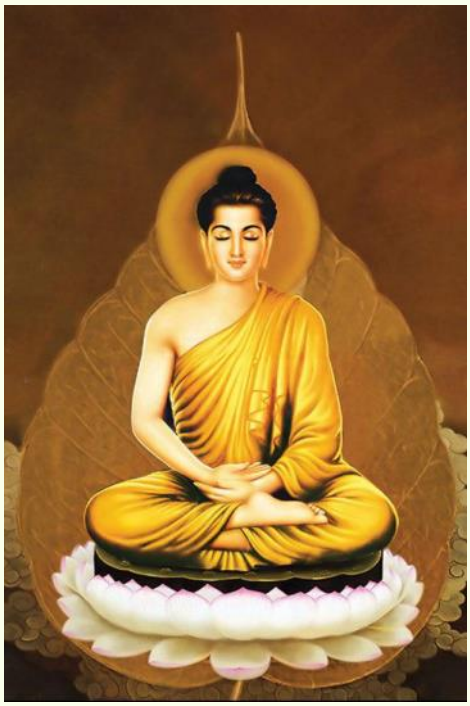

Chúng ta hãy nhẩm lại từng câu bài ca chính thức của GĐPT VN:

"KÌA XEM ĐOÁ HOA TRẮNG THƠM,
NGHÌN HÀO QUANG CHIẾU SÁNG TRÊN BÙN"

Tác giả CHỈ cho chúng ta NHÌN (thấy Sắc) và NGỬI / NGHE, CẢM NHẬN (hương thơm của hoa sen) và phải có chánh niệm, phải có con mắt Thiền mới THẤY ĐƯỢC *"nghìn hào quang chiếu sáng trên bùn"* chứ với con mắt thịt (nhục nhãn) thì không thể nào thấy được hào quang đâu, phải không, thưa các bạn?

"HÌNH DUNG BỔN SƯ CHÚNG TA LÒNG TỪ BI TRÍ GIÁC VÔ CÙNG"

Cũng vậy, nếu không được chánh niệm, tỉnh giác soi sáng, chúng ta không thể THẤY được hình dung Đức Bổn sư với Trí tuệ giác ngộ và lòng Từ Bi rộng lớn đâu! Giỏi lắm là chỉ thấy tôn tượng đức Bổn sư trang nghiêm ngồi trên đài sen trong chánh điện mà thôi.

Như vậy muốn thực hành Tinh Tấn chúng ta phải NHIẾP TÂM, CHÁNH NIỆM VÀ TỈNH THỨC mới có thể hát bài ca chính thức của GĐPT VN một cách trang nghiêm, đúng cách được.

Đó chính là TU. Không chỉ với bài ca chinh thức mà với những bài hát có tác dụng giáo dục, chúng ta đều phải hát trong chánh niệm, nghĩa là hoàn toàn chú tâm ý thức lời ca và tư tưởng , không "suy nghĩ bao la vũ trụ" khi hát, khi nghe Pháp thoại, khi tụng kinh, niệm Phật v.v... đó là ý nghĩa khẩu hiệu TINH TẤN.

Có như vậy chúng ta mới hiểu và thực hành được Chánh Tinh tấn trong "TỨ CHÁNH CẦN":

1. Tinh tấn loại bỏ những điều ác đã sinh
2. Tinh tấn chế ngự, khắc phục những điều ác chưa sinh
3. Tinh tấn phát triển / thực hành những điều thiện đã sinh
4. Tinh tấn phát triển những điều thiện chưa sinh.

Chúng ta là Huynh trưởng nên song song với HỌC, chúng ta cần phải HÀNH (TU).

Có tu học đầy đủ thì việc giáo dục đàn em mới có tác dụng như ý và mới xứng đáng là tấm gương sáng cho đàn em noi theo.

Thân kính chúc ACE vô lượng an lạc.
Trân trọng,
NAL

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Mùa Xuân viết cho hoa

BẠCH LIÊN HOA

Vẻ đẹp nào bằng sánh bạch liên
Lá xanh, bông trắng thật trang nghiêm
Trong chốn bùn nhơ mà thanh khiết
Mây nước trong ngần vẫn thường quen
Ngày dãi nắng mưa hương vẫn ngát
Đêm dầm sương gió sắc không hoen
Uy nghi Phật ngự đài sen ấy
Rực rỡ hào quang tỏa khắp miền.

HOA QUỲNH

Lặng ngắm hoa quỳnh buổi sớm mai
Phong lưu đài các dễ nhường ai
Lạnh lùng sương gió hương vẫn đượm
Nắng hạ, mưa sa sắc chẳng phai
Trần gian hoa ghé chơi chốc lát
Để chung vui góp mặt với đời
Hoa xòe ra trắng muốt tuyệt vời
Rồi lặng lẽ đi vào tịch diệt…
Còn đâu nữa quỳnh hoa diễm tuyệt
Khi cho ta thương nhớ không nguôi
Một ngàn năm biết mấy cuộc đời
Hoa nở rồi tàn, hỡi hoa ơi!

HOA LAN

Vườn trần phải kể đến lan hương
Vào những chiều tà trong gió vương
Xoa dịu tâm hồn khi nhạt nắng
Gợi thêm thi tứ lúc mờ sương
Mảnh mai bông trắng tươi vươn thẳng
Tha thiết cành mềm nhẹ vẫy ngang
Ngào ngạt không gian trăm loại quý
Danh hoa nổi tiếng khắp mười phương.

HOA PHƯỢNG

Phượng vỹ loài hoa của đất trời
Lơ lửng cành cao đẹp tuyệt vời
Mỗi mùa thi tới thường gieo rắc
Những nỗi buồn vui xuống cõi đời
Nhớ mãi ngày xưa thuở thiếu thời
Hái hoa phượng đỏ ép trang thơ
Hồn nhiên vui sống, bạn dăm đứa
Ngày ấy xa rồi! Phượng vỹ ơi!
Nhớ lại sao thấy mắt lệ rơi
Thời gian vun vút như dòng nước
Tóc xanh giờ đã trắng như vôi.

HOA CÚC

Bạn ơi! Có thích cúc không a?
Gót ngọc dừng chân đến với ta
Xúm xít đầu cành đương ra nụ
Xum xuê kẽ lá lộc đâm chồi
Song song sân trước cặp hoàng cúc
Vườn rau lan-huệ-cúc đủ mầu
Có lẽ trung thu là nở đẹp
Mời sang thưởng nguyệt với xem hoa!

thơ DIỆU VIÊN

TRỞ VỀ MỤC LỤC

CÁC RỦI RO CỦA DA

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

1. Có thể tự bảo vệ cơ thể với côn trùng cắn và đốt không?

Rủi ro bị ong hoặc ong bò vẽ cắn thấp nhất vào mùa xuân khi các côn trùng mới bắt đầu làm tổ và cao nhất vào mùa hạ và mùa thu khi một tổ ong có tới 2000 hoặc 3000 con. Nguồn thực phẩm chính của chúng là hoa, vì thế các thửa vườn và đồng ruộng có nhiều hoa dại là nơi mà quý vị thường bị tấn công.

Bởi vì ong và ong bò vẽ được các mầu sáng quyến rũ, cho nên an toàn nhất là khi ra ngoài quý vị mặc quần áo vải mầu nâu nhạt xỉn. Vải này không những có mầu nhạt nhưng đan rất chặt khiến các loại côn trùng không đốt được.

Cũng nên tránh dùng nước hoa, dung dịch có hương thơm hoặc thuốc xịt tóc bởi vì mùi thơm của chúng sẽ lôi cuốn các côn trùng. Khi dùng chất đuổi côn trùng nên đọc kỹ các chỉ dẫn của nhà sản xuất.

2. Quý vị nên làm gì khi bị côn trùng đốt?

Nếu quý vị bị ong bò vẽ hoặc ong bắp cầy đốt, hãy đuổi chúng đi rồi chườm nước đá cục lên chỗ bị cắn. Nếu ong để lại ngòi ở da, hãy nhẹ nhàng lấy nó đi bằng lưỡi dao hoặc móng tay rồi rửa với nước và xà bông. Chườm chỗ đốt với nước đá để ngăn nọc độc được da hấp thụ. Nếu mặt của người bị đốt xưng, khó thở hoặc các dấu hiệu khó khăn gì khác thì phải kiếm chăm sóc y tế. Quý vị thường bị dị ứng trầm trọng thì nên mang theo một ống adrénaline chích.

3. Lấy nọc côn trùng đốt ra cách nào?

Những sinh vật nhỏ bé chuyên hút máu thường hay ẩn náu ở bụi rậm, nơi có nhiều cỏ. Khi côn trùng đốt, cơ thể của chúng có rất nhiều máu. Ai cũng muốn loại chúng ngay, nhưng vì đầu của chúng bị kẹt ở dưới da cho nên quý vị phải lấy nó ra. Bôi chất dầu đặc sẽ che kín ống thở của chúng và sinh vật đó sẽ buông ra trong vòng 30 phút. Và côn trùng có thể lấy ra với một cái nhíp.

4. Con cóc có gây ra mụn cóc không?

Có rất nhiều câu chuyện cũ về các u bướu lành này. Thí dụ như người ta thường nói là chúng có thể chữa bằng các vị phù thủy, bùa mê hoặc bằng cây dại có mật ngọt như sữa. Thực ra một số mụn cóc tự biến đi một cách bí mật cũng như khi chúng xuất hiện và chuyện này xảy ra sau khi một môn thuốc gọi là kỳ diệu được dùng. Đó có lẽ là lý do mà thường thường câu chuyện dân gian lan rộng.

Điều nguy hiểm nhất là tự cắt mụn cóc. Ngoài rủi ro gây nguy hiểm cho chính mình vì có thể dùng các dụng cụ chưa được khử trùng. Do đó quý vị có thể lại gây ra các mụn cóc khác. Nhiều dược phẩm bán tự do có thể công hiệu. Riêng với các mụn cóc ở chân thì quý vị cần đến nhân viên y khoa khám chữa.

5. Tại sao quý vị giống như quả mận khô sau khi tắm?

Tắm kéo dài đầy đủ tiện nghi có thể rất thư dãn nhưng tạm thời làm suy yếu một trong những điều quý của da: đó là khả năng không thấm nước mà bình thường da vẫn có. Nếu da hết thấm nước, quý vị sẽ bị đẫm nước mỗi khi tắm hoặc bơi. Chất có trách nhiệm là

keratin, một loại chất đạm do các tế bào đặc biệt ở biểu bì tạo ra. Keratin là chất bảo vệ không những đối với độ ẩm mà còn đối với vi trùng và nhiều chất gây kích thích cho da.

Trong khi tắm, lớp trên cùng của da hấp thụ nước, xưng lên và vì vậy khi bước ra khỏi buồng tắm, da của quý vị có nhiều vết nhăn giống như quả mận khô.Sau một thời gian, nước bốc hơi khỏi các tế bào, da lấy lại hình dáng bình thường và các nếp nhăn biến mất.

6. Liệu quần áo có gây tổn thương gì cho da?

Nhiều người bị dị ứng khi tiếp xúc với một vài chất như len và lông thú vật. Ít được biết tới là dị ứng do tiếp súc với các quần áo làm bằng da. Áo khoác bằng da hoặc dép da có thể gây ra các lấm tấm nhỏ trên da.Việc này đặc biệt đúng nếu các chất dùng để thuộc da lấy từ loại thảo mộc có cây chất độc thường xuân. Chẳng hạn băng mũ bằng da có thể gây ra những nốt nhỏ ở trên da đầu.

Các phản ứng đó không phải lúc nào cũng xẩy ra bằng các chất hóa học hoặc vải vóc.Khi quần áo quá chật, nóng quá và độ ẩm đọng lại, sẽ tạo ra ngứa và làm trầm trọng dị ứng sẵn có.Dây thung nhân tạo để đeo quần và các đồ lót cũng có thể gây ra ngứa.

7. Tại sao quý vị có da dầy ở bàn chân và bàn tay?

Da dầy ở bàn chân là sự dầy lên của các lớp da khi nó bị sức ép và bị trầy. Thí dụ như khi mang giầy quá chật hoặc khi có cọ sát ở gót chân thì chúng sẽ xuất hiện và thường thấy ở bàn tay vì làm việc bằng tay.

Da dầy ở bàn chân thường thấy ở các ngón chân và có hình nón. Khi lớn lên, lớp da dầy này chịu sự tăng sức ép khiến cho nó ăn sâu vào các lớp da ở dưới rất đau. Có hai loại: loại cứng thấy ở trên mặt bên ngoài của chân và loại mềm ở giữa các ngón chân.

Để tránh hãy mang giầy vừa khít. Dùng một dung nham xốp và nhẹ nhất là sau khi tắm có thể giảm bề dầy của chúng. Tuy nhiên có thể cần một chuyên viên về chân để cắt bỏ. Quý vị có thể tránh nó bằng cách bảo vệ da, thường thấy ở khớp xương của ngón chân cái, với một miếng lót bằng bọt biển.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.
www.bsnguyenyduc.com

TRẠI TÙ SƠN LA

Tặng kỵ binh Vũ Đình Lưu
Cuối cùng rồi cũng còn một thời để nhớ.

Sơn La nước độc giòng trong vắt
Trót hẹn cùng nhau một quãng đời
Thăm thẳm chín tầng sâu địa ngục
Chín tầng mòn mỏi cuộc rong chơi

Mênh mông chướng khí mờ Sơn La
Cái đói làm quên nỗi nhớ nhà
Trĩu nặng trần ai thân lính thú
Mồ hoang... hoang lạnh dãy đồi xa

Nơi đây điểm hẹn bờ sinh tử
Dãy trại ven đồi vắng... vắng thêm
Nước độc rừng thiêng đêm chướng khí
Huyệt sâu xí xóa kiếp ưu phiền

Tinh sương... cả trại tù lưu xứ
Chặt nứa trên ngàn khoán chỉ tiêu
Công điểm trọn ngày đôi củ sắn
Máu tuôn đá sắc mỏng tai mèo

Sơn La cũng có đoàn sơn nữ
Thắm đậm tình người nghĩa quới nhân
Lên núi chặt măng triền bát ngát
Cho anh từng ống nứa cơm lam

Chao ôi! Vị nếp sao mà dẻo
Ngọt lịm bờ môi thắm nghĩa đời
Ví nếu hôm nào no một bữa
Cũng còn nhớ mãi trọn đời thôi

Chao ôi! Bó nứa sao mà nặng?
Chia sớt nhau từ những khúc quanh
Xuống núi cheo leo triền vực thẳm
Oằn vai phân nửa gánh ân tình

Những gái Mường kia giờ ở đâu?
Gùi măng xuống núi trắng hoa đào
Sơn La đất chết tình sao đẹp
Mãn kiếp lưu đày cũng nhớ nhau.

thơ HỒ THANH NHÃ

TRỞ VỀ MỤC LỤC

CON THUYỀN NGƯỢC NƯỚC

(Phần 8, Chấp Tay Lạy Người)

Nguyên Minh

Chúng ta đã tìm hiểu qua về sự cấu thành của bản ngã, hay nói nôm na là "cái ta" của mỗi người. Từ những kết quả phân tích khách quan, có thể thấy rõ rằng cái gọi là "ta" đó không hề có một thực thể chắc thật và tồn tại độc lập. Tuy nhiên, sự thật là chúng ta hiện nay vẫn đang sống với một nhận thức không đúng thật về "cái ta", vẫn luôn cho đó là một thực thể tồn tại độc lập với thế giới chung quanh, và là trung tâm điểm cho mọi hoạt động của ta.

Mặc dù vậy, việc xóa bỏ nhận thức sai lầm này không phải việc dễ dàng, bởi đó là một thói quen đã ăn sâu vào tâm thức ta quá lâu, thậm chí là qua vô số kiếp sống. Ngay cả khi đã nhận ra được tính giả tạo và không chắc thật của "bản ngã", chúng ta hầu như vẫn không thể hình dung được cuộc sống này sẽ tiếp diễn ra sao nếu như không có cái gọi là "bản ngã" đó. Điều này như đã nói, có nguyên nhân sâu xa từ sự nhận biết không đúng thật về "bản ngã".

Sự cố chấp vào một bản ngã tồn tại độc lập và chắc thật, tách biệt với thế giới quanh ta là một nhận thức sai lầm, nhưng việc phủ nhận hoàn toàn bản ngã đó cũng là một kiểu sai lầm khác. Sự hiện hữu của "bản ngã" này là có thật. Hơn thế nữa, những hành vi tạo tác là có thật, đang từng ngày từng giờ tạo thành gánh nặng nghiệp lực lôi cuốn ta quay cuồng trong luân hồi. Vì thế, ta không thể phủ nhận hoàn toàn sự hiện hữu của một bản ngã trong ý nghĩa này.

Do đó, lựa chọn đúng đắn ở đây là cần có một nhận thức đúng thật về cái gọi là "bản ngã". Trong khi nhận rõ sự tồn tại và không ngừng tạo nghiệp của "bản ngã" như một thực tế đang diễn ra, ta cũng đồng thời phải nhận biết về bản chất giả hợp, vô thường và luôn phụ thuộc vào các nhân duyên của cái gọi là bản ngã đó. Một nhận thức đúng đắn và toàn diện như vậy sẽ là bước khởi đầu tối cần thiết để giúp ta đảo ngược mọi thói quen, tập quán suy nghĩ và hành động sai lầm vốn có từ xưa nay.

Quan niệm cố chấp sai lầm về bản ngã như một chủ thể có thật và tồn tại độc lập với thế giới chung quanh được giáo lý nhà Phật gọi là chấp ngã. Do chấp ngã mà ta luôn có những hành vi và tư tưởng sai lầm, vì nó làm cho ta bị cuốn hút vào khuynh hướng phải bảo vệ và bồi đắp cho cái bản ngã của riêng ta, phải chống lại tất cả những gì ta nghĩ là có thể gây tổn hại cho bản ngã đó. Hơn thế nữa, khi cái bản ngã đó chịu sự biến dịch tự nhiên của vô thường, phải suy yếu đi hay thậm chí là hư hoại mất khi các nhân duyên hòa hợp tạo thành nó đã biến đổi hoặc không còn nữa... ta cảm thấy đó là chính ta đang suy yếu, đang hư hoại. Và điều đó làm cho ta đau khổ vô cùng.

Như đã nói, quan niệm chấp ngã được hình thành trong mỗi chúng ta từ vô số kiếp sống rất lâu xa về trước, đến nỗi ta luôn có cảm giác như đó là một bản chất sẵn có của mình. Từ lúc sinh ra đời, ngay khi vừa nhận biết về môi trường chung quanh, ta đã tức thời biết phân biệt giữa "ta" và "người khác", biết phản đối khi những gì "của ta" bị người khác xâm hại, và biết vui mừng thỏa mãn khi "cái ta" được nâng niu, chiều chuộng... Vì

thế, có thể nói rằng cội gốc của chấp ngã là rất sâu xa, vững chắc, và việc thay đổi hay xóa bỏ được nó hoàn toàn không phải là chuyện dễ dàng.

Ta có thể hình dung sự khó khăn đó cũng giống như một người chèo con thuyền đi ngược dòng nước xiết, bất cứ lúc nào cũng có thể bị nước cuốn phăng đi nếu như không có sự tỉnh táo và liên tục gắng sức. Nếu nhớ lại những câu chuyện về Quốc sư Ngộ Đạt và thiền sư Pháp Đạt vừa đề cập trong chương trước, ta sẽ thấy rõ được sự chi phối của quan niệm chấp ngã là ghê gớm đến như thế nào!

Quan niệm chấp ngã là nền tảng đầu tiên của đời sống thế tục, là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự lưu chuyển của mỗi chúng sinh trong luân hồi. Do chấp ngã mà mỗi người chúng ta luôn muốn tự mình giương lên thật cao ngọn cờ "bản ngã" trong cuộc sống thế gian đầy phong ba bão táp, để rồi phải không ngừng hứng chịu sự xô đẩy về mọi hướng của những cơn gió thế gian. Một cách khái quát và hình tượng, ta có thể dựa theo những tính chất tương đối khác biệt để phân biệt và gọi tên 8 cơn gió mạnh của thế gian đang không ngừng lay động "lá cờ bản ngã" của mỗi chúng ta. Người xưa gọi 8 cơn gió này là bát phong (八風) hay bát thế phong (八世風), có thể nói là đã khái quát được một cách khá đầy đủ về tất cả những ngoại duyên đang thường xuyên tác động đến chúng ta trong cuộc sống.

Cơn gió thứ nhất là lợi phong, nghĩa là những ngoại duyên có lợi cho ta. Nhưng có lợi như thế nào? Chữ lợi (利) mang nghĩa chung là lợi ích, nhưng ở đây được dùng theo quan niệm thế tục, để chỉ tất cả những gì mà ta ưa thích, mong muốn, như tiền bạc, của cải, áo quần, vật chất nói chung... Và vì thế, khi ta có được những thứ ấy tức là có lợi. Chữ lợi ở đây không chỉ đến những lợi ích chân chánh có được khi ta tu tập hay thực hành những điều tốt đẹp.

Cơn "gió lợi" này tác động rất mạnh mẽ và có thể dễ dàng nhận thấy. Ngay khi cảm nhận được sự "có lợi" trong một sự việc nào đó, ta có thể sẽ lập tức thay đổi hành vi, tư tưởng cũng như lời nói của mình sao cho không đánh mất đi sự "có lợi" đó. Điều này khiến ta dễ dàng có những quyết định sai lầm, thiếu sáng suốt. Chẳng hạn, những người đi tìm trầm hương đều biết rõ về mối nguy hiểm khi băng rừng lội suối, nhưng mối lợi to lớn từ việc tìm được trầm hương đã tác động đến họ, khiến họ quên cả sự hiểm nguy mà sẵn sàng dấn thân lên đường. Cơn "gió lợi" đã thổi họ vào những hành trình nguy hiểm, có thể phải mất đi cả sinh mạng.

Ở mức độ gần gũi dễ nhận biết hơn, mỗi chúng ta hẳn đều đã từng gặp rất nhiều trường hợp mà những cơn "gió lợi" đã làm cho người ta đổi trắng thay đen, sẵn sàng quên đi mọi đạo lý nhân nghĩa thường tình, chỉ cốt để không bỏ lỡ mất một mối lợi nào đó trước mắt. Biết bao người bán hàng sẵn sàng nói dối để bán được giá cao, biết bao người cung cấp dịch vụ sẵn sàng làm nhiều việc sai trái để tăng thêm lợi nhuận, và biết bao kẻ trong đời này sẵn sàng nhắm mắt làm ngơ trước những bất công chỉ để tự bảo vệ quyền lợi của riêng mình... Tự cổ chí kim, từ Đông sang Tây, cơn "gió lợi" đã không ngừng cuốn hút, xô đẩy chúng ta vào những việc không nên làm, khiến ta không ngừng lún sâu vào sai lầm, tội lỗi...

Cơn gió thứ hai là suy phong, nghĩa là những ngoại duyên làm ta hao tổn, mất mát... Chữ suy (衰) có nghĩa là suy yếu, sút giảm đi, hao tổn, mất mát đi những gì ta đang có. Không ai trong chúng ta muốn bị hao tổn, mất mát cả! Vì thế, cơn "gió suy" này thổi vào chúng ta theo chiều ngược lại. Nó không kích thích ta tìm đến cái lợi, nhưng thôi thúc ta phải hành động theo hướng sao cho không bị tổn thất đi những gì đang có. Và hơn thế nữa, vì sự hao tổn, mất mát là điều tất nhiên không sao tránh khỏi trong cuộc sống, nên cơn "gió suy" này luôn thổi vào tâm thức khiến cho ta phải cảm thấy buồn khổ, tiếc nuối những gì đã mất. Nếu như ta thấy vui mừng hả hê khi ngoại duyên mang đến cho ta những mối lợi vật chất, thì ta lại thấy buồn khổ, tiếc nuối khi ngoại duyên lấy mất đi của ta những gì ta đang sở hữu. Cũng giống như "gió lợi", cơn "gió suy" cũng tác động vào tâm trí ta, khiến ta mất đi sự sáng suốt, bình tĩnh cần phải có và do đó dẫn đến những quyết định hay hành vi sai lầm, mê muội.

Cơn gió thứ ba là hủy phong, nghĩa là những ngoại duyên đi ngược lại sự tự mãn của ta, chẳng hạn như những lời chê bai, chỉ trích, công kích... Chữ hủy (毀) có nghĩa là

TRỞ VỀ MỤC LỤC

hủy báng, chê bai, phỉ báng, nói xấu... Cơn "gió hủy" là tất cả những gì xúc phạm đến thanh danh hay giá trị nhân cách của ta, hủy hoại đi những gì mà ta tin là có thể tạo nên hình ảnh tốt đẹp của bản thân ta trong lòng người khác. Khi bị cơn gió này thổi vào, ta thường sẽ tức thời cảm thấy vô cùng khó chịu vì cảm giác bị tổn thương, xúc phạm. Đối với một số người, sự tổn thương này có thể còn nặng nề, khó chịu hơn cả những mất mát, tổn thất về vật chất. Bởi sự mất mát vật chất trong nhiều trường hợp có thể dễ dàng được đền bù, thay thế, nhưng sự tổn thương về danh dự hay uy tín thường được xem như là không thể bù đắp. Và do đó, dưới tác động của cơn "gió hủy", chúng ta cũng có thể dễ dàng đánh mất đi sự sáng suốt và bị cuốn hút vào những hành vi sai trái.

Cơn gió thứ tư là dự phong, nghĩa là những ngoại duyên gián tiếp thuận theo với lòng tự mãn của ta, chẳng hạn như những lời khen ngợi, đề cao được người khác nói về ta, khiến ta cảm thấy thích thú, thỏa mãn trong lòng khi nghe được. Chữ dự (譽) chỉ chung những lời khen tặng, ca ngợi mà người khác dành cho ta, thường là không trực tiếp nói ra với ta nhưng lại tạo thành cái mà ta thường gọi là danh thơm, tiếng tốt... Cơn "gió dự" thổi ta bay vút lên đỉnh cao của sự tự mãn, khiến ta cảm thấy mình trở thành cao quý, tốt đẹp hơn người, và ta say mê ngây ngất với cảm giác được người khác tôn sùng, ca tụng. Sự say mê ngây ngất này cũng làm ta mất đi sáng suốt trong ứng xử, khiến ta trở nên mê muội và dễ dàng mắc phải sai lầm trong mọi hành vi, quyết định của mình. Để có được những lời khen tặng, đôi khi người ta cũng không ngại dùng đến biết bao thủ đoạn gian dối, lọc lừa, sẵn sàng che giấu hoặc bóp méo sự thật, bất chấp cả lương tri và đạo đức.

Cơn gió thứ năm là xưng phong, là những ngoại duyên trực tiếp thuận theo với lòng tự mãn của ta, chẳng hạn như những lời xưng tụng, ca ngợi mà người khác nói ra trước mặt ta, thường là vượt quá sự thật, chỉ nhằm để vuốt ve, làm ta thỏa mãn. Chữ xưng (稱) ở đây hàm nghĩa là tâng bốc, ca ngợi quá lời. Mặc dù vậy, khi được tâng bốc, chúng ta thường rất ít khi nhận biết điều này. Nguyên nhân là bởi ta đang bị cơn "gió xưng" tác động. Nó làm cho ta ngất ngây với cảm giác được đề cao, được tôn xưng, khiến ta ngỡ rằng mình quả thực rất xứng đáng để được đề cao như vậy. Và chính sự cảm nhận sai lầm đó sẽ nhanh chóng đẩy ta đến chỗ "mục hạ vô nhân", trở thành một con người cao ngạo, tự mãn đến mức xem thường người khác. Tất nhiên, một khuynh hướng sai lầm như thế chỉ có thể mang đến cho ta những sự suy thoái trầm trọng về đạo đức, phẩm hạnh mà thôi. Vì thế, đây cũng chính là một trong những chướng ngại rất lớn cho sự vươn lên hoàn thiện bản thân.

Cơn gió thứ sáu là cơ phong, là những ngoại duyên gây tổn thương tâm lý một cách bất công cho chúng ta, chẳng hạn như những lời vu khống, công kích hoặc phỉ báng sai sự thật. Chữ cơ (譏) mang nghĩa là quở trách, chê bai, nhưng ở đây hàm ý là những sự chê bai không dựa trên sự thật, dựng chuyện chỉ để nói xấu, vu khống. Khi cơn "gió cơ" này thổi đến chúng ta, ta sẽ rơi vào trạng thái bất an vì sự bực dọc, tức tối.

Tuy nhiên, những điều gọi là "vu khống" ở đây lại thường chỉ là được nhận thức từ phía chúng ta, bởi ta thấy đó là vô lý, là bất công, nhưng trong rất nhiều trường hợp thì người chê bai, chỉ trích ta lại có những chứng cứ mà họ cho là xác thực. Ngay cả khi những chứng cứ ấy chỉ là do sự hiểu lầm thì họ vẫn thật sự tin tưởng vào đó. Vì thế, thay vì hành xử một cách sáng suốt là phân tích để tìm ra nguyên nhân và giải tỏa sự hiểu lầm, chúng ta lại thường chỉ biết nổi giận và trách cứ về sự "vô lý" hay "bất công" của người khác. Đây cũng chính là một trong những tác động của cơn "gió cơ" này: nó làm cho ta mất đi khả năng phán xét và suy nghĩ sáng suốt.

Cơn gió thứ bảy là khổ phong, là những ngoại duyên làm ta khổ sở, không vừa ý. Chữ khổ (苦) tuy có hàm ý là tất cả mọi khổ đau, nhưng ở đây được dùng chủ yếu để chỉ đến những điều bất như ý, bức bách ta vào hoàn cảnh không mong muốn, phải gắng sức chịu đựng, như đói rét, nóng bức, thiếu thốn... Khi bị cơn "gió khổ" này thổi vào, ta cảm thấy thân tâm đều khó chịu, bực dọc, chỉ mong sao cho hoàn cảnh đó sớm qua đi. Cảnh khổ càng kéo dài thì sự khó chịu của ta càng tăng thêm. Vì vậy, cơn "gió khổ" đã tạo ra một thứ ngục tù vô hình giam hãm tinh thần ta, ngăn cách không cho ta tiếp xúc với những điều tốt đẹp của cuộc sống vẫn đang hiện hữu quanh ta.

Cơn gió cuối cùng là lạc phong, là những ngoại duyên làm ta sung sướng, thích thú, vui mừng. Chữ lạc (樂) mang nghĩa khái quát là vui thích, ở đây được dùng để chỉ chung những ngoại duyên khiến ta được hài lòng thích ý, thân tâm đều khoái lạc, chẳng hạn như được ăn ngon, mặc đẹp, tận hưởng các thú vui...

Mới nghe qua thì cơn "gió lạc" này tưởng chừng như phải là điều rất đáng mong cầu, bởi nó chẳng gây hại gì cho ta cả. Nhưng thật ra thì sự vui thích, khoái trá mà ta có được từ ngoại duyên cũng chính là một trong những tác nhân khiến ta ngày càng vướng sâu vào đau khổ. Vì sao vậy? Sự vui

TRỞ VỀ MỤC LỤC

thích vốn có được là vì ta đang có chỗ mong cầu, ưa muốn, nên khi được thỏa mãn ta mới có cảm giác vui thích, khoái chí. Nhưng sự mong cầu của ta vốn không hề có giới hạn. Vì thế, một khi nó được thỏa mãn ở mức độ này thì lại lập tức nảy sinh một mức độ khác, và thường là cao hơn cả mức độ trước đó. Như vậy, xét cho cùng thì chính sự thỏa mãn bao giờ cũng nuôi lớn thêm dục vọng, và do đó mà một sự thất vọng dẫn đến khổ đau trong tương lai là điều không thể tránh được.

Tám cơn gió (bát phong) vừa được mô tả như trên có thể nói là bao gồm toàn bộ những điều kiện ngoại duyên tác động đến chúng ta trong cuộc sống. Trong đó có 4 ngọn thổi xuôi (lợi, lạc, xưng, dự) theo ý ta mong muốn và 4 ngọn thổi theo chiều ngược lại (suy, hủy, cơ, khổ), tiếp nối thay nhau mà khiến cho ta phải thường xuyên dao động, quay quắt mãi trong cuộc đời.

Mỗi một ngoại duyên đến với ta thường luôn thuộc về một trong số những cơn gió ấy, hoặc cũng có những trường hợp mà cả hai, ba... cơn gió cùng lúc thổi đến, khiến ta hoàn toàn không còn tự chủ được. Toàn bộ những cảm xúc của chúng ta như buồn, vui, yêu, ghét, giận giữ, lo âu... thảy đều khởi sinh từ những cơn gió ngoại duyên này. Chỉ khi nào ta an nhiên bất động trước những cơn gió ấy thì nội tâm mới có thể an định và sáng suốt được.

Trong cuộc sống đời thường của mỗi chúng ta, 8 cơn gió ấy thay nhau liên tục tác động, khiến ta không một giây phút nào có thể chủ động dừng nghỉ thân tâm, nếu như chưa thoát được sự chi phối của chúng.

Giống như một lá cờ được kéo lên cao giữa khoảng không mênh mông, tha hồ cho gió từ bốn phương tám hướng thay nhau thổi đến, khiến cho lá cờ ấy phải luôn luôn lay động, phất phơ về mọi hướng, không một lúc nào có thể đứng yên.

Thân tâm chúng ta cũng liên tục chịu sự lay động của 8 ngọn gió khi "lá cờ bản ngã" được giương lên cao, và càng lên cao thì tất nhiên là càng phải chịu tác động của gió nhiều hơn, mạnh hơn. Mỗi một thời điểm trong cuộc đời ta, nếu không gặp phải những ngoại duyên có lợi thì ắt là tổn hại, không được khen ngợi thì ắt bị chê bai, không gặp điều vui thì ắt có chuyện buồn... Nên hầu như không thể có được một giây phút nào "sóng yên gió lặng" cả. Và từ ví dụ hình tượng này, ta cũng có thể thấy được một điều là: khi bản ngã càng được đề cao thì ta càng phải hứng chịu những tác động mạnh mẽ hơn từ 8 cơn gió của cuộc đời.

Nhưng suy cho cùng, 8 cơn gió ấy cũng chỉ là những tác động đến từ bên ngoài. Nếu không có cái vật cản cụ thể là sự chấp ngã của ta để chúng thổi vào, thì chắc chắn chúng không thể nào gây tác động. Giống như giữa khoảng không mênh mông kia, nếu không có lá cờ giương cao đón gió thì hẳn ta không thể nhìn thấy tác động của những cơn gió đang thổi qua đồng trống. Cũng vậy, 8 cơn gió đời sở dĩ có thể gây tác động đến ta chính là vì ta luôn ôm giữ quan niệm chấp ngã. Nếu ta có thể nhận ra được sự sai lầm của quan niệm chấp ngã và buông bỏ đi thì chắc chắn những cơn gió ấy sẽ không còn khả năng gây tác động đến ta được nữa.

Mặt khác, những cơn gió thổi không ngừng trong khoảng không kia là một hiện tượng hoàn toàn tự nhiên. Tám cơn gió mà chúng ta đang nói đến cũng là những hiện tượng tự nhiên xuất hiện trong cuộc đời. Chúng ta cần phải biết cách "sống chung" với chúng chứ không thể nghĩ đến việc tránh né hay mong muốn có một ngày chúng không còn nữa. Một khi hiểu được điều đó và đồng thời gạt bỏ dần đi quan niệm chấp ngã, ta sẽ thấy ngày càng ít bị chi phối hơn bởi tám cơn gió đời, tương tự như khi ta hạ thấp lá cờ giữa đồng trống, nó sẽ ít bị lay động hơn bởi những ngọn gió thổi đến từ tám hướng.

Nói thì dễ, nhưng việc vô hiệu hóa tám cơn gió đời chắc chắn không thể là một việc dễ làm. Bởi như đã nói, việc phá trừ chấp ngã cũng khó khăn như người chèo thuyền ngược dòng nước xiết, không thể xem là việc dễ dàng. Đôi khi ta có thể ngỡ như mình đã hiểu thấu vấn đề và đạt đến sự an nhiên bất động, nhưng rồi một trong những cơn gió kia bỗng bất ngờ thổi đến, khiến ta bị cuốn tung đi theo chiều gió, đánh mất đi mọi công phu tu tập đã có. Vào đời Tống của Trung Hoa, một nhà thơ nổi tiếng là Tô Đông Pha (1037-1101) đã có lần rơi vào tình huống như thế.

(còn tiếp một kỳ)

(Nguồn: rongmotamhon.net)

Thằng Bạn Bất Lương

THÍCH NỮ NHƯ THỦY

Ngày xửa ngày xưa, có một anh chàng nọ mặt mũi cũng dễ coi nhưng phải cái hơi ngu, chúng ta gọi anh là Tâm cho tiện.

Một hôm Tâm kết bạn với Ý là một tên du thủ du thực, đa mưu túc trí, chuyên nghề lường gạt chôm chỉa mà sống. Thấy Tâm chất phác dễ tin, Ý bèn dỗ ngọt dẫn Tâm đến một chốn xa xôi hẻo lánh chăn dê cho người để lấy tiền lập nghiệp. Tên bất lương lấy trước sáu tháng tiền công của bạn rồi ra đi với hứa hẹn là sẽ tìm nơi tậu nhà cửa ruộng vườn cho Tâm.

Sáu tháng sau, Ý đến vui vẻ báo tin:

- Chú Ba à! Số chú thật là may mắn. Món tiền hôm trước chú đưa cho anh chả thấm vào đâu… anh phải bù đắp thêm gấp bội và đã tậu cho chú đầy đủ cả nhà cửa ruộng vườn khang trang lắm! Anh những ước mong sao chú được trở về đó để anh lo bề gia thất cho chú xong xuôi thì có chết anh cũng cam lòng… ngặt vì tiền cưới xin hơi đắt. Vậy chú hãy cố gắng làm công thêm một năm nữa nhé.

Chàng Tâm cảm động trước lòng lo lắng của ông anh kết nghĩa nên "y giáo phụng hành." Và tên bất lương lại cuỗm thêm một năm tiền công nữa… rồi ra đi.

Một năm sau, Ý lại trở về báo tin là đã lo cưới hỏi xong xuôi cho bạn. Cô vợ đảm đang hiện ở trong ngôi nhà mới mua dạo trước và hết lòng chăm sóc tài sản cho đấng phu quân.

Từ dạo đó, chàng Ý thường lai vãng đến trại dê để báo tin nhà và thúc hối Tâm lo tiền thang thuốc cho vợ, hiếu hỷ cho ông nhạc, quà biếu bà mẹ vợ, đồ chơi cho lũ em vợ, v.v…

Vài năm sau, Tâm lại phải làm thêm ca đêm để có tiền gởi cho ông anh kết nghĩa chăm sóc dưỡng nuôi giùm bầy con đông đúc cả gái lẫn trai.

Đàn con tưởng tượng mỗi ngày một gia tăng, bổn phận làm cha làm chồng càng ngày càng nặng, rút dần mòn sức khoẻ chàng trai khờ dại.

Một hôm biết mình sắp kiệt sức, Tâm ngỏ lời với bạn rằng chàng muốn về nương cậy vợ con trong lúc tuổi già sức yếu, thì Ý liền sa sầm nét mặt, giọt ngắn giọt dài, báo hung tin:

- Chú ơi! Biết nói sao bây giờ đêm qua một cơn hỏa hoạn đã thiêu rụi cả nhà cửa ruộng vường lẫn vợ con chú cả rồi… cuộc đời quả thật là vô thường. Anh không biết làm gì hơn là cùng chia sẻ những cái tang đau đơn này với chú vậy!

Em thân mến!

Câu chuyện được ngừng lại nơi đây, vì khó mà tin nổi rằng trên đời này lại có một người khờ dại như chàng Tâm.

Nhưng… phần chúng ta, có lầm chăng khi chấp nhận những vọng tưởng điên đảo chợt có chợt không là bản tâm của mình? Dưới sự dẫn dắt của cái tâm này chúng ta có đầy đủ quê hương cha mẹ họ hàng thân quyến. Và nếu thêm nữa là những thứ phụ tùng rắc rối như vợ chồng con cái.

Cho đến lúc sức mòn lực kiệt… thì cuộc đời vô thường đòi lại tất cả những cái "có" của chúng ta… Phần ta còn trơ trọi hai bàn tay không.

(trích tác phẩm Hư Hư Lục của Ni sư Như Thủy)

TRỞ VỀ MỤC LỤC

The Story on Subduing Oneself

Dhammapada, Verses 320, 321 & 322

While residing at the Ghositarama monastery, the Buddha uttered Verses (320), (321) and (322) of this book, with reference to the patience and endurance manifested by himself when abused by the hirelings of Magandiya, one of the three queens of King Udena.

Once, the father of Magandiya, being very much impressed by the personality and looks of the Buddha, had offered his very beautiful daughter in marriage to Gotama Buddha. But the Buddha refused his offer and said that he did not like to touch such a thing which was full of filth and excreta, even with his feet. On hearing this remark both Magandiya's father and mother discerning the truth of the remark attained Anagami Fruition. Magandiya, however, regarded the Buddha as her arch enemy and was bent on having her revenge on him.

Later, she became one of the three queens of King Udena. When Magandiya heard that the Buddha had come to Kosambi, she hired some citizens and their servants to abuse the Buddha when he entered the city on an alms-round. Those hirelings followed the Buddha and abused him using such abusive words as 'thief, fool, camel, donkey, one bound for niraya(hell). Hearing those abusive words, the Venerable Ananda pleaded with the Buddha to leave the town and go to another place. But the Buddha refused and said, "In another town also we might be abused and it is not feasible to move out every time one is abused. It is better to solve a problem in the place where it arises. I am like an elephant in a battlefield; like an elephant who withstands the arrows that come from all quarters, I also will bear patiently the abuses that come from people without morality."

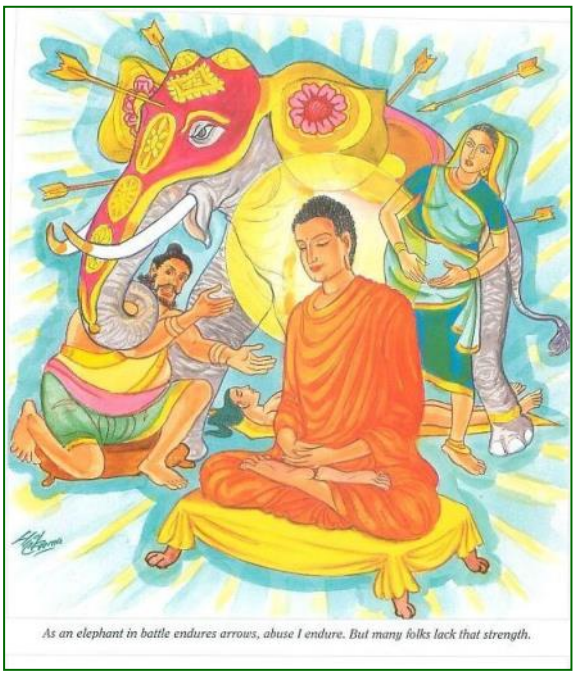

As an elephant in battle endures arrows, abuse I endure. But many folks lack that strength.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 320: As an elephant in battlefield withstands the arrow shot from a bow, so shall I endure abuse. Indeed, many people are without morality.

Verse 321: Only the trained (horses and elephants) are led to gatherings of people; the King mounts only the trained (horses and elephants). Noblest among men are the tamed, who endure abuse.

Verse 322: Mules, thoroughbred horses, horses from Sindh, and great elephants are noble only when they are trained; but one who has tamed himself (through Magga Insight) is far nobler.

At the end of the discourse, those who had abused the Buddha realized their mistake and came to respect him; some of them attained Sotapatti Fruition.

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Ngồi Yên Mỉm Cười

HUYỀN

(Trích ĐÊM HUYỀN - P2: Nhật ký blockdown)

Ngoài kia tuyết trắng, lòng ai bạc!
Cùng tử an nhiên ngắm Phật, cười.
(Huyền)

1.
Những ngày cuối tháng 12, thành phố bị blockdown, Nó cũng block luôn facebook, tạm rời chốn lao xao. Nó vác ba lô lên làm kẻ cùng tử đi tìm lại chính mình. Bạn bè từ ngày đó còn lại vỏn vẹn dăm người, quan tâm, gửi nhau lời thăm hỏi qua hộp thư vẫn còn bỏ ngõ. Ngỡ ngàng nhận ra tình thân hiếm hoi hơn mình nghĩ, tưởng!
Cảm ơn những tình bạn như Núi, như Đất.
Ngồi yên mỉm cười.

2.
Giáng sinh đến, Tết Tây về, từ một nơi yên ổn đó, Nó vẫn chân tình gửi những lời tốt đẹp nhất đến những người bạn gần-xa nơi phố thị, mới hay họ đã cách lòng, tự bao giờ. Hoá ra, đôi người không như chữ nghĩa, và đời thì không như sách vở, thoảng khi.
Cám ơn những người bạn như Hoa, như Cân.
Ngồi yên mỉm cười.

3.
Hồ Tâm buổi sớm phẳng như gương, Nó ước lòng mình cũng thế. Nó đứng bất động, tâm tư trắng đục như màu mây trời in trên mặt nước im. Cái lạnh buộc Nó đi tiếp theo hướng tiếng Suối Từ reo gần đó. Nó dừng lại đếm những nỗi niềm riêng cũ rích thả trôi theo dòng nước xiết kia. Ngược gió, lội tuyết quay về quán-trọ. Dấu giày in trên lối đi-về, Nó thấy luẩn quẩn một vòng nhân sinh, lạnh buốt. Đêm xuống, tay cầm tách trà nóng ngồi dưới mái hiên kín gió. Thỉnh thoảng nghe ngọn đông phong mang tiếng vọng của dòng suối rít ngang đồng vắng. Nó tập lắng nghe tiếng của đêm, tập nghe tiếng lòng mình, lòng người. Nó nghiệm ra rằng không phải sự Im Lặng nào cũng là vàng, như đa phần người đời vẫn hay nghĩ thế và làm thế. Nó dặn lòng, sẽ học cách im lặng đúng lúc hoặc lên tiếng đúng thời; và học hạnh lắng nghe của mẹ Quan Âm. Còn rất nhiều thứ cần phải học. Hớp ngụm trà ấm, đặt tách trà xuống.
Ngồi yên mỉm cười.

4.
Cuối năm, người ta dọn dẹp nhà cửa tươm tất chuẩn bị cho năm mới. Riêng Nó bình thản dọn lòng mình, sắp xếp lại mớ tâm cảm ngổn ngang. Rồi quyết định buông bỏ thứ mà Nó gìn giữ suốt bao năm dài, từ thuở bé. Trong vô thức Nó đưa tay lên vuốt tóc nhưng tay tuột nhanh vào khoảng không trên vai. Nó nghiêng nhẹ mái đầu, cảm giác lạ lẫm và nhẹ hẫng. Chiều nay Nó đã tự tay cắt đi mái tóc-huyền từ lâu không chăm sóc, cùng lúc Nó nghe tiếng sợi dây treo ngược lòng mình cũng đứt lìa. Ai kia, vừa lạ vừa quen! Soi mình trong gương Pháp, Nó thấy Cảnh, Thân, Tâm của mình và người, đều vô thường, theo hướng tích cực hoặc tiêu cực.
Ngồi yên mỉm cười.

5.
Ra đi tức thị trở về
Tâm phiền não đó Bồ đề khác chi.
Năng lượng khá ổn cho một cuộc quay về: quay về với hải đảo tự thân, quay về với truyền thống dân tộc Việt. Tết! Dù gì cũng phải chờ đến cuối tuần, Nó chỉ mong làm điều gì đó cho Cô Nhỏ vui với cái Tết Tuổi Thơ thật bình an, tận hưởng trọn thời gian bên nhau lúc này, mặc cho ngày mai rồi sẽ ra sao. Đêm, căn phòng yên ắng như chưa từng có tiếng trẻ thơ. Chợt nhớ lại hình ảnh Cô Nhỏ ngồi rót trà phơi nụ cười trong tâm thái vô tư. Cõi lòng trở nên bình lặng.
Ngồi yên mỉm cười.

6.
"Yết đế yết đế. Ba la yết đế. Ba la tăng yết đế. Bồ đề tát bà ha."
"Vượt qua, vượt qua, lại vượt qua..."
Vượt qua đối đãi nhị-nguyên.

Thời Bát Nhã Tâm Kinh kết thúc. Ngồi yên mỉm cười đã lâu. Nay, vịn câu kinh ấy mà đứng dậy, Cùng tử nguyện với lòng: Bình-Yên đi hết Đoạn-Trường này...

Những Đêm Huyền.
Mùa Trăng Tháng Giêng

TRỞ VỀ MỤC LỤC

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

MÌ CĂN CHIÊN SẢ ỚT

Nguyên liệu:

- 6 miếng mì căn luộc, bóp cho bớt nước
- 1 muỗng café muối
- 2 muỗng café đường
- 1 muỗng canh sả bằm
- 1/4 muỗng café tiêu
- 1 muỗng café lá hương thảo tươi, bằm thiệt nhuyễn (không có cũng được).

(Rosemary—hương thảo: cây có bán vào mùa hè tại Home Depot, Lowe's, v.v…vừa có thể trồng làm kiểng, vừa đẹp, hình như là có hoa màu tím, vừa có mùi thơm dịu lan tỏa khắp nhà, lại được dùng làm gia vị nêm nếm, mùa hè trồng ở ngoài sẽ thu hoạch được nhiều lắm, hái lá phơi khô để nguyên hay xay nhuyễn, để dành mùa đông nêm nếm, các chợ Mỹ cũng có bán đọt tươi kể cả đọt khô trong dãy gia vị)

- 1/2 muỗng café bột paprika
- 1 muỗng canh dầu ăn
- Ớt bằm ít nhiều tùy thích

Cách làm:

- Ướp mì căn với tất cả các gia vị trên *(hoặc có thể trừ sả ra, khi chiên xong mới phi sả cho vàng, nêm nếm sả cho vừa ăn, rồi đổ mì căn vô đảo đều tùy thích),* trộn đều để khoảng 30 phút cho thấm, nếu chưa ăn liền thì cho vô tủ lạnh, khi nào ăn thì chiên, rất tiện.
- Bắc chảo không dính lên để miếng mì căn vào chiên áp chảo với lửa vừa (nếu chiên nhiều dầu thì sẽ giòn ngon hơn), chiên cho vàng đều là được, thơm lắm. Ăn với cơm, sà lách, cà chua, dưa leo và nước chấm chay.

(Nguồn: G. Phượng)

Photo by Quan Nguyen

—>

TRỞ VỀ MỤC LỤC

VUA HUNG ÁC

Tại Ba La Nại một thời
Nhà vua cai trị là người hại dân
Hung tàn, phi pháp, bất nhân
Tạo bao nghiệp ác vô ngần xấu xa
Sưu cao, thuế nặng ban ra
Lại thêm hình phạt thật là gắt gao
Nhân dân bị ép khác nào
Mía trong máy ép, từ bao lâu rồi,
Vua không hề có tình người
Không thương ai cả, dù nơi cung vàng
Nhà vua khe khắt, bạo tàn
Vợ con cùng với các quan u sầu
Coi vua có khác gì đâu
Như là hạt bụi làm đau mắt người
Như là sạn lẫn cơm thôi
Như dao mũi nhọn đâm nơi tay mình.
Một ngày vua chết thình lình
Thế là dân chúng mặc tình sướng vui
Họ cười nói, họ vui chơi
Đón mừng hoàng tử nối ngôi trị vì,
Thi hài vua hoả táng đi
Với ngàn xe củi lửa thì bốc cao
Tro tàn còn chẳng là bao
Dùng trăm ghè nước đổ vào tắt ngay.
Ngai vàng vua mới lên thay
Nhà vua giới đức đó đây chào mừng
Thật hoan hỉ, thật tưng bừng
Hội hè rộn rã, tiệc tùng liên miên
Bà con sung sướng như điên
Khắp nơi trống dội, khắp miền cờ bay
Trên ngai vua thật oai thay
Lính cầm lọng trắng che ngay trên đầu
Oai phong lẫm liệt biết bao
Triều đình, quan lại đứng chầu chung quanh
Vòng ngoài là những lính canh
Cùng đoàn giữ cửa trung thành từ lâu.

*

Một người giữ cửa chợt đâu
Lại than, lại khóc buồn rầu khôn nguôi
Trong khi thiên hạ vui cười
Nhà vua thấy lạ buông lời hỏi han:
"Cha ta vừa mới từ trần
Toàn dân tỏ vẻ vô ngần sướng vui
Chỉ riêng ngươi lại sụt sùi
Cha ta chắc đối với ngươi tốt lành
Và từng yêu mến thật tình?"
Anh chàng gác cửa chân thành vội thưa:
"Tôi nào thương tiếc nhà vua
Khi vua còn sống thường ưa đánh người
Thang lầu lên xuống cạnh tôi
Vua hay ngừng lại và rồi nắm tay
Đánh tôi tám cái đầu này
Nặng như cây búa trong tay thợ rèn,
Qua đời vua chắc chẳng quên
Bên kia thế giới vẫn quen tật này
Đánh đầu người đã quen tay
Thế là vua lại sẽ gây muộn phiền
Những người cõi đó cuồng điên
Nếu mà họ trả vua liền về đây
Nghe mà khủng khiếp lắm thay
Đâu tôi lại bị đánh ngay liên hồi
Nghĩ mà buồn bã đấy thôi
Nên tôi lo lắng để rồi khóc than."
Vua hiền lên tiếng trấn an:
"Lo chi! Vua đã thành than tro rồi
Ngàn xe củi đốt thân ngài
Cả trăm ghè nước mọi người tưới lên
Lại thêm đào đất bốn bên
Vua còn đâu nữa, chớ nên lo gì,
Chúng sinh khi đã chết đi
Đi luôn theo nghiệp trước kia của mình
Xác thân cũng đã tan tành
Làm sao trở lại quẩn quanh cõi trần
Để mà quấy rối xa gần
Nhà ngươi chớ sợ! Yên tâm từ giờ!"
Anh chàng giữ cửa nghe ra
Trong lòng cảm thấy quả là êm xuôi
Hai dòng lệ hết tuôn rơi
Thay vào là một nụ cười an tâm.
Nhà vua trẻ cai trị dân
Trị vì đúng Pháp, lòng nhân dạt dào
Luôn luôn bố thí đẹp sao
Gây bao công đức, tạo bao phước lành
Đến khi mãn nghiệp của mình
Giã từ dương thế, tái sinh cõi lành.

(thi hóa, phỏng dịch theo bản văn xuôi THE TAWNY KING trong "Stories Of The Buddha" của Caroline A.F. Rhys Davids)

thơ TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Vẫn chừng ấy, vẫn chừng ấy thôi…

HUỆ TRÂN

ĐOẢN VĂN / TÙY BÚT

Mùa Xuân đang từng bước chậm rãi đi qua, nhưng dường như gió Xuân còn quyến luyến không gian nên hương Xuân vẫn thoảng nơi bờ cây, ngọn cỏ.

Trên văn đàn, như cùng với gió, vẫn chuyển tải những chia sẻ của bao văn nhân, thi sỹ nên Xuân tuy chậm bước mà vẫn chưa qua. Thơ văn đón mừng Xuân vẫn nở trên các mặt báo điện tử.

Tôi tự đãi mình, pha một ấm trà thơm rồi lần tới từng nơi…

Mới dăm bước, gặp tựa bài: "Thơ Xuân Vĩnh Hảo", bèn dừng lại. Mùa Xuân, đọc thơ Xuân của một thi-sĩ-Phật-tử hẳn sẽ đậm đà thiền vị trong hương trà sen.

Mới dăm câu khai bút, khai tâm, người đọc gặp ngay bài thơ, tựa đề " Xuân về, thăm vườn hoa em". Đây là một bài, thể thơ tự do, và người đọc, dù mới bắt đầu đọc, cũng phải nhận ra ngay, đây sẽ là một bài thơ dài, vì chữ nối chữ, câu nối câu, vần điệu bằng trắc, chấm phẩy, ngắt đoạn, chia hàng, v.v… mọi luật thơ dường như tự vỡ tan trước thác lũ cảm xúc của người thi-sỹ-Phật-tử đang mượn mùa Xuân để:

(*Viết tặng những thiên thần nghèo khổ không bao giờ hưởng được mùa Xuân trên quê hương tôi) (**)

Sau lời viết tặng, người đọc cảm nhận ngay bao ân cần từ một trái tim bi mẫn khi đọc tiếp:

"Xuân về rồi, này những bé ngoan

Em đã trồng được gì nơi vườn hoa em?

Em có vườn chăng? Có hoa chăng?

Có biết xuân về, người ta nhàn hạ rảnh rỗi ….." (*)

Và lời thơ vẽ nên cảnh xuân nơi những người dư ăn, thừa mặc, rồi lại ngậm ngùi hỏi những em bé nghèo khổ:

"Vườn hoa em đâu, hãy mở cửa cho anh vào thăm?

Em đã trồng được gì cho năm mới này?

Hay là vẫn chừng ấy … vẫn chừng ấy như mọi ngày, như mọi năm?

Thôi, anh không hỏi về những nụ hoa xuân của em nữa

Bởi vì, vẫn chừng ấy, anh biết mà, vẫn chừng ấy thôi …" (*)

Tôi nghe tim mình đập lạc nhịp, phải nhấp một ngụm trà, thở vào, thở ra, dằm hơi điều hoà, trước khi bước tiếp theo chân thi sỹ, thăm vườn hoa của những em bé nghèo khổ

"Đây, vườn hoa em: núi rác khổng lồ ở ngoại ô tập trung tất cả cặn bã của thành phố đông dân nhất nước

Người phố thị dạo chơi vườn hoa xuân trăm sắc thì nơi đây em có rác rến muôn nghìn mầu

Nơi chốn phồn hoa có những khách sạn, những thương xá sang trọng với nền nhà chùi bóng sạch thơm tho, thì nơi đây, em có tất cả mùi xú uế hôi tanh của rác rưởi

Cao ốc thành phố dù là niềm hãnh diện của ai đâu cũng chẳng quan hệ gì đến em

Với em, chỉ có núi rác là quan trọng

Với em, chỉ có những xe đổ rác là quan trọng …" (*)

Cứ thế, Thơ Xuân Vĩnh Hảo, mới chỉ một bài với những vườn hoa Xuân của bao em bé nghèo khổ mà đã trải ra đầy ắp 4 trang giấy, khổ giấy 8" rưỡi x 11"!

Bình trà sen, ngỡ sẽ được hoà hương sen vào thơ xuân, nào ngờ, bình trà âm thầm lạnh ngắt vì người đọc thơ đã theo bao em bé, bước vào những bãi rác lúc nào không hay:

TRỞ VỀ MỤC LỤC

"Sáng sớm tinh mơ, khi người thưởng hoa chưa thức dậy, em đã vác về một bao lớn đầy những túi ny-lon và ve chai, giép đứt, thau nhôm, mủ bể…

Giao cho ba mẹ rồi nằm lăn trên nền mộ bia nghĩa địa.

Ngủ say …" (*)

Khi em bé mệt lả, ngủ say trên nền mộ bia nghĩa địa, là lúc người đọc thơ khoanh chân kiết già, thân tâm như đắm chìm trên những bãi rác cách xa nửa trái địa cầu đó!

Ngồi như thế bao lâu, nào ai biết được! Chỉ là ngồi yên và cảm nhận những sợi giây vô hình đang nối kết những giọt nước mắt hôm nay với giòng lệ năm xưa, vì cũng là bao thống hận nơi những bãi rác!

Năm xưa, sau tháng tư 1975, trên quê hương tôi, không chỉ trẻ nhỏ mà người lớn cũng lê la đầu đường xó chợ, mải mê lượm rác mong chế biến thành những gì tạm dùng được để đổi lấy chén cơm đỡ lòng!

Tin tức thời đó còn là sự biến dạng đáng lo ngại về những tình lý đẹp đẽ, thơ mộng ngày trước, mà tôi từng có đôi lần ghé nhà người bạn cùng sở khi chị về quê thăm cha mẹ. Nhà chị ở Quận Ninh Kiều, có rạch Cái Khế uốn khúc lượn quanh, nước trong xanh, cá tôm chẳng thiếu. Nhưng sau ngày đổi chủ thì chính con rạch ấy là nơi tiếp nhận cống rãnh từ nhà cửa nườm nượp dựng lên xung quanh, qua chương trình đô-thị-hoá mà chủ mới là những kẻ có tiền và có quyền.

Dân quê bị đẩy lui dần, thành khu nhà sàn ọp ẹp ven sông và người người sống chui rúc trong những khoang thuyền, ngay nơi rạch nước cống đen ngòm, hôi hám ấy! Lũ trẻ nghèo, chẳng biết tên thật mình là gì vì chúng thường được gọi là con Na, thằng Tý, bé Ba, bé Tư … Hàng ngày, chúng chờ tan phiên chợ nghèo An Nghiệp là dắt díu nhau chui xuống gầm chợ, men theo cống rãnh lượm rau trái dập, đầu cá ươn … mang về cho các bà mẹ chế biến thành bữa tối!

Ngày lại ngày, ***vẫn chừng ấy, vẫn chừng ấy thôi…*** chúng lang thang lượm rác ở những nơi nhơ nhớp thì danh từ "trường học" hẳn là những gì chúng chẳng hề nghe, nói chi là được tới!

Liên tưởng tới đây thì âm thanh 2 chữ "trường học" bỗng hiện lên trong tôi hình ảnh những bãi rác khổng lồ ở nước láng giềng Cam Bốt mà nỗi thống khổ chẳng khác chi nhau! Cũng đám trẻ nghèo lam lũ mà đối với chúng, xuân hay hạ, thu hay đông, chỉ có rác! Đời chúng chỉ là rác! Chỉ là rác, là rác thôi!

Cho tới ngày, một người tên Scott Neeson đến thăm bãi rác Stung Meanchey. Đó là một bãi rác sâu tới 100 yards trên diện tích tới 25 acres.

Tin này được chia sẻ trên Thư Viện Hoa Sen qua bài tường thuật của cư sỹ Nguyên Giác.

Khi Scott Neeson được

hướng dẫn viên đưa tới, theo lời yêu cầu là tới nơi nào nghèo khổ nhất ở quốc gia này, thì nhiệt độ nơi đây đang là 130 độ F ! Dù đã được chuẩn bị mọi thứ nhưng Scott Neeson vẫn không thể tưởng tượng nổi, là có một địa ngục trần gian như vậy khi nhìn hàng trăm đứa bé ngụp lặn trong các bãi rác hôi hám, dưới nhiệt độ làm rác phân huỷ và sinh ra khí methane độc hại!

Rồi một em bé, đi ngang qua mà Neeson không thể biết là trai hay gái vì toàn thân bé phủ kín những mảnh vải rách để che nắng nóng, chỉ còn chừa hai con mắt thơ ngây.

Scott Neeson ngăn em lại, hỏi thăm gia cảnh. Qua lời thông dịch thì được biết em hiện sống cùng mẹ và em gái bị bệnh trong túp lều che bằng những tấm carton và vải nhựa thu lượm được. Mẹ và em gái cũng hàng ngày lang thang trong các bãi rác; còn cha, thì em chưa hề biết là ai, cũng chẳng bao giờ hỏi mẹ, vì với em, không gì quan trọng hơn là rác!

Chỉ nghe hoàn cảnh tiêu biểu của một em bé lượm rác, đã đủ làm vỡ trái tim Scott Neeson, một người không chỉ là triệu phú - mà đáng nói hơn - là một người nhiều quyền lực trong môi trường phim ảnh lừng danh Hollywood.

Lần thăm viếng bất ngờ này đã thay đổi toàn diện những gì mà hơn nửa đời người, Scott Neeson đã bình yên hạnh phúc với những quan niệm tương đối!

Qua một vài sắp xếp, trao đổi với người địa phương, Neeson dễ dàng tìm được một nơi tạm ổn cho ba mẹ con trú ngụ, đưa em bé đang sốt thương hàn vào bệnh viện, ghi tên đưa cô chị 9 tuổi vào trường, hứa với bà mẹ sẽ gửi tiền hàng tháng tới, đủ để 3 mẹ con không phải lượm rác nữa.

Scott Neeson đã sửng sốt nhận ra rằng, thay đổi cuộc đời cho cả 3 mẹ con khốn khổ này mà chỉ tốn chưa tới 90 phút sắp xếp liên lạc và 35 USD mỗi tháng!

Về lại Hollywood Hoa Kỳ, Scott Neeson đã không ngần ngại, bán ngay du thuyền, biệt thự và bộ xe hơi sưu tập; đồng thời buông bỏ hết tiền tài, danh vọng đang có, rồi trở lại Cam Bốt với ý nguyện gom khoảng 80 em bé trong các bãi rác để bảo trợ các em đến trường. Ngày đó, hầu hết thân nhân, bạn bè đều gọi Scott Neeson là kẻ khùng điên nhất thế kỷ!

Kẻ khùng điên đó, không phải chỉ dắt được 80 thiên thần bé nhỏ ra khỏi những địa ngục trần gian mà hiện đã có hơn hai ngàn em bé đang được đi học và nhiều em đã vào Đại Học.

Bình trà nguội ân cần mời gọi khi bàn chân trái lên tiếng kêu đau! Thì ra thân ngồi yên đã quá lâu chăng?

Hương trà bỗng lung linh hình ảnh bình cam-lộ-thuỷ trên tay Bồ Tát Quán Thế Âm. Ôi, mầu nhiệm thay!

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Tầm Thanh Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát, nghe tiếng kêu thương Ngài thị hiện, rồi tuỳ duyên nghiệp nhân gian, Ngài giang tay cứu độ.

Với đại-bi-tâm không rời bỏ những chúng sanh khẩn cầu hướng vọng, Chư Bồ Tát sẽ đủ duyên thị hiện nơi vườn hoa xuân của những em bé mà người thi-sỹ-Phật-tử vừa về thăm, để ban vui thay tiếng nấc nghẹn ngào: "Vẫn chừng ấy, vẫn chừng ấy thôi! …"

Huệ Trân
(Tào-Khê tịnh thất –
Lệ tưới trên hoa Xuân!)

(*) "Thơ Xuân Vĩnh Hảo"

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Nơi trú ẩn tránh bão

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

ĐOẢN VĂN / TÙY BÚT

Nhà thấp nhất trong xóm. Mái tole. Cửa gỗ. Sàn gác gỗ sao. Nó khiêm tốn lọt thỏm giữa những ngôi nhà cao tầng khang trang, kiên cố với beton cốt thép, cửa sắt, cửa kính chịu lực… Diện tích gian dưới của căn nhà cấp 4 này chỉ 24 mét vuông, chia thành hai gian, bếp và nhà vệ sinh chiếm hết gần một nửa, còn lại chừa cho gian phòng khách chật chội với bàn ghế, divan, tủ sách, chỗ để hai chiếc xe máy…

Vậy mà vào lúc sáng sớm, khi cơn bão Damrey dữ tợn bắt đầu đổ bộ vào đất liền, hung hăng sấn vào lòng thành phố biển Nha Trang, căn nhà khiêm tốn trong hẻm nhỏ này là nhà duy nhất mở cửa để đón nhận 15 người khách lỡ đường chui vào nương trú để tránh bão. Duy nhất. Vì mọi nhà xung quanh đều đã cửa đóng then cài kín bít từ đầu tối hôm trước.

Bắt đầu từ 4 giờ 15, khi ngoài phố nước đã ngập trắng, không còn thấy đâu là đường đi, đâu là vỉa hè, gió giật từng cơn hung bạo… một cánh cửa gỗ mở hé ra, vừa đủ cho một người bên ngoài chen lách vào bên trong. Một người, một người, thêm một người, rồi thêm người khác nữa, người trước gọi thêm người sau bên ngoài đầu hẻm chạy vào… rồi chen chúc nhau trong gian phòng khách chật hẹp.

Đó là một chị đứng tuổi nhà ở dưới Cửa Bé, chở hàng tạp hóa chất đầy trên chiếc xe đạp điện lên thành phố bán cho có đủ về trả tiền vay góp, bán ráng cả đêm, sáng về được nửa đường thì bão vào đến, xe chạy hết nổi, người và xe cùng hàng hóa bị quật ngã nghiêng, phải cố đẩy xe vào đầu con hẻm, rồi quăng thí đó mà chạy vào sâu bên trong hẻm tìm nơi lánh nạn. Đó là một chàng trai trẻ tuổi đôi mươi, tuy có khoác chiếc "áo mưa ăn liền" vẫn ướt sũng từ ngoài vào trong, môi tím tái, co rúm người vì lạnh run, nói không ra hơi. Đó là một cô gái đi làm xa vừa xuống ga tàu lửa với hai vali hành lý, được chú xe ôm chở liều về nhà ở đường Hùng Vương, nhưng đến được ngã ba Nguyễn Thiện Thuật- Lê Thánh Tôn thì cả hai người và xe đều bị gió mạnh quật ngã giữa phố nước, phải bỏ xe mà chạy vào hẻm ẩn nấp. Đó là một anh công nhân xây dựng, làm tăng ca ở công trường dưới Cầu Đá, nhà thì ở tuốt trên Thành-Diên Khánh, ỷ y bão sẽ không vào đến, mà có vào cũng không đến nỗi lớn dữ, nên về không kịp, xe ngập nước tắt máy, gồng mình dắt bộ một đoạn dài thì bão đuổi đến sau lưng, hoảng hốt đẩy xe chạy vào con hẻm ẩn náu, sắc diện vẫn còn lộ rõ nỗi kinh hoàng…

Bên kia đường, đối diện với con hẻm nhỏ này, là một khách sạn 5 sao sừng sững hoành tráng, là một trụ sở của UBND Thành Phố khang trang đồ sộ, nhưng đều tường cao rào kín, cửa bít cổng che, cho nên những người lỡ đường gặp hoạn nạn chỉ có nước chạy vào con hẻm nhỏ để cầu may tìm nơi ẩn trú. Và may thiệt, nhân duyên đã đưa đẩy cho họ gặp được căn nhà nhỏ có cánh cửa gỗ hé mở, mở ra rồi đóng sập lại, lại mở ra rồi đóng vội, để đón tiếp từng người, khi ngoài kia mưa vẫn xối xả, gió mỗi lúc càng cuồng nộ thổi giật hú gào…

Ba người trong nhà nhỏ đón tiếp mười lăm người bên ngoài hoàn toàn xa lạ, nhưng chỉ trong thời gian ngắn ngủi mà bỗng dưng trở thành thân quen, như đã gặp nhau, biết nhau từ thuở não thuở nào rồi. Ai đang đói bụng thì có bánh mì nguội chấm sữa, có mì gói nóng hổi vừa thổi vừa xì xụp; ai đang ướt lạnh thì có áo quần khô lành lặn của gia chủ gửi tặng để thay ngay lập tức. Ấm lòng. Ấm người. Run rẩy lắp bắp thì từ từ đã hồi sức, nói năng ra câu ra điệu. Lạc hồn thì dần dần đã hoàn hồn an tâm. Khi đã hoàn hồn rồi, bão cũng đã dần đi qua rồi, những người trú ẩn mới có thời giờ nhìn

TRỞ VỀ MỤC LỤC

ngắm trên bốn bức vách đã và đang còn ôm lấy họ như vòng tay thân ái suốt mấy tiếng đồng hồ qua, để thấy những khung hình lộng kính có bản Kinh Từ Bi, có hình ảnh đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bên góc phải là tượng gỗ lũa Sư Tổ Bồ Đề, tượng ngài Tuyết Sơn, tượng đức Di Lặc cười toe toét trấn an… Chỉ là gian phòng khách, không phải gian thờ phụng, nhưng luôn luôn ấm cúng, thanh thoát, và cởi mở thân thiện đón nhận bất cứ một ai bước qua khung cửa.

Người đàn ông chủ hộ của nơi trú ẩn nhỏ bé này không có mặt vào thời khắc đó, vì đang bận trực ở nhà từ đường cổ kính để canh giấc ngủ cho mẹ già, chỉ biết được tình hình an nguy ở nhà riêng của mình qua liên lạc điện thoại trước khi hết pin và cúp điện toàn tỉnh.

Ngay những giây phút nhận được tin báo, hắn ta, người chủ hộ, đã cảm thấy vô cùng hạnh phúc. Hắn mừng vui vì từ đây về sau mình sẽ hoàn toàn an tâm khi những người thân của mình đã tự ý tự động làm được những việc thiện nguyện mà không cần phải có sự hiện diện của mình, không cần phải đợi nghe mình mở miệng kêu gọi, khuyến bảo, chỉ dẫn hay nhắc nhở. Rất an tâm và vui mừng khôn tả.

Bão đã đi qua. Gió đã lặng dần, mưa còn lất phất bay. Từng người, từng người, từng người rời khỏi nơi trú ẩn để về với nhà, với gia đình, với những lo toan bề bộn sau cơn bão hung tàn khủng khiếp… Gian phòng khách mới chật chội đó mà bỗng dưng rộng thoáng rộng thênh, bắt đầu đón những tia nắng đầu tiên rọi chiếu qua hai khung cửa gỗ. Cuộc sống vẫn tiếp diễn…

Hắn ta, người chủ hộ, viết những dòng này không phải để kể lể báo công báo thành tích của ai, mà chỉ muốn gửi đi một thông điệp đến thập phương bá tánh:

"Hãy mở lòng mình ra trước, thì tất cả mọi cánh cửa đều sẽ tự động mở toang theo để đón lấy thiện duyên. Đừng đóng bít đóng kín kẽ quá, sẽ không thấy hiểu được hết ý nghĩa và sự nhiệm mầu của cuộc sống!"

TÂM TỐT
ẮT MỆNH SẼ TỐT

Cẩn thận trong SUY NGHĨ,
TÂM Ý thốt thành lời
Nói xong khó sửa đổi,
LỜI NÓI tỏa khắp nơi...
LỜI NÓI không cánh bay!
Chìm nổi theo tháng ngày!
Như bảy con ngựa chạy!
Như dấu bóng chim bay!
LỜI NÓI đã thốt ra,
Tốt xấu cũng do ta,
Tâm vui hay phiền não,
NHÂN QUẢ tự rước vào...
LỜI NÓI chậm hay mau,
HÀNH ĐỘNG chạy theo sau,
HUÂN TẬP điều tự tạo.
Thành NHÂN CÁCH... thấp cao.
SỐ MỆNH đến từ đâu?
Do TƯ TƯỞNG ban đầu,
HÀNH ĐỘNG không suy nghĩ,
Tạo thành NGHIỆP nặng sâu…!
Phàm trước HÀNH ĐỘNG gì,
Thận trọng phải nghĩ suy.
Đến hậu quả của nó,
VẬN MỆNH bớt âu lo.
Ngày mới đến thật nhanh,
CHÁNH KIẾN chọn điều lành,
CHÁNH NGỮ từng lời nói,
CHÁNH TƯ DUY an bình
Mỗi ngày một niềm vui,
Xin cầu chúc mọi người,
Sống an vui hạnh phúc,
Mang niềm vui cho đời...
Nguyện cuộc sống bình yên,
Tỉnh thức học Chánh Chuyên,
Thực hành Bát Chánh đạo,
TÂM luôn được bình yên…

thơ THỤC UYÊN

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

QUẢ LÀ CHẲNG OAN

Sau khóa lễ Phật thất, có người hỏi thầy:

- Bạch thầy, có lẽ nào chỉ gọi tên Phật suốt ngày mà giác ngộ và giải thoát được chăng?

Thầy giảng:

- Anh nói chí phải, không thể có chuyện đó! Chỉ niệm Phật chưa đủ, phải biết không làm các việc ác, làm các điều lành, giữ tâm ý hiền thiện. Anh phải học vì sao Phật nói đời là khổ, tại sao khổ, cách thoát khổ, con đường hết khổ…

Anh ta nghe qua cũng thấy có lý nhưng hỏi thêm:

- Con nghe bên Tịnh độ người ta bảo chỉ cần niệm Phật thôi là được Phật rước về Tây Phương. Các học giả phê phán cho là mê tín.

Thầy cười:

- Quả thật chẳng oan tí nào, làm gì có chuyện gọi tên Phật mới được Phật rước về Tây Phương! Niệm là nghĩ, nhớ và hành theo những gì Phật dạy, xưng danh hiệu giống như buông mỏ neo xuống nước, giữ cho con thuyền tâm không bị cuốn theo sóng gió.

CHỌN PHÁI NÀO

Có ông tăng trẻ từ phương xa đến tham vấn:

- Bạch hòa thượng, con tham học gần xa, có nhiều người bảo chỉ tin Phật chứ không tin tổ. Phật giáo bắc truyền là của các tổ chứ không phải của Phật!

Hòa thượng trầm ngâm giây lát rồi nói

- Đời trên còn có đời trên nữa, đời dưới còn có đời dưới nữa, nay cắt bỏ khúc giữa thì trên dưới sao biết nhau được! Không có chư tổ thì chúng ta làm sao biết được Phật pháp? rồi ai là người truyền giáo lý và giữ mạng mạch Phật pháp đến ngày nay?

Ông tăng trẻ vẫn phân vân:

- Vậy con nên chọn theo phái nào?

Hòa thượng không trả lời mà ngâm thẳng đọc thơ:

Bên này với lại bên kia
Không hùa theo nhóm không chia theo bầy
Chỉ tin giáo pháp của thầy
Con đường trung đạo đã dày dụng công.

DUYÊN

Ngoại ăn chay niệm Phật một đời, ba về làm rể cũng niệm Phật ăn chay theo ngoại. Nó sanh ra lớn lên cũng niệm Phật theo ba. Ngày lên thành học, người ta dạy duy vật biện chứng "Vật chất quyết định ý thức", "Tôn giáo là thuốc phiện"… nó về nhà tuyên bố:

- Ngoại với ba lạc hậu mê tín!

Ba lặng lẽ lên lầu niệm Phật, ngoại ngồi võng lần chuỗi hạt không ngừng. Mười năm sau duyên đưa đẩy thế nào nó theo thầy học Tứ niệm xứ, về nhà nói:

- Tứ niệm xứ mới đúng chánh pháp.

Ngoại đã mãn phần, ba nó bảo:

- Pháp nào cũng chánh, tùy quốc độ và căn cơ.

Hai mươi năm sau, trải qua nhiều chuyện buồn vui của đời lẫn đạo. Nó về nhà viết tặng ba:

Tu tứ niệm xứ thân thọ tâm pháp dẫu chưa chứng đắc cũng an lạc hiện đời
Nhất niệm hồng danh thân tâm đồng trụ đâu đã vãng sanh sống tịnh độ nhân gian.

OAN GIA NGÕ HẸP

Chùa có mười mấy vị và năm chú tiểu, chỉ mỗi chú tiểu Tường là được sự "chiếu cố" thường xuyên của thầy quản chúng. Tiểu Tường làm gì cũng bị la, nói gì cũng bị chê bai, thậm chí còn bị nặng lời:

- Tu hành gì mày, vô đây kiếm cơm thì có!

Tiểu Tường im lặng nhẫn nhục mà cũng không yên.

- Làm bộ làm tịch ra điều như tu giỏi, thấy mà ưa hổng nổi!

Sau đó thầy quản chúng

TRỞ VỀ MỤC LỤC

về thành, những tưởng thoát, nào ngờ cuối năm hòa thượng cho cả mấy chú tiểu lên thành học lớp trung cấp. Ngày nhập học gặp giáo thọ sư thì lại là thầy quản chúng cũ. Thầy bâng quơ:

- Chuột chạy cùng sào cũng vào lại rọ.

Mấy chú tiểu kia thông cảm với tiểu Tường:

- Oan gia ngõ hẹp, ráng tu cho qua, xem như thử thách của chú vậy!

TU

Thấy Việt học Phật, ăn chay, đám bạn trêu chọc:

- Còn trẻ mà tu chi cho cực, cứ hưởng đi, mai mốt già hẵng tu!

Việt cười:

- Biết có kịp già không? Vô thường ai biết được!

Bạn bè lại bảo:

- Sao bi quan quá vậy? Người già trong thiên hạ nhóc luôn.

Việt nói:

- Tu là sửa, ai sai nấy sửa, sai đâu sửa đấy, không lẽ già mới sửa, lúc ấy sao còn kịp! Tu cũng có nhiều kiểu: tiểu tu, trung tu, đại tu, tu chỉnh, tu bổ, tu soạn, tu trì, tu thân, tu tâm, tu tinh tấn, tu tà tà... Mình thấy các cậu cũng tu, có ngày tu cả mấy xị đế.

Cả nhóm cười rộ lên.

ĐỤNG VIỆC

Nghị trường xôn xao vì báo cáo khoa học:

"Đại dương ô nhiễm nặng bởi rác thải, túi nylon… khối lượng rác trong biển lớn bằng diện tích nước Pháp. Những con cá voi, rùa chết rất nhiều vì chúng nuốt túi nylon (chúng ngỡ là sứa). Chúng ta cần phải hành động trước khi quá muộn."

Các nghị viên bàn tán hăng say, nhiều người bảo ủng hộ và hưởng ứng hết lòng… Khi nhà khoa học đề nghị nâng các biện pháp sau thành luật:

- Giảm tối đa hoặc cấm sử dụng túi nylon;
- Đánh thuế thật nặng những sản phẩm nhựa, nylon, các loại hộp xốp…
- Không cho lập mới và hạn chế bớt những nhà máy sản xuất túi nhựa, sản phẩm xốp xài một lần…

Cả nghị trường chợt nhiên lắng xuống lạ thường, không một cánh tay giơ lên. Nhà khoa học nản lòng bước ra ngoài hành lang. Đồng nghiệp chạy theo bảo:

Nói thì hùng hổ hả hê
Đến khi đụng việc ê chề làm sao
Môi trường là chuyện tầm phào
Túi tiền nặng lắm ta nào hiểu ra.

SAO BẰNG TUỒNG ĐỜI

Ngày xuân còn dài, bạn bè gặp nhau vui vẻ xôm tụ lắm, nào là chuyện chân dài, chuyện thế sự, chuyện quan trường… Có người kể chuyện đêm qua đi xem hát bội ở đình làng.

- Anh kép Ất thật tài ba, vai nào cũng diễn trơn tru cả, từ vai chính diện cho đến phản diện, diễu hài, diễn cương…

Bạn của anh ta cười cười:

- Nhập vai trên sân khấu tuồng như vậy kể cũng giỏi, nhưng nhập vai ở tuồng đời mới khó. Năm ấy họ Mai hưởng ứng cần vương đứng lên chống giặc cứu nước, thời thế không thành, giặc bắt mẹ già nên ông phải ra nộp mình cứu mẹ. Vai nào người anh hùng cũng nhập trọn vẹn cả.

Bạn bè có người xuất thân từ lớp Hán – Nôm, anh ta ngẫm nghĩ một lát rồi đọc:

Anh diễn viên trên sân khấu nhập thần diễn nghịch tôn loạn tướng
Người nghĩa sĩ giữa đất trời tròn hai vai hiếu tử trung thần.

THỜI ĐẠI ĐỒ GIẢ

Ngày đầu năm gặp nhau trà tam tửu tứ, ai cũng hứng chí đùa giỡn nói năng vui phải biết: Chuyện tư, chuyện công, chuyện tình, chuyện sử, việc nhà, việc nước… nổ như pháo xuân. Anh Ba cảnh báo:

- Thời đại hôm nay quá hỗn độn, chuyện giả mà cứ như thật, vô danh tiểu tốt tung tin giả đã đành. Giờ giới chính trị gia, khoa học gia, thậm chí quốc chủ cũng ào ào phun tin giả.

Anh Tư cười ngặt nghẽo:

- Nhằm nhò gì, bọn truyền thông, mạng xã hội là những cái lò sản xuất tin giả đấy!

Chú Bảy chép miệng cười ngao ngán:

- Thời đại đồ giả cũng dã man mông muội không kém thời mông muội dã man.

Nói xong chú Bảy còn viết:

Thời tiền sử mông muội ấy là thời đồ đá đồ đồng
Giờ tiền xử dã man nên ra thời đồ gian đồ giả

STEVEN N
Georgia, 03/2021

TÌNH SƯƠNG KHÓI

dòng đời vẫn chảy mênh mang
mà tôi cứ nán bên đàng làm thơ
thấy vui trong khói mơ hồ
buồn khi hiện thực xô bồ thành sương
chẳng qua hơi thở vô thường
thở ra thế giới là tuồng huyễn hư
thở vào cõi óng phù du
té ra giả tạm chân như chung dòng
dòng đời vẫn chảy như không
mà tôi cứ náu trong lòng khói sương
tình trôi dạt khắp mười phương
từ trong khói ấy sương luôn là mình.

BẾN CỐ HƯƠNG

người về lại dòng sông xuân ngày cũ
đáp chuyến đò trôi ngược bến cố hương
vỗ ván hát vài câu ca đứt nhịp
mà nghe lòng thanh thản đến lạ thường
đêm xuân có đò ai chèo ven bãi
trời lạnh sương mà tình ấm yêu thương.

RA KHƠI

sông dài mấy độ xuôi về biển rộng
em bao lần về ngập cõi tình anh
ta khoắc khoải chia nhau từng cõi mộng
dẫu cho đời cay nghiệt đánh tan tành
bến bãi rộng mà nẻo đời chật hẹp
đi quanh co trong sóng bủa muôn trùng
anh lạc em giữa năm dài tháng rộng
còn trong tim si dại khối tình chung
nay thanh thản, sóng tình xưa dội lại
bến thuyền neo, em ra khỏi mệnh đời
anh xoay lái cho thuyền tình đi mãi
ta sẽ đưa con mộng đến trùng khơi.

CHIỀU QUA NHÀ NGƯỜI XƯA

xanh xao từng chút chiều tôi lạc
ngõ vắng đi qua mộng dáng người
tường rêu bóng trúc xao cành lăng
sân già hiu quạnh lá me rơi.

thơ PHÙ DU

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Tiếng chuông chùa trong phố

TRẦN HOÀNG VY

ĐOẢN VĂN / TÙY BÚT

Thuở bé nhà ở quê, cách đó vài trăm mét là một ngôi chùa nhỏ, cổ kính, thoạt trông giống với một cái am; song sư trụ trì là người am hiểu về đạo, sớm hôm cần mẫn chuyên cần với đạo pháp. Tiếng kinh kệ vẫn đều đặn vang vang, nhưng có lẽ điều mà mọi người nhớ nhất, lay động đến tâm thế mọi người nhất là tiếng chuông chùa.

Tiếng chuông công phu vào mỗi sáng sớm, khiến mọi người lục tục thức dậy, chuẩn bị cho một ngày mới ra ruộng rẫy, và tiếng chuông thu không vào những lúc chiều tà, thúc giục mọi người thu xếp nông cụ, lùa trâu bò về nhà sau một ngày lao động vất vả. Rồi những hồi chuông canh gà đêm đêm, giúp học trò canh giờ giấc để ôn luyện, dùi mài kinh sử chờ dịp thi thố tài năng với đời. Tiếng chuông chùa gắn bó từ lúc mở mắt chào đời cho đến khi trưởng thành và cả khi già lão, xuôi tay nhắm mắt trở về với cát bụi, bà thường hay nhắc: "Tiếng chuông chùa không những làm thức tỉnh cả dương trần mà còn thức tỉnh cả âm cảnh, là lúc các linh hồn ở cõi âm được tự do đi lại... để mà nghe kinh, Phật độ..." làm bọn trẻ chúng tôi tưởng tượng đến những... bóng ma đi lại mà sởn gai ốc, thụt cổ, le lưỡi không dám đi chơi xa khỏi nhà vào chạng vạng...

Tiếng chuông chùa ở quê nghe thật lạ, bởi nhà cửa thưa thớt, không gian thoáng đạt, từng hồi chuông ngân nga với âm thanh vang vọng tứ bề, làm tiêu tan mọi phiền não, u buồn của người lớn, khiến mọi người dễ đồng cảm, gắn bó và thương yêu hơn.

Nhà thơ Hoàng Cầm khi nói về tiếng chuông chùa ở quê đã viết: *"Xâm xẩm, tiếng chuông chùa quê Việt Nam nó ghê lắm. Từng tiếng tắt hẳn dư âm rồi mới cái khác tiếp, chìm dần đưa vào cõi không. Vời vợi rồi chìm hết... muốn hưởng cái đó phải yên tĩnh của nhà quê. Mà phải nghèo? Mới cảm thấy thế nào là hư vô không còn gì cả. Tiếng chuông chùa lên là thôi tan dần mới thật là Phật..."*

Lớn lên, học tới Trung học, mới được biết những câu ca dao về tiếng chuông chùa:

"Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Mịt mù khói toả ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ."

Đọc sách thấy Phạm Quỳnh nhận xét: *"Cả cái hồn thơ của xứ Huế như chan chứa trong những câu ca dao ấy. Chùa Thiên Mụ là một chốn danh lam, có cái tháp bảy tầng, làng Thọ Xương thì ở bờ bên kia. Đêm khuya nghe tiếng chuông chùa với tiếng gà gáy xa đưa văng vẳng ở giữa khoảng giời nước long lanh mà cảm đặt thành câu ca."*

Viết về tiếng chuông chùa làng quê mình, nhà thơ Nguyễn Bính đã rất tinh tế và sâu sắc:

"Quê tôi có gió bốn mùa
Có trăng giữa tháng có chùa quanh năm
Chuông hôm gió sớm trăng rằm
Chỉ thanh đạm thế âm thầm thế thôi."

Vâng, có lẽ trên mọi làng quê của đất Việt, tiếng chuông cứ ngân nga và âm thầm đi vào lòng mọi người rất thanh đạm và cũng rất tinh khiết, để mọi người luôn yêu thương và hướng thiện?

Cũng chẳng biết khi nào mà tiếng chuông chùa lại đi vào thơ ca, âm nhạc nhiều đến thế. Từ cổ đã có "Tiếng chuông vang ngân thung lũng" của Vương Duy đời Đường rồi "Tiếng chuông chùa Hàn San" trong "Phong Kiều dạ bạc" của Trương Kế. Ở ta tiếng chuông chùa của vua Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Quách Tấn, v.v... Mỗi người mỗi vẻ nhưng vẫn ung dung thoát tục, hướng con người đến cõi vi diệu của vang vọng tiếng chuông. Trong âm nhạc, Nguyễn Văn Thương cảm nhận *"Đâu đây buông lững lờ tiếng chuông,"* Hoàng Trọng thì *"Mơ màng nghe tiếng chuông chiều,"* Còn Doãn Mẫn với *"Chuông chùa vương tiếng ngân..."*, Nguyễn Hiền thì *"Trong xóm vang chuông chùa"* (thơ Kim Tuấn)... đủ biết âm vọng của tiếng chuông chùa đã gắn bó với tim óc của các thi sĩ và nhạc sĩ đến thế nào.

Nhiều năm sống ở phố, cách một kiểng chùa cũng không bao xa, ngày rằm mồng một cũng đến viếng, ngắm nhìn và rờ rẫm cái "Đại hồng chung," nơi phát ra những tiếng chuông vang vọng đến tận hồn người, nhưng có vẻ như tiếng chuông đã bị hòa lẫn tan biến trong cảnh người xe ìn ìn xuôi ngược suốt ngày đêm, khuất lấp bởi tiếng ồn ã, náo động của cõi dương trần có quá nhiều hệ lụy của cuộc sống nhanh, sống gấp, tranh thủ từng giây, từng phút. Do vậy, tiếng chuông công phu, tiếng chuông thu không rất khó khăn để nghe thấy. Để ý nhìn kỹ, đại hồng chung được dán tầng tầng lớp lớp những mảnh giấy nhỏ bằng bàn tay, trên có ghi tên họ hoặc ngày tháng năm sinh của thập nam tín nữ, Phật tử đến viếng chùa muốn nêu lên những khấn nguyện, ước muốn của cá nhân, gia đình hay người thân và dán lên chuông, mong nhờ tiếng chuông tấu trình lên đấng từ bi cầu mong sự bình yên, hạnh phúc, sức khỏe, phát tài, may mắn... những sắc sắc, không không, vô vi đã trầm vào sự hữu hạn của giấy, của cầu xin, khấn vái. Tiếng chuông nghe có khi trầm trầm, nặng trìu trĩu những vụn vặt của nhân sinh, bức bối và chật chội...

Lại có đêm trong tĩnh mịch của không gian, nghe rõ những hạt sương rơi trên phiến lá của cây ngọc lan trước ngõ, bất chợt mùi hương thơm dịu tỏa ra trong mênh mông ngõ phố. Tiếng chuông chùa bổng nổi lên, ngân nga, hơi trầm đục, nhưng vang vọng thanh thoát. Biết ở cõi âm, có linh hồn nào ngóng vọng. Tôi đứng lên, mở cửa sổ căn phòng. Lòng không chút gợn, nghe tiếng chuông chùa rót vào mơ hồ như tiếng sương, lan tỏa và lành lạnh...

TA VỀ

禪

Ta về làm kẻ trầm tư
Tâm như hóa hiện không như mịt mờ
Ta đi làm trọn bài thơ
Cuộc đời còn mãi giấc mơ vô thường
Ta về đem hết can trường
Ôm theo bát nhã dặm đường cuộc chơi

Ta đi tâm trí tuyệt vời
Ta về nắng đã rạng ngời phương Đông
Ta đi vui hát chữ không
Ta về mộng đã chất chồng thiên thu
Ta đi xóa sạch chữ ngu
Ta về ôm cả thiên thu vào lòng.

thơ PHƯỢNG HỒNG

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Quét

HOÀNG CÔNG DANH

Sân chùa. Một cái chổi tre bện. Mười tuổi, Duyên chiều nào cũng sang ngôi chùa làng cạnh nhà cầm chổi quét sân. Đấy là khoảng thời gian cha đi làm về, mẹ kế đang nấu ăn. Duyên không chịu nổi cảnh trong nhà này có mặt cùng lúc cả cha, cả dì Hoa và em Ngọc. Duyên bỏ sang chùa, nắm cái chổi quét hết từ trên đài Quán Âm xuống, từ bậc tam cấp ra tới tận cổng.

Chùa làng luôn có sẵn một cây chổi tre đặt ở góc thềm hiên, ai ghé chùa cũng có thể quét. Lần Duyên qua nhà hàng xóm chơi, nghe kể hồi còn sống mẹ là người quét chùa siêng năng nhất, cứ như coi sóc vườn chùa. Lúc ấy Duyên mới lên bốn, đã theo mẹ sang chùa, nhặt lá nhặt hoa đem vãi lung tung khắp nơi, quét hết sân mẹ lại phải đi nhặt. Chuyện đó là nghe người ta kể, chứ ký ức bốn tuổi của Duyên không còn gì, ngay cả ký ức về mẹ cô bé cũng không nhớ được.

Cha không bao giờ kể về mẹ. Dì Hoa tất nhiên không biết gì về mẹ để kể cho Duyên nghe, tận hai năm sau ngày mẹ mất dì mới về chung nhà với cha con Duyên. Mẹ, như hàng xóm mô tả là người không quá đẹp nhưng dễ coi, tánh tình hiền lành chịu khó, siêng năng chăm chỉ. Thì ngay cái việc làm công quả hàng ngày ở ngôi chùa làng là đủ biết tính cần mẫn của mẹ.

Một người đàn bà dịu dàng chu đáo như thế mà lại chết quá ẩn ức, chỉ bằng một chai thuốc trừ sâu. Công an và pháp y về điều tra tìm hiểu, không có lý do nào khả nghi ngoài hai chữ tự tử. Cuộc phanh phui thân người không có mặt Duyên. Đứa trẻ lên bốn được người ta dỗ đưa đi mua kẹo. Khi trở về thì mẹ đã nằm trong hộp gỗ. Kể cả những chuyện đó Duyên cũng không nhớ nốt.

Hình ảnh mẹ trong Duyên được bồi đắp chỉ qua những lời kể của hàng xóm. Chưa bao giờ người ta kể một tật xấu nào của mẹ. Có thể người chết thường được bỏ qua lỗi lầm, hoặc người ta muốn mẹ trong tâm trí của đứa trẻ con phải luôn luôn đẹp. Vô tình, cái sự hoàn mỹ ấy lại càng làm cho Duyên tỏ ra khó chịu với cha. Mẹ sống hòa nhã với hàng xóm như thế mà uống thuốc thì chắc do cha.

Cha lầm lì, ít nói, không bao giờ đánh hay mắng Duyên. Cha cũng ít khi trò chuyện hoặc chở Duyên đi chơi.

Áo quần, đồ chơi của Duyên do dì Hoa mua. Lúc dì chưa sanh em Ngọc, Duyên quấn lấy dì như mẹ. Đi đâu dì cũng cho Duyên theo cùng. Nửa đêm trở giấc Duyên quờ tay sang ôm chỉ gặp được tấm lưng của dì. Đấy là những ngày dì mang thai, phải nằm nghiêng quay mặt ra ngoài để bảo vệ đứa bé trong bụng. Tấm lưng quay về phía Duyên, như một tín hiệu của sự bỏ rơi.

Và sự bỏ rơi càng rõ rệt hơn khi dì sinh em Ngọc. Duyên không được ngủ cùng dì, phải tách ra nằm ở giường khác cùng cha. Cha ngủ như một cái tượng, yên ắng lạ lùng, không vòng tay qua vỗ lưng Duyên nửa đêm. Sáng ra, khi Duyên mở mắt, cha đang lúi húi vò giặt đống tã lót. Dây phơi sặc màu vải ca rô xanh đỏ, cha đi phăng từng cái tã, sờ vuốt thử xem khô chưa.

Hàng xóm nói đúng là có con trai, cha như kẻ ở đợ. Họ nhắc chuyện hồi xưa Duyên đỏ hỏn đâu có được cha chăm mức ấy. Mẹ Duyên tự tay làm hết, từ việc giặt giũ cho đến nấu nướng. Mỗi khi nhắc chuyện mẹ, lại thấy hình ảnh người cha đối lập với cha Duyên bây giờ.

Duyên cũng thích em Ngọc. Có lần Duyên nằm trên giường đưa miệng qua định thơm má em thì cha chạy vào kéo giật Duyên ra. Cha bảo em Ngọc còn nhỏ, không được thơm má vì hơi người lạ khiến em chậm lớn. Cha xem Duyên là người lạ, nên từ đó Duyên không dám tới giường nơi dì Hoa và em Ngọc nằm.

Cái chổi bên sân chùa thành bạn của Duyên. Có khi chổi như một vật để Duyên trút hết nỗi buồn vào. Ấy là lúc cha vào phòng ngủ với dì Hoa và chốt cửa trong, Duyên lại sang chùa cầm chổi quét thật mạnh. Vài

TRỞ VỀ MỤC LỤC

cọng chổi gãy giòn bung ra trên sân. Tiếng chổi kêu to, khả năng bên nhà cha Duyên nghe thấy.

Cha ném cái chổi ra ao sen trước chùa. Lúc ném cố ý cho Duyên nhìn thấy. Ném như một sự thách thức, như đánh tiếng từ nay đừng có tỏ vẻ.

Lội ra ao sen mò cái chổi lên, nước ao ngập ngang ngực Duyên. Nước đẫm bó cái quần vải thành những đường cong, núi đồi thảo nguyên ngoi lên từ mặt nước. Dì Hoa nhận ra một vệt màu trên quần Duyên. Dì dặn Duyên từ nay những ngày như vậy đừng đi lại nhiều và đừng sang chùa.

Mười lăm tuổi, Duyên càng bướng bỉnh hơn, siêng quét chùa hơn quét nhà. Cha bảo Duyên là đứa mải lo chuyện thiên hạ, việc nhà thì bỏ bê.

Ngó cảnh cha chở Ngọc đi chơi, rồi hái lá nấu nước xông những khi dì Hoa nhức đầu, Duyên lại nghĩ chắc hồi đó mẹ không được phục vụ chu đáo đến thế. Nếu không, mắc gì mẹ phải kết thúc cuộc đời đầy u uẩn.

Đúng là một đời vợ, trai chỉn chu ra. Làng xóm bảo thế. Nghe kể xưa cha khó tính, gia trưởng, mấy việc của đàn bà như giặt giũ nấu nướng đừng hòng cha chịu làm. Thế mà giờ có dì Hoa, có đứa con trai thì việc gì cha cũng lăn vào.

Duyên nhớ hồi nhỏ cũng từng quấn lấy cha. Mất mẹ, cha thương con gấp đôi. Mất mẹ, con cũng chỉ biết có cha để thủ thỉ, nũng nịu. Càng lớn, Duyên càng thấy có khoảng cách với cha. Nhất là khi có dì Hoa và em Ngọc thì dường như sợi dây giữa cha và Duyên chùng xuống, bỏ mặc. Thỉnh thoảng cha, đúng kiểu người lớn cưng chiều con trẻ, cũng đã nắm sợi dây ấy kéo căng lên cho gần gũi. Nhưng Duyên thì cảm thấy nó gượng ép, thiếu tự nhiên. Cả hai cùng buông. Bất lực cha bảo "kệ mày."

Duyên cứng cáp hơn người ta tưởng, không thấy khóc hay buồn rầu. Người làng bảo như thế cũng là may, mất mẹ ở với dì ghẻ phải mạnh mẽ mới đỡ tủi thân. Nhưng cũng lo lo, cái đứa không nhạy cảm ấy lớn lên rất dễ ba trợn ba trạo, bất cần đời.

Mùa xuân, Duyên phổng lên ra dáng thiếu nữ. Cái sự phán đoán của người đời xem ra gần đúng. Duyên thôi quét chùa, bỏ chổi bỏ nhà bỏ làng đi đâu không báo cho ai cả.

Cha trình công an, có đăng thông báo trên đài. Thâm tâm cha nghĩ cái đứa con gái vẫn đang sống và rất tự do, thậm chí ngang tàng đâu đó. Dưới cõi đời này sẽ có chỗ cho nó. Nên cha không lo nhiều, trình báo cho hết trách nhiệm vậy thôi, chẳng hy vọng nó trở về.

Những ngày vắng tin tức Duyên, cha thường ngồi đốt thuốc hết điếu này tới điếu khác. Dì Hoa bảo sao hồi đó anh không nói với con bé vài câu cho nó rõ, yêu thương chi mà toàn thấy căng thẳng với nhau.

Bảy năm sau ngày ra đi, khi những mong chờ của xóm làng, cả của cha đã nguội ngớt, Duyên mới về. Cha không biết nên vui hay nên buồn, kể cả cách xưng hô thế nào cũng khó.

Duyên mặc áo lam dài, choàng vải lam trùm đầu cạo trọc. Một ngôi chùa xa xôi đã là nơi cư ngụ mấy năm nay của Duyên.

Ở chơi được nửa ngày, Duyên dặn chỉ ăn một bữa trưa với gia đình, rau ráng muối mè có gì ăn nấy. Chay mà, không cầu kỳ. Bảy năm gặp lại, chuyện trò tưởng rôm rả hóa ra thật ít ỏi. Biết nói gì đây khi sự gặp lại quá bất ngờ, và không thể ngờ được người con gái đã ở cảnh giới khác. Nói nhiều là dở, là dính phàm tục. Tính cha thì bỗ bã thợ hồ, chữ nghĩa không được trau chuốt.

Sau bữa trưa, cha đã phải ngồi uống hết phích nước chè để chọn lấy vài câu, đắn đo ý tứ nói với con gái. Chẳng lẽ nói mẹ tự tử thật chứ cha không ép. Chẳng lẽ đem chuyện tờ giấy mẹ viết ra cho Duyên xem. Tờ giấy viết rằng mẹ bệnh nặng lắm không muốn chờ nằm liệt giường cho cha hầu hạ. Tờ giấy đó hết bốn chín ngày mẹ mất cha mới tìm ra. Cha buồn đốt thuốc tiện thể đốt luôn, vì xới lại cái lý do đó chẳng cứu được người ở dưới ba thước đất, không khéo người ta lại tưởng cha tự bịa ra nó.

Bây giờ Duyên về đây cha không tiếc tờ giấy. Cha chỉ tiếc không biết cách thể hiện tình thương đối với con. Chẳng lẽ nói cha thương con lắm Duyên ơi. Khách sáo quá. Tình thương đôi khi là một thứ khó biểu đạt.

Cuối cùng cha phải nói ra một cái chuyện cũ quá rồi, rằng Duyên được cha mẹ nhận về nuôi từ khi đỏ hỏn. Chuyện này đâu có liên quan gì đến cái chết của mẹ. Cha không hy vọng nói ra điều đó thì gỡ gạc được chút gì, nhưng có thể đứa con gái sẽ ít đau khổ hơn vì người mẹ đã mất thực chất chẳng phải mẹ đẻ của Duyên. Cha cũng không phải cha đẻ của Duyên, nên nếu con đã chọn con đường hành đạo thì cứ thong dong mà đi.

Nghe cha nói xong, Duyên bình thản.

Duyên vào lại chùa xa. Còn cha sang chùa làng cầm chổi quét sân. Cha quét từ chiều đó cho tới khi nhắm mắt, suốt hai chục năm, sân chùa chỉ có lá mà thôi.

Hoàng Công Danh

TRỞ VỀ MỤC LỤC

GIÓ

Gió thoảng
Nhẹ hơn cơn gió thoảng chiều
Tình yêu đất, dốc hiểm nghèo, ai qua
Hót nghe như tiếng sơn ca
Bên đập đồng cháy mái nhà rưng rưng.

Gió vờn
Bình minh mưa mát đất cằn
Hạt khô bung nẩy chồi vàng đón vui
Gió vờn giỡn cợt lả lơi
Nắng lên đất nín, chồi ngồi hoang mang.

Gió tàn
Tàn cơn gió lộng một đời
Chết như đã sống, sống trôi chết mòn
Một ngày buông xả thiệt hơn
Hai bờ sinh tử chỉ còn trống trơ.

Gió thổi
Nắng hanh gió thổi mật thề
Hạt gieo bung nẩy Bồ Đề trong Tâm
Đường dài giữ nhịp lâm râm
Tươi khô trụ diệt ngoài sân lá đầy.

Gió mát
Tình tơ theo vết chim trời
Chuồn chuồn đạp nước nhớ người thoáng ngang
Đọng tình trên đỉnh phù vân
Một cơn gió lẻ mát tràn tuổi thơ.

Gió đẩy
Hương thầm thoang thoảng ngoài sân
Giỡn chơi con chữ dòng văn lạc bầy
Tình lưu ý gửi nơi này
Một cơn gió đẩy chữ Thầy tung tăng.

Gió lộng
Về đây, tôi đã quay về
Ngàn sau ngàn trước lặng nghe tâm cười
Buông rời tìm phút thảnh thơi
Mặc đời gió lộng, mặc người trá gian.

Gió đông
Một ngày chờ đợi gió đông
Mà trời đứng gió, gió lồng đâu đâu
Đang cơn ngáp gió ưu sầu
Chợt nghe tình đến chiếc cầu đòng đưa!

Gió hiu hiu
Hiu hiu ngàn gió hương đưa
Sớm mai hốt nắng, ban trưa nhốt hòm
Chiều chơi với bóng lom khom
Đêm về bẻ khóa hương nồng nàn hương.

Gió heo may
Heo may gió mới thổi về
Già ơi, mời bạn cà phê đầu ngày
Gió về tóc bạc bay bay
Cười lên cho biết tôi đây lạ lùng!

Gió đưa
Gió đưa câu hát ru chiều
Cơn giông thầm lặng khẽ khều gọi tên
Dòng trôi vui xuống buồn lên
Phẳng phiu nghiệp chướng, gập ghềnh duyên may.

Gió động
Hành trình về phía phương Đông
Vén vô minh, đón gió lồng lộng Tâm
Ba đào bỗng chốc lặng câm
Sáng choang một nẻo tung tăng Ta Bà!

Gió hú
Hồn hoang hú giữa đêm trường
Gió hoang hú lật đất sườn đồi hoang
Cây già rụng lá ngã ngang
Một đêm gió hát huy hoàng con tim.

Gió đến rồi đi
Không mời mà đến rồi đi
Như cơn gió thoảng, như mây giang hồ
Đũa đôi vồn vã, hững hờ
Rượu khan cơm sống đợi chờ chín duyên.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Lỗi không phải tại thầy thuốc

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

Xưa có một chàng thanh niên đau nặng, đã hết phương cứu chữa mà bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Các thầy thuốc danh tiếng trong vùng đều bó tay, nên chàng ta thất vọng đau khổ lắm.

Nhưng may thay, một hôm có một vị lương y tìm đến thăm bệnh cho chàng rồi nói: "Bệnh anh trầm trọng lắm rồi, chỉ còn một phương thuốc cứu chữa mà thôi, thuốc ấy tuy khó tìm, nhưng cố gắng sẽ tìm được. Thứ thuốc ấy là thứ thịt chim trĩ, anh phải tìm mua cho được mà ăn, thì bệnh sẽ lành. Anh cứ y theo lời tôi thì một thời gian sẽ thấy hiệu quả ngay. Bây giờ tôi phải đi nơi xa để cứu chữa cho những người khác."

Chàng ta nghe qua lấy làm mừng rỡ, liền mượn một người hàng xóm đi mua hộ chim trĩ. Người hàng xóm thấy tình cảnh của chàng và lấy làm thương hại nên cố gắng đi tìm mua giùm. Đi tìm mãi mua được một con về cho chàng. Sau khi ăn xong thấy bệnh tình thuyên giảm nhiều, chàng rất sung sướng và tán tụng vị lương không ngớt. Nhưng tiếc thay, anh chỉ ăn một con rồi không ăn nữa, nên bất ngờ bệnh tình trở lại như cũ. Chàng lại than phiền thuốc không hay thầy không giỏi.

Thời gian sau, vị lương y trở lại hỏi:

- Bệnh bớt chưa?

Chàng đáp:

- Dạ thưa không bớt gì cả. Trước kia Ngài bảo tôi mua chim trĩ ăn thì hết bệnh sẽ lành, tôi y theo lời mượn người mua được một con đem về ăn. Khi ăn xong thì bệnh có giảm một đôi phần, nhưng trải qua vài ngày thì bệnh trở lại như cũ.

Vị lương y nói:

- Sở dĩ bệnh của anh không lành là không phải lỗi vì tôi, cũng không phải tại thuốc không hay, mà lỗi tại anh. Vì bệnh của anh là trọng bệnh cần phải ăn nhiều chim trĩ mới có thể lành, chứ mới ăn một con mà mong lành bệnh sao được.

Nghe ra chàng ta tự giận và trách mình quá dại khờ nông nổi…

Câu chuyện này Đức Phật ví dụ cho chúng sanh bị khổ trầm luân sanh tử nhiều đời nhiều kiếp, Đức Phật ra đời chỉ cho phương pháp thoát khổ nhưng chúng sanh biếng nhác không chịu y theo giáo pháp tiếp tục tinh tấn tu hành, nên vẫn bị sanh tử luân hồi mãi không giải thoát, trở lại trách Phật không độ, Phật pháp không nhiệm mầu…

Thiên Chơn

"Ta như thầy thuốc hay biết bệnh cho thuốc, uống hay không uống không phải tại thầy, ta như vị chỉ đường dạy con đường phải, nghe mà không đi, lỗi không phải tại người chỉ đường."

Vườn Cải Hoa Vàng

DIỆU NGA

Trong ký ức tuổi thơ khô cằn của Ngọc Châu, chỉ có một bóng mát duy nhất, tuy nhỏ nhoi nhưng quí báu vô cùng. Đó là hình ảnh bà ngoại lui cui tưới đám cải ngọt hay chăm sóc dây bí xanh mướt đầy hoa vàng leo trên dàn tre cạnh hàng rào cây bằng gỗ tạp.

Căn nhà mái tôn ở ven biên Sài Gòn, vào mùa hè, nóng nung như lò than, là nơi Ngọc Châu chào đời – Và sống qua suốt thời gian mười mấy năm – không khắc ghi được một kỷ niệm nào êm đẹp trong lòng nàng.

Nếu không có bà ngoại là nơi nương tựa tinh thần chắc Ngọc Châu đã hóa điên với người cha lúc nào cũng say sưa nhậu nhẹt và nổi nóng thường xuyên vì sự túng hụt của gia đình.

Mẹ nàng tảo tần ngoài chợ để vừa nuôi con vừa nuôi chồng, thêm bà mẹ đã ngoài sáu mươi. Có lẽ vì gánh nặng của cả nhà đè nặng trên vai mẹ nên trông mẹ già sụm dù chỉ mới bốn mươi.

Sáng ra chợ sáng, chiều ra chợ chiều, mẹ tất tả ngược xuôi như người đàn ông tháo vát, về đến nhà thì mệt nhoài. Để trút cái lo, cái mệt, bà chỉ biết càu nhàu, trách móc chuyện nọ, chuyện kia: "Tụi bây để nhà dơ quá; sao áo quần phơi để khô cháy mới đem vô; thằng Hai lại trốn học, trường gởi giấy về đây nè, sao ổng không chịu để mắt tới giùm; còn thằng quỷ nhỏ đâu rồi…"

Bà tuôn ra một loạt những lời nghe chẳng chút êm tai. Nếu cả nhà im lặng chịu trận thì yên nhưng nếu hôm nào thiếu rượu, ba Châu sừng sộ lại thì thế nào cũng có trận ẩu đả giữa hai người.

Căn nhà không tiếng cười. Nơi đó ba mẹ gấu ó đánh nhau, anh Hai thì lêu lổng; còn hai đứa em thì đánh lộn hoài, nếu không đánh nhau vì giành miếng bánh trong nhà thì ra đường cũng đập lộn với hàng xóm.

Châu chỉ cảm thấy dễ chịu khi vào trường học nhưng dù vậy, mặc cảm thua sút vẫn làm cô bé rụt rè, thu mình trong vỏ ốc nín câm.

Bà ngoại thì tìm an ủi trong mấy luống cải mà tự tay bà đã lên giống. Dù mắt đã bắt đầu kéo mây chỉ thấy lờ mờ, bà vẫn đủ sức cuốc đất. Như người làm rẫy chuyên nghiệp, bà biến khoảnh đất chai cứng nứt nẻ ở sau nhà thành nơi trồng trọt. Chính bà đi lượm cứt bò, cứt ngựa ở xóm trên về ủ làm phân rồi chặt rơm trộn chung vào. Đó là thức ăn mầu mỡ cho đất. Và đất vì nặng ơn săn sóc, đã cho bà những lướng cải xanh tươi. Bà lên liếp trồng được bốn luống cải, chừa một luống làm giống thì số còn lại đủ ăn cho cả nhà. Chính những cây cải chừa làm giống đã trổ hoa vàng làm cho mảnh vườn có vẻ tươi mát. Những đốm hoa vàng tí xíu nổi bật trên những lá cải xanh già, đong đưa theo những cơn gió hiếm hoi của mùa hạ làm mát rượi tâm hồn cô bé đang tuổi dậy thì. Thỉnh thoảng vài chú bướm vàng nhởn nhơ đùa cùng hoa cải, giúp cô bé được vài phút mộng mơ.

Ngọc Châu không dám trách cha cũng không nỡ phiền mẹ. Đầu óc đơn giản hiền hòa khiến Châu chỉ biết an phận. Nhưng đôi khi nàng cũng thầm mong cha tìm được việc làm để không có thì giờ nhậu nhẹt và mẹ cô, ước gì bà gọi tên những đứa

TRỞ VỀ MỤC LỤC

con trong nhà một cách dịu dàng thay vì gọi Châu là "con ma lờ đờ", anh Hai là "thằng trời đánh", em kế cô - thằng Chiến – là "quỉ lớn" và em út - Thắng – là "quỉ nhỏ".

Chẳng biết có phải vì ngày nào mẹ cũng kêu réo quỉ ma như vậy nên cảnh nhà lục đục hoài, không lúc nào được êm ả thuận hòa dù họ chỉ gặp nhau trong bữa ăn chính. Mỗi người có một chỗ để tìm sự yên thân.

Ngoài giờ học ở trường, anh Hai la cà nơi nhà bè bạn, Chiến và Thắng thì đánh đáo, tạt lon, đánh banh ở khu nghĩa địa; bà ngoại lui cui miết ở sân sau; riêng Ngọc Châu, với chiếc xe đạp cũ kỹ, thường tới Chùa Giác Viên ngồi dưới mái hiên mát rượi để học bài và làm bài.

Đôi khi cô bé tựa đầu vào tường vách rêu phong, tận hưởng sự im vắng mát mẻ và ngủ quên. Mãi đến khi tiếng chuông công phu chiều thong thả tan trong gió, dịu dàng đánh thức cô dậy, cô bẽn lẽn dụi mắt lên xe trở về.

Chiều nay Châu về nhà hơi trễ; chưa bắc nồi cơm, chưa làm cá lặt rau sẵn cho ngoại nấu ăn. Cô bé gò lưng nhấn mạnh bàn đạp. Xe lại sút dây sên. Xui thật! Loay hoay mãi. Tới đầu hẻm, trời đã nhá nhem tối.

Trái với lệ thường, hôm nay mọi người tụ tập xôn xao, có vẻ nghiêm trọng, chợt có người nhận ra Châu, họ la lớn:

- Châu ơi, em mầy bị xe đụng chết rồi! Cô bé quăng đại chiếc xe và tập vở, ùa chạy vào nhà.

Căn nhà trống trơn, chỉ còn bà ngoại ngồi ôm đầu cúi mặt, cái khăn rằn đỏ vắt lệch trên vai run run theo tiếng nấc. Bà ngẩng mặt lên, đôi mắt kéo mây đục lờ giờ đỏ au, sưng húp. Mặt bà co rúm lại, các nếp nhăn hằn sâu như trái táo tàu phơi khô.

Bà nắm tay Châu, mếu máo:

- Xe hơi cán nó bể đầu…

chở vô nhà thương Chợ Rẫy, cứu không được con ơi! Nó mê trái banh chạy ra đường bất tử, xe nào thắng kịp. Tội quá!

Cái chết thình lình của Thắng càng làm cho gia đình Châu thêm khó thở. Ba của Châu có cớ đi uống rượu nhiều hơn để "giải sầu". Uống ghi sổ. Cuối tháng chủ quán đòi tiền mẹ, thế là ông bà có dịp gây gổ đập lộn định kỳ.

Anh Hai bỏ học đăng lính thủy, lại bắt đầu uống rượu y như ba. Thắng Chiến cũng bỏ học luôn, đi bán cà ren để tự kiếm sống.

Mẹ Châu giờ như bà điên. Bà ăn nói lộn xộn không đầu không đuôi, lấp ba lấp bấp, mở miệng là sẵn sàng để chửi rủa. Bà mắng Châu luôn miệng đã đành, là còn đổ tội cho bà ngoại: "Cháu hư tại bà. Bà không coi chừng, coi đổi, để nó đi chơi lu bù xe cán nó. Thử cột chân thằng quỉ nhỏ ở nhà, xe nào vô đây cán được!"

Ngoại lặng câm như hến. Nhiều lần Châu thấy ngoại ngồi khóc sau hè, cạnh mấy luống cải giờ đã còi cọc. Hình như cây cỏ sầu úa cùng với nỗi đau của ngoại. Ngoại khóc vì bị buộc tội oan? Vì thương thằng cháu út của bà? Thương bà quá, Châu bỗng nảy sinh ra ý định chở bà đi chùa mỗi khi Châu đến đấy học bài. Ít ra phải cho bà một nơi mát mẻ dễ chịu như hiên chùa để tránh cái oi nồng của căn nhà lợp tôn.

Thấy bà ngần ngại, Châu thuyết phục:

- Bà ốm nhom nhẹ hều mà, chở ngoại như chở cái cặp táp của con vậy, không sao đâu ngoại à!

Và quả nhiên, cảnh tĩnh mịch của ngôi chùa cổ nằm giữa những cây cổ thụ tỏa bóng mát quanh năm, có tiếng chim ríu rít trên cành quả là cảnh giới lý tưởng, là thiên đàng hạ giới cho bà lão. "Mát quá!" Bà đi tới đi lui hít thở không khí dễ chịu ở chung quanh tưởng chừng như chưa bao giờ được hạnh phúc như vậy.

Sau khi đi lòng vòng quanh chùa chiêm ngưỡng mấy cái tháp đen xám bám đầy rêu xanh, bà quan sát những vùng đất còn trống liệu xem có thể trồng trọt gì được không? Rồi bà lần la vào bếp mượn cây chổi quét sân.

Mỗi ngày tình nguyện quét sân chùa, dần dần bà trở thành quen thuộc với mọi người. Từ sư cụ hiền hòa có đôi mày bạc trắng như tiên ông đến các vị sư trẻ và chú tiểu Minh.

Tiểu Minh chỉ có ba vá tóc trên đầu, là cậu bé lí lắc và thích chuyện trò. Trước đây hay mon men làm quen với Ngọc Châu nhưng cô nàng chỉ ậm ừ cho qua chuyện khiến chú cụt hứng tìm qua nhóm học trò khác dễ bắt chuyện hơn.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Từ ngày có bà cụ đến quét sân, chú như được gặp một người bạn sẵn sàng nghe chú nói, hơn nữa, chú còn có dịp xổ ra những câu đạo lý – mà chú từng nghe lóm được khi hầu quạt sư cụ - Khiến bà lão phục chú sát đất.

Có lần chú thắc mắc hỏi bà:

- Sao bà không ở nhà nghỉ cho khỏe? Vô chùa quét sân mệt thấy mồ!

Bà ngưng tay quẹt mồ hôi trán, nhìn cái sân dài và rộng phủ đầy lá trước mặt:

- Làm công quả vừa vui vừa được phước chú à.

Như chú đó, chắc kiếp trước đã tu rồi nên kiếp này còn nhỏ mà được nương cảnh Phật. Còn tôi vụng tu, đời tôi khổ quá!

Tiểu Minh buông ra một câu mà chú đã nằm lòng.

- Đời là bể khổ mà!

Rồi chú tỉnh thật tâm sự:

- Ở chùa cũng khổ, tại bà không biết đó! Kỷ luật gắt lắm. Lớp đi học chữ ở trường, lớp học kinh, học chữ nho trong chùa, không thuộc phải quì hương. Tôi không được đánh đáo, bắn bi, đá dế, buồn lắm!

Bà lão mến sự trong sáng chân thật của Minh, hơn nữa chú cũng trạc tuổi Thắng. Bà muốn giải thích cho tiểu Minh biết là chú đang hưởng phước:

- Ờ, thì chịu buồn chút xíu thôi mà khỏi khổ. Chớ như tôi suốt đời gánh gồng buôn bán, tuổi già tuy đỡ nhọc nhằn nhưng mà khổ tâm lắm!

Minh tròn xoe đôi mắt sáng:

- Sao vậy?

Bà ngoại cười buồn:

- Chú còn nhỏ, lại ở lại trong chùa, đâu hiểu chuyện đời! Tôi ước gì được sống luôn trong chùa để tai khỏi nghe những lời thô lỗ cộc cằn, mắt khỏi phải nhìn những cảnh éo le bực bội, như vậy đủ hạnh phúc rồi.

Tiểu Minh chợt nhớ sư cụ mới giảng giáo lý tuần rồi, nói về cảnh giới Cực Lạc, chú lập lại một cách trơn tru những gì mà chú còn nhớ vì thấy hay hay:

- Bà biết không, sư ông dạy rằng cách đây xa lắm, về phương Tây có thế giới tên là Cực Lạc. Nhân dân trong nước đó không biết đau khổ là gì. Khí hậu mát mẻ dễ chịu, thức ăn uống, đồ dùng muốn gì có nấy, tuổi thọ thì vô lượng, nhà cửa, đường xá thì làm bằng bảy báu, đẹp ghê lắm. Ai được sanh về Cực Lạc rồi thì khỏi trở lại trần gian nầy, không còn chịu cảnh sanh già bịnh chết nữa. Họ tu riết rồi thành Phật luôn.

Bà lão há mồm lắng nghe. Đây là một hình ảnh kỳ diệu, một đất nước lý tưởng, theo bà, nó chỉ có trong sự ao ước, trong tâm tưởng của những người đang khổ thôi. Nhưng sư cụ đã nói như vậy, lẽ nào không có thật sao?

Ngoại thắc mắc muốn hiểu thêm nhưng tiểu Minh dường như không biết gì hơn, chỉ nhăn răng sún ra cười khi bà hỏi dồn: "Làm sao về đó được?" Rồi chú nhún nhẩy bước chân chim, tấp vào nhóm học sinh gần đó.

***

Chỉ sau mấy tháng được ở luôn trong chùa để làm công quả, bà Tư đã trồng được những luống cải bẹ trắng, cải ngọt, cải làm dưa, xanh mướt mượt. Cải ngọt đang đúng lứa, mơn mởn xấp hàng trên những luống đất xốp có phủ rơm, chờ nhổ.

Trưa chủ nhật, Ngọc Châu lăng xăng phụ bà ngoại cắt bỏ rễ cải cho chùa. Những cây cải bụ bẫm, khỏe và tươi chong khiến nàng mơ tưởng đến một bữa ăn gia đình đông đủ vui vẻ có tô canh nóng hổi do chính tay ngoại nấu và nồi cơm gạo mới thơm lừng cộng thêm món trứng chiên tôm khô, củ hành hay vài con cá chiên tỏi.

Từ ngày ngoại vô chùa ở, cảnh nhà vốn đã đìu hiu giờ càng thêm quạnh quẽ. Mẹ không còn hơi sức đâu để gây gỗ đánh lộn với ba. Không có ai để kiếm chuyện, ổng hay la cà ngoài đường xá, trong các quán cóc để giết thì giờ dư thừa đã trở thành nhàm chán.

Nhanh tay cắt gốc xếp cải lại, cột thành từng bó, bà Tư nói giọng vui tươi:

- Sư cụ biểu ngoại chừng nào nhổ cải thì đem về một mớ. Sẵn có con đây, con chở ngoại về nhà nghe. Tính ra ngoại ở chùa cũng nữa năm rồi, mau quá!

Ngọc Châu dừng tay nhổ cải, đứng lên nhìn ngoại, cười lộ hàm răng trắng phau. Cô sung sướng thấy ngoại khỏe mạnh, hạnh phúc với nụ cười luôn nở trên môi. Ngoại cũng muốn truyền hạnh phúc ấy cho cô bằng cách khuyên cô nhiếp tâm niệm Phật A-Di-Đà, đừng nghĩ ngợi vẩn vơ.

Nhưng cô bé chẳng làm được như bà. Tâm cô hãy còn rong duổi xa gần, đây đó nên cô chưa nếm được vị an lạc mà ngoại đang hưởng.

Khi Châu chở ngoại về tới nhà, hai bà cháu lui cui ôm mấy bó cải vào. Căn nhà còn nóng hanh. Ba Châu ở trần, nằm quạt phành phạch trên chiếc ghế xếp dài đặt sau cánh cửa đang mở.

Thấy bà già vợ bước vô nhà, chàng rể ngồi bật dậy, mặt mày còn đỏ gay và mùi rượu nồng trộn lẫn trong giọng nói nhừa nhựa:

- Sao bữa nay về nhà vậy? Chán cảnh chùa rồi hả?

Nghe giọng nói "móc lò" của ba, Châu cau mặt. Sợ ngoại buồn, cô đỡ lời:

- Ngoại về chơi, đem cải cho ba má. Mai trở lại chùa.

Bà Tư lợm giọng vì mùi rượu lại vừa tức thằng rể vô công rồi nghề thường mượn hơn men để nói năng vô phép với bà. Nghĩ thương

con gái vô phước bạc phần, lấy chồng như rước nợ vào thân, trả cả đời không hết.

Ngày xưa, không biết bao nhiêu giọt nước mắt của bà đã âm thầm rơi trên đám cải sau nhà, giờ đây nước mắt cũng từ từ ứa ra. Bà tự trấn an, im lặng ôm mớ cải đi thẳng vô bếp.

Trong trạng thái ưu phiền ấy, đột nhiên giòng suối từ kết bằng vô số chuỗi niệm Phật tuôn chảy trong tâm bà. Bà lão nhớ lại mình đã phát nguyện vãng sanh Cực Lạc, bà không muốn để những hệ lụy của thế gian quấy rầy mình nữa. Bà hít vào một hơi dài và thầm niệm Phật theo hơi thở ra vào. Dần dần, tâm bà trở nên an ổn.

Từ ngày được sư cụ giảng rõ về thế giới Cực Lạc cùng đại nguyện của đức Phật A-Di-Đà và dạy cho pháp niệm Phật cầu vãng sanh, bà Tư sung sướng vô vàn. Bà không còn thiết gì chuyện đời, ngày đêm chuyên chú niệm Phật không xao lãng. Lạ thay, dù chưa xả bỏ xác thân phàm tục để vãng sanh Cực Lạc, bà đã cảm thấy an lạc rồi.

Một hôm, trong lúc bà Tư cặm cụi xách nước tưới cải, sư cụ bước ra sân. Nhìn vẻ mặt rạng rỡ của người đệ tử muộn màng qui y nhưng quyết tâm giải thoát, sư cụ hài lòng. Sư cụ dạy bà Tư ngưng tay làm việc để nghe thầy nói chuyện.

Thầy hỏi:

- Đệ tử cầu vãng sanh Cực Lạc để làm gì?

- Bạch Thầy, đời con đã khổ, gia đình con ai cũng khổ, còn chung quanh con thì chẳng mấy ai hoàn toàn sung sướng. Bởi vậy khi nghe thầy dạy có nước Cực Lạc toàn vui, không khổ, con muốn sanh về để thoát cảnh khổ trần gian.

Nhà sư cười thật hiền. Dáng thầy gầy guộc trong chiếc áo nâu già, nổi bật trong nắng mai. Gió sớm phất phơ tay áo thầy.

- Con muốn về cõi Phật thì phải chuẩn bị Phật tâm. Phật không bao giờ nghĩ chuyện cá nhân tư lợi mà luôn luôn thương tưởng đến chúng sanh, tìm cách cứu họ ra khỏi biển khổ trầm luân. Như đức Phật Thích Ca, tuy là thái tử nhưng đã lìa bỏ cung vàng điện ngọc, chịu gian nan khổ nhọc, đi tìm chân lý cứu khổ sinh tử cho mọi người. Ngài Địa Tạng Bồ Tát nguyện vào địa ngục độ tận chúng sanh. Còn đức Phật A-Di-Đà, do bi nguyện mà tạo ra cõi Cực Lạc để tiếp dẫn chúng sanh về đấy tu hành chớ không phải ngài tạo ra để thọ hưởng. Muốn xứng danh là con Phật chúng ta phải phát tâm Bồ Đề, trên cầu Phật đạo, dưới nguyện độ quần sinh. Vừa tự độ mình, vừa lo độ người chớ không phải tu cho riêng phần mình mà thôi. Tu cho riêng mình là tiểu hạnh, tiểu chí, không đáp ứng được hoài bảo của chư Phật, chư Tổ.

Bà Tư rụt rè thưa:

- Bạch Thầy, con vừa ngu dốt, vừa già nua, đâu dám nghĩ đến đại sự như Thầy nói.

Sư ông rõ căn cơ của bà Tư, không tiện giảng nói nhiều, chỉ vắn tắt hỏi:

- Con niệm Phật thế nào?

- Bạch Thầy, mỗi khi niệm Phật, con thấy trong lòng an vui.

- Hãy tìm cách giúp người chung quanh cũng được an lạc như con. Đó là độ người, con hiểu không?

- Dạ hiểu!

Từ đó, mỗi khi xách nước tưới cải, bà Tư đều nguyện rằng: "Nguyện cho ai ăn được cải tôi trồng đều bỏ ác về thiện, đều biết tu Tịnh Độ, niệm Phật cầu vãng sanh".

… Bà Tư chuẩn bị bữa cơm chay thật ngon cho cả nhà. Trong lúc hai tay làm việc, đầu óc bà suy nghĩ, tình cách "độ" thằng rể. "Tại nó nhậu nhẹt quá không ai dám mướn thành ra thất nghiệp dài dài chớ nghề mộc của nó cũng khéo lắm. Cái nhà này tự tay nó cất chớ ai. Nếu nó có công ăn việc làm như mọi người chắc cũng không đến nỗi tệ. Phải lấy công tâm mà nói vậy".

Ngọc Châu vừa đặt bàn dọn cơm xong thì mẹ nàng về. Thấy bà già lui cui trong bếp, bà bước tới ôm lưng mẹ một cách trìu mến không ngờ. Ngoại mau nước mắt đã đành, mẹ nàng tuy bề ngoài cứng cỏi khô khan nhưng cũng lộ vẻ xúc động lắm.

Mẹ nói, giọng run run:

- Má về con mừng quá! Chèn ơi! Bà già chịu cơm chùa, mới đây mà mập rồi. Lên cân ba kí lô chớ không ít.

Thấy mẹ vui, Châu đùa:

- Ý, má đừng quở!

Thằng Chiến cũng vừa bước vô nhà. Thấy ngoại, nó buông thùng cà rem, chạy tới ôm cứng lấy bà. Trong cảnh tranh tối tranh sáng của chiều tà, bà nhận nó không muốn ra:

- Cháu tôi mau lớn quá! Hai bà cháu có nhiều điều để hỏi han nhau, thỉnh thoảng mẹ và Châu cũng xen vào. Câu chuyện nổ dòn như bắp rang.

Ba của Châu có cảm giác mình bị bỏ rơi, bị đứng bên lề của gia đình. Mặc cảm cô đơn, vô tích sự kích thích tự ái khiến ông sinh bực bội. Bởi vậy, khi vào bữa ăn, liếc sơ một cái, ông cự nự liền, để tỏ uy quyền của một người đàn ông, người chủ trong nhà:

- Bửa nay sao không có thịt cá gì hết vậy? Ăn vầy làm sao nuốt vô?

Bà Tư đáp, giọng dịu dàng, ngọt xớt:

- Quí à, con ăn thử coi, cơm chay cũng ngon miệng lắm. Nếu con ăn chay được, má sẽ xin sư cụ cho con việc làm. Làm cho chùa phải ăn chay mới được.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Hai tiếng "việc làm" có sức thu hút mạnh. Cả nhà im lặng lắng nghe. Châu lén quan sát phản ứng của ba, thấy mắt ông ánh lên sự mừng rỡ tuy vẫn cố giữ thái độ lầm lì ban nãy.

Sau khi lùa cơm vào miệng, lập bập nuốt, bà Tư chậm rãi tiếp:

- Sư cụ muốn cất lại nhà bếp của chùa, lợp ngói đàng hoàng. Có ông thợ nào đó đòi năm ngàn đồng, chùa không đủ tiền. Nếu con lãnh rẻ hơn, chừng bốn ngàn, chắc thầy sẽ đồng ý. Má biết con tay nghề giỏi, có thể làm được vụ này.

Quí nói liền, giọng đầy tự hào:

- Cái đó dễ ợt!

Mẹ Châu thấy câu chuyện có mùi hấp dẫn, vui vẻ xen vô:

- Vậy mình lãnh mối này đi mình!

Lâu lắm rồi, Quí mới nghe vợ nói tiếng "mình" ngọt lịm. Ông cảm thấy hăng hái nhưng còn đắn đo:

- Phải có người phụ chớ làm một mình sao được.

Thằng Chiến lanh lợi khôn ngoan, biết đây là cơ hội hiếm có cho ba, nó nói liền, không do dự:

- Con nghỉ bán theo phụ ba được không?

Ngoại mừng đến rơi nước mắt. Mẹ Châu cảm động cúi xuống và cơm trong khi Quí nhìn bà già vợ với đôi mắt biết ơn và hối lỗi.

***

Chỉ sau hai tháng liên tục làm việc, Quí đã hoàn thành việc xây cất. Sư cụ vừa ý khen ngợi hoài khiến Quí và con trai sung sướng quá! "Sống hữu dụng mới có hạnh phúc" đó là bài học thực tiễn của đời ông.

Phật tử đi chùa thấy nhà bếp mới rộng rãi, vừa chắc chắn vừa đẹp mắt, họ liền mời Quí tu bổ sửa sang lại nhà họ, hết mối này tới mối kia. Hai cha con Quí có việc làm đều đặn. Không còn nữa cảnh thất nghiệp chán chường với những ngày say rượu triền miên.

Gia đình Châu từ đây bắt đầu có tiếng cười, có những giây phút cả nhà ngồi lại cùng dự tính chuyện tương lai. Niềm mong ước chung của họ là thay nóc nhà "tôn" bằng ngói cho đỡ nóng "nhà ngói coi lịch sự hơn!" Mẹ Châu nói với sự thèm thuồng thấy rõ.

Quí hiểu điều đó. Ông lo chí thú làm ăn để chuộc lỗi xưa. Không đầy một năm sau Quí và con trai đã lợp được mái ngói đỏ au. Căn nhà trở nên mát mẻ dễ chịu. Họ có bóng mát trong cuộc đời với hạnh phúc bình dị, đơn sơ.

… Ngày ăn mừng nhà ngói, có bà ngoại về dự. Bà con làng xóm đang ăn uống, rượu vào lời ra, cười nói rộn ràng nhưng khi thấy bà Tư bước vào trong chiếc áo nhựt bình màu xám tro và khăn lam phủ trên đầu, họ đều im lặng đưa mắt nhìn. Sự quí kính hiện rõ trên những gương mặt dày dạn nắng mưa vì lao động. Bà trông thanh thoát quá!

Bà Tư dịu dàng chấp tay cúi chào mọi người bằng cách thế của người xuất gia: "A Di Đà Phật." Những bàn tay cầm rượu trở nên ngập ngừng, miếng thịt béo tự nhiên nuốt không trôi, họ tự động ngưng bữa tiệc để theo dõi bà Tư.

Bà thân mật đến với từng người, hỏi han gia cảnh, công việc làm ăn, nhắc nhở câu "ở hiền gặp lành".

Lát sau, bác phu xích lô, sau cái gật đầu ra dấu của bà Tư, khệ nệ ôm vào nhà những bó cải tươi tốt xanh um. Bà tự tay trao từng bó cải cho từng người, khuyên họ tập ăn chay, niệm Phật.

Tưởng bà sẽ ở lại qua đêm như mọi khi về thăm nhà, dè đâu bà đã dặn bác phu xe đợi chở bà trở lại chùa. Trước khi ra về, bà nắm tay Châu, vuốt tóc cô cháu gái thùy mị dễ thương rồi choàng tay ôm đứa con gái một đời khổ cực. Nhưng sự xúc động chỉ thoáng qua trong phút giây, bà đứng dậy ngay:

- Thôi, má phải về cho kịp thời sám hối.

… Đó là lần cuối cùng Châu được gặp ngoại. Sư cụ kể lại rằng tối hôm đó, sau khi lạy sám hối, bà tìm đến phương trượng lễ thầy rồi lui ra, không nói một lời.

Thời công phu sáng không có mặt bà. Mãi một lúc sau, mọi người mới hay bà đã vãng sanh. Trong tư thế nằm nghiêng bên tay phải; xoay về hướng Tây, tay còn cầm xâu chuỗi bồ đề, mặt bà phảng phất nụ cười an lạc, chẳng biết bà đi lúc nào, toàn thân đều lạnh nhưng đảnh đầu còn ấm.

Lễ an táng của ni cô Diệu Liên được cử hành trang nghiêm trong sự ngưỡng mộ của mọi người. Lòng tin đối với Phật pháp được dấy khởi, nhất là gia đình, bè bạn, lối xóm của Châu đều bắt đầu đi chùa, tham dự các lớp học giáo lý và thỉnh sổ công cứ về lo niệm Phật.

Nhưng giòng đời đâu dễ êm xuôi cho mọi người có thì giờ tu niệm. Tháng tư năm 1975; nào hiệp ước, nào dự đoán, nào tin đồn. Xôn xao sóng đời, sợ hãi sóng tâm.

Anh Hai đột ngột về nhà vào tối 28 tháng 4, hối người nhà ra bến Sài Gòn xuống tàu đi Mỹ. "Việt Cộng vô tới rồi, chiếm luôn miền Nam. Phe Việt Nam Cộng Hòa mình phải di tán ra ngoại quốc."

Ba má Châu lắc đầu dứt khoát: "Mình già rồi, còn ham đi đâu. Thôi ở lại đây lo tu như ngoại, để về xứ Phật thì hay hơn."

Châu thì do dự, không dứt khoát; anh Hai dọa: "Mày ở lại Việt Cộng bắt mày gả cho thương phế binh!" Lời hăm này có tác dụng ngay. Cô rươm rướm nước mắt bước theo anh, chỉ có Chiến là khoái được đi tàu hải quân, được đi Mỹ.

… Lênh đênh sóng nước, sóng đời. Châu nhìn bể cả mênh mông không biết tương lai rồi sẽ ra sao. Cô hướng về quê hương yêu dấu đang từ từ xa cách, lâm râm khấn bà ngoại: "Xin ngoại phù hộ cho chúng con và cho những người còn lại. Thế giới này chẳng bao giờ được bình yên. Nếu mọi người đều được như ngoại, biết xả bỏ, biết khoan dung, biết hướng thượng thì Cực Lạc ắt không tìm đâu xa".

DIỆU NGA

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của VĨNH HẢO

CHƯƠNG NĂM

Buổi chiều, tôi rủ Tâm Huy đi dạo quanh sân chùa để nói chuyện. Huy là người bạn đã quen biết tôi từ bốn năm trước khi anh từ Phú Yên vào viện Hải Đức Nha Trang để dự khóa an cư. Anh cũng là một con mọt sách có tiếng. Anh hiền lành, dáng điệu lúc nào cũng nghiêm trang, lời nói mực thước, chăm chỉ học hành không biết mỏi mệt. Kỳ thi vừa qua, anh đỗ hạng nhì, có uy tín trong lớp học. Thăm dò vài câu về chuyện học hành, tôi nói:

"Tôi nghĩ rằng chúng ta không thể chần chờ được nữa. Anh nghĩ sao? Đất nước như thế này, giáo hội như thế này, tăng sĩ trẻ bọn mình làm sao ngồi yên được trong hoàn cảnh lửa bỏng dầu sôi đó chứ! Có phải là chúng ta nên bắt tay vào việc ngay, hơn là gắm đầu vào việc đèn sách?"

Huy ngập ngừng một lúc rồi nói:

"Nói chung, những khắc khoải của bạn cũng chính là những gì tôi thao thức, suy tư. Tôi tự ý thức rằng đó là trách nhiệm của mình, không cần ai phải mời gọi hay sách động. Tôi sẵn sàng hưởng ứng bất cứ phong trào hay tổ chức nào có chính nghĩa để đem lại hạnh phúc cho dân tộc. Có điều, tôi nghĩ rằng tôi cần phải học hỏi thêm nhiều, nhiều nữa, sau này mới có đủ tầm vóc và uy tín để nói được tiếng nói có trọng lượng."

"Anh nói rất phải. Nhưng anh thử nhìn lại quanh ta xem, những người trí thức trong nước, có những người mà vốn liếng kiến thức của họ đáng là thầy dạy của bọn mình, họ đã làm gì hay chỉ biết bó tay, than vắn thở dài. Anh lo học một thời gian nữa để trình độ của anh ngang bằng với họ hoặc may mắn lắm, có thể hơn họ chút xíu, rồi anh cũng ngồi ì ra đó nếu anh không có ý chí đấu tranh, không quan tâm đến nỗi suy vong của dân tộc. Đâu phải có đầy đủ kiến thức mới làm được chuyện. Vả lại, đã gọi là góp sức với nhau thì ai cũng có một khả năng nào đó để đóng góp, mỗi người mỗi việc khác nhau. Ai cũng lo học để khi nào cảm thấy kiến thức đầy đủ thì mới ra làm việc, lúc đó thì đất nước này chết khô chết cạn rồi, còn gì mà bàn nữa. Đèn không thắp thì không thấy được lối đi, đường không mở thì không có khách qua lại. Học hỏi là nhu cầu cao của đời sống trí thức, nhưng trong một hoàn cảnh và giai đoạn nào đó, nhu cầu ấy phải nhường chỗ cho những sinh hoạt khác quan trọng, cấp bách và thiết thực hơn. Giặc đến nhà đàn bà phải đánh, kẻ sĩ phải quẳng bút mang gươm. Đây không phải là lúc tính chuyện đèn sách nữa. Sự học thì không cùng, mà nghĩa vụ lại cần kíp. Chờ học cho đủ mới bắt tay vào việc thì muộn màng quá rồi. Trong khi bao nhiêu người đói khổ lầm than, chúng ta cứ cặm cụi học hành thì quả là điều bất nhẫn! Tôi nghĩ, chúng ta nên bắt tay vào việc là vừa."

Dù tôi đã đôi ba lần tìm cách thuyết phục, Tâm Huy vẫn cứ giữ lập trường của anh: cần phải bồi bổ thêm kiến thức; sau này có tổ chức nào kêu gọi thì tham gia. Anh không muốn làm một trong những người mở đường để

kêu gọi và tập hợp người khác. Thấy tôi có vẻ buồn và sắp quay đi, Huy nói lời an ủi:

"Khang à, bạn còn trẻ nhưng tôi tin nhiệt huyết của bạn có thừa, có thể bạn làm được chuyện chứ chẳng phải không. Khang đi trước mở đường đi. Khang quen biết nhiều lại có sức thuyết phục hơn tôi, Khang có thể bắt tay làm việc được ngay bây giờ. Để tôi học thêm một thời gian. Sau này, học xong, tôi ra phụ giúp Khang."

Tôi đứng lại cám ơn lời khích lệ của Huy. Tôi nói:

"Thôi vậy cũng được. Hứa nhé, tôi dấn thân trước, chiêu tập nhân sự, tạo cơ sở khắp nơi để dọn đường chờ các anh. Huy ở lại dù có bận học cách mấy cũng cố gắng tạo uy tín để thu phục được anh em trong lớp. Sau này các anh mãn khóa, nên nhớ rằng có tôi chờ đợi ở ngoài."

Tối đó không ngủ được, tôi tự phác vẽ cho mình một con đường hành động. Con đường ấy phối hợp chủ trương của cả thầy Tuệ Sỹ và sư cô Trí Hải. Nó mang hình thức như một tổ chức từ thiện xã hội, không công khai đối đầu với chính quyền, nhưng nuôi dưỡng và làm khởi phát ý chí dấn thân tích cực của những thành viên tham gia qua bốn phương thức chinh phục nhân tâm và phục vụ cuộc đời (tức là *Tứ Nhiếp Pháp* của Phật giáo). Tôi tin tưởng những thành viên của tổ chức ấy, qua thời gian lâu dài hoạt động cứu tế, thường trực đối diện với niềm đau nỗi khổ của nhân sinh, và qua các khóa huấn luyện đặc biệt chú trọng về bồ đề tâm, bồ tát hạnh, sẽ tự nguyện dấn mình vào con đường cứu nguỵ dân tộc trong tương lai.

Hai giờ khuya, tôi ngồi dậy soạn viết bản sơ thảo của điều lệ nội qui, bản nhận định và cương lĩnh sinh hoạt của *Đoàn Phật Tử Phụng Đạo*. Tâm nguyện dấn thân đặt nền tảng trên Bồ đề tâm, lấy kinh *Tám Điều Giác Ngộ của Bậc Thượng Nhân* làm chất liệu hành đạo, phương thức hành động thì dựa vào Tứ nhiếp pháp, phương châm cứu đời là *Phụng sự chúng sinh tức cúng dường chư Phật*.

Sáu giờ sáng, tôi đem bản sơ thảo đến nói chuyện với thầy Tâm Hải, một người bạn học chung lớp tại chùa Già Lam. Tâm Hải hưởng ứng ngay. Cùng ngày đó, tôi lại nói chuyện với Tửu, một người bạn cũ ở Phật học viện Quảng Nam, đang tạm trú tại chùa Bửu Đà ở quận 11 và học dự thính tại khóa học chùa Già Lam. Tửu cũng nhiệt tình hưởng ứng. Hai người bạn này giới thiệu thêm một vài người bạn khác. Trong vòng một tuần lễ, chúng tôi đã thành lập xong cái sườn của ban điều hành tổ chức. Sư cô Trí Hải cũng ủng hộ tôi khá nhiều trong giai đoạn phôi thai. Và trong vòng ba tháng sau, Đoàn Phật Tử Phụng Đạo (gọi tắt là Phụng Đạo) đã kiện toàn được những nhân sự nòng cốt và tạm thông qua các khóa hội thảo về đường hướng nền tảng để bắt đầu hoạt động. Tăng ni và phật -tử ủng hộ càng lúc càng nhiều. Tôi cũng tự động liên lạc với Thượng toạ Nhất Hạnh ở Pháp và sau đó ít lâu, đã được sự hỗ trợ tinh thần lẫn vật chất của thầy ấy.

Dĩ nhiên trong thời gian đó, tôi không thể tiếp tục theo học chương trình của lớp học Già Lam. Tôi chỉ giữ lại hai môn quan trọng như *Câu Xá Luận* và *Trung Luận* do thầy Tuệ Sỹ dạy. Muốn được vậy, tôi phải cáo bệnh, xin rút tên ra khỏi danh sách chính thức của lớp học. Thầy Thái Siêu, lúc đó giữ chức quản chúng, hỏi tôi:

"Sao vậy? Chú học khá ai cũng biết, tự dưng lại nghỉ học?"

"Bệnh quá thầy ơi. Học gì nổi nữa."

"Bệnh ra sao?"

Tôi ngập ngừng một lúc rồi bịa đặt ra một cái bệnh thật trầm trọng:

"Thì … bệnh đó đó."

"Bệnh đó là bệnh làm sao?"

Có một bệnh mà phái nam rất xấu hổ phải nói ra, đặc biệt là đối với các nhà tu hành, càng không muốn khai cho bất cứ ai biết. Từ những ngày sau biến cố năm 1975, có khá nhiều sách thuốc nam (còn gọi là *thuốc dân tộc*) được nhà nước xã hội chủ nghĩa in ra, hết lòng cổ xuý và phổ biến rộng để khỏa lấp hiện trạng khan hiếm thuốc tây, phần khác để thay thế thuốc bắc của kẻ thù Trung Hoa đang xua quân đến biên giới Việt–Trung. Tôi đọc và nhớ được nhiều loại bệnh cũng như cách chữa trị gia truyền từ các sách đó nên biết được cái bệnh buồn cười này. Và tôi phải chọn cái bệnh mà chẳng ông con trai nào muốn nhìn nhận đó để thầy quản chúng và ban giám học tin tưởng là tôi bệnh thực chứ không phải giả đò để nghỉ học:

"Bệnh di tinh đó mà."

"Thực không? Bị ra sao mà chú nói là di tinh? Có nằm mộng thấy gì không? Đêm nào cũng nằm mộng, phải không?"

"Không, có mộng mị gì đâu. Nằm mộng mà xuất tinh thì gọi là mộng tinh. Còn di tinh thì khác chứ. Di tinh là cứ bị xuất tinh hoài mỗi khi ngủ, ngay cả khi ngủ trưa, mà chẳng mộng mị gì, chẳng có cảm giác gì. Di tinh mà không lo chữa thì sẽ tiến tới hoạt tinh… tức là không thể kiểm soát gì được nữa."

Thầy quản chúng tức cười, nhưng cũng rán nín, vì không lý lại cười một người bệnh đáng thương. Thế là thầy báo cáo lên ban giám học. Ngoại trừ hai thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát, có lẽ ban giám học giật mình, vừa

TRỞ VỀ MỤC LỤC

tiếc rẻ vừa ngậm ngùi thương cảm cho một tăng sinh viên xuất sắc mà phải mang bệnh. Còn Hòa thượng Trí Thủ, nghe được tin ấy, cho thị giả gọi tôi lên tịnh thất ngay.

"Con bệnh chi rứa?"

Tôi có thể khai bệnh dối vơi thầy quản chúng, nhưng lại khó mở miệng qua mặt vị hòa thượng đức độ này. Tôi ấp úng trong miệng không nói được. Hòa thượng đã nghe ban giám học thưa chuyện, nghĩ là tôi xấu hổ việc khai ra cái bệnh quái ác kia nên bỏ qua, không hỏi nữa, chỉ dạy:

"Có bệnh chi thì lên đây nói thầy nghe để thầy đưa tiền đi bác sĩ, mua thuốc uống. Đức Hải ơi, lấy xe đưa chú Khang đi bác sĩ, lấy toa rồi mua thuốc cho chú luôn."

Trong khi thầy Đức Hải, vị thị giả của Hòa thượng, lo mặc áo dài, Hòa thượng lại nói riêng với tôi:

"Đã nói con nên đi ra nước ngoài, vậy ổn hơn, có bệnh hoạn chi cũng dễ trị. Cha, cái bà Trang sao tổ chức chi mà lâu rứa!"

Tôi ứa nước mắt thầm cảm tạ ơn sâu của Hòa thượng. Tôi may mắn được Hòa thượng quan tâm, lo lắng mọi thứ. Có điều là cái gì tôi muốn làm cũng không đúng ý ngài cả. Ở chùa Già Lam, chỉ có vài người biết tôi được thầy Tịch Quang gởi gắm đến đây, nhưng ai cũng biết tôi được Hòa thượng Trí Thủ chăm sóc như một học trò cưng. Còn chuyện tôi bỏ học, thực ra cũng chẳng ảnh hưởng gì đến việc ăn ở của tôi tại chùa Già Lam cả. Tôi cáo bệnh để Hòa thượng và ban giám học khỏi buồn lòng thất vọng là tôi biếng học mà thôi, chứ không phải cáo bệnh để khỏi bị đuổi ra chùa. Trên thực tế, tôi đến chùa Già Lam đâu phải với mục đích tham gia lớp học. Vậy dù có học hay không, tôi vẫn cứ ở đó, chẳng ai ngoài Hòa thượng có thể đuổi tôi được. Nửa năm trước, khi thầy Đức Chơn – vị trụ trì chùa Già Lam, một cao đồ của Hòa thượng – báo động là ngân quỹ của chùa không đủ để lo cho các tăng sinh viên càng lúc càng tăng nhân số. (Hòa thượng đã lập nên tu viện Quảng Hương Già Lam từ nhiều năm trước, người ta quan gọi ngài là tu viện trưởng. Nay Hòa thượng đã giao cho thầy Đức Chơn giữ chức vụ trụ trì, trông coi mọi tài sản và sinh hoạt tài chánh của chùa Già Lam). Nghe thầy trụ trì than phiền, Hòa thượng đã triệu tập một buổi họp, tuyên bố trước đại chúng rằng:

"Tôi thương mấy anh em, thấy người nào ham học đến xin học hay xin ở lại đây, tôi cũng hoan hỉ chấp nhận hết. Nhưng thực ra, chuyện học thì có ban giám học quyết định, còn quyết định cho anh em ở lại chùa này hay không là do thầy trụ trì. Thầy ấy sẽ tùy theo khả năng tài chánh của chùa cũng như sự hợp lệ của anh em trên mặt giấy tờ để cho phép anh em ở đây hay không. Tôi không có quyền hạn chi mô, anh em cứ xin phép thầy trụ trì hí. Tôi mà còn phải xin thầy trụ trì huống chi mấy anh em,"

Hòa thượng cười, cả hội trường cũng cười theo, không hiểu tại sao ngài lại nói vậy. Một lúc, Hòa thượng tiếp, "tôi nói thiệt đó, sẵn có thầy trụ trì, ban giám học và đại chúng ở đây, tôi xin phép thầy trụ trì một điều: tôi muốn bảo lãnh một người thôi, đó là chú Khang. Khang đâu rồi, đứng lên coi. Kìa, chú Khang đó. Thầy trụ trì có hoan hỷ chấp nhận không? À, hoan hỷ. Vậy thì dù thế nào thì thầy cũng cho phép chú Khang ở đây tu học nghe."

Nhờ Hòa thượng tuyên bố như thế mà tôi được yên, mặc dầu bản thân tôi không có một manh giấy tùy thân hợp lệ nào cả. Xin cho tôi ở yên để tu học cũng là ơn Hòa thượng, lo liệu cho tôi vượt biên cũng là ngài. Tôi ray rứt nghĩ rằng một ngày nào đó rất gần, tôi sẽ lên đường rời khỏi nơi này mà không phải là vượt biên theo ý Hòa thượng. Tôi đã chọn con đường theo ý riêng của tôi.

Buổi chiều, tôi rủ Tâm Huy đi dạo quanh sân chùa để nói chuyện. Huy là người bạn đã quen biết tôi từ bốn năm trước khi anh từ Phú Yên vào viện Hải Đức Nha Trang để dự khóa an cư. Anh cũng là một con mọt sách có tiếng. Anh hiền lành, dáng điệu lúc nào cũng nghiêm trang, lời nói mực thước, chăm chỉ học hành không biết mỏi mệt. Kỳ thi vừa qua, anh đỗ hạng nhì, có uy tín trong lớp học. Thăm dò vài câu về chuyện học hành, tôi nói:

"Tôi nghĩ rằng chúng ta không thể chần chờ được nữa. Anh nghĩ sao? Đất nước như thế này, giáo hội như thế này, tăng sĩ trẻ bọn mình làm sao ngồi yên được trong hoàn cảnh lửa bỏng dầu sôi đó chứ! Có phải là chúng ta nên bắt tay vào việc ngay, hơn là gắm đầu vào việc đèn sách?"

Huy ngập ngừng một lúc rồi nói:

"Nói chung, những khắc khoải của bạn cũng chính là những gì tôi thao thức, suy tư. Tôi tự ý thức rằng đó là trách nhiệm của mình, không cần ai phải mời gọi hay sách động. Tôi sẵn sàng hưởng ứng bất cứ phong trào hay tổ chức nào có chính nghĩa để đem lại hạnh phúc cho dân tộc. Có điều, tôi nghĩ rằng tôi cần phải học hỏi thêm nhiều, nhiều nữa, sau này mới có đủ tầm vóc và uy tín để nói được tiếng nói có trọng lượng."

"Anh nói rất phải. Nhưng anh thử nhìn lại quanh ta xem, những người trí thức trong nước, có những người mà vốn liếng kiến thức của họ đáng là thầy dạy của bọn

TRỞ VỀ MỤC LỤC

mình, họ đã làm gì hay chỉ biết bó tay, than vắn thở dài. Anh lo học một thời gian nữa để trình độ của anh ngang bằng với họ hoặc may mắn lắm, có thể hơn họ chút xíu, rồi anh cũng ngồi ì ra đó nếu anh không có ý chí đấu tranh, không quan tâm đến nỗi suy vong của dân tộc. Đâu phải có đầy đủ kiến thức mới làm được chuyện. Vả lại, đã gọi là góp sức với nhau thì ai cũng có một khả năng nào đó để đóng góp, mỗi người mỗi việc khác nhau. Ai cũng lo học để khi nào cảm thấy kiến thức đầy đủ thì mới ra làm việc, lúc đó thì đất nước này chết khô chết cạn rồi, còn gì mà bàn nữa. Đèn không thắp thì không thấy được lối đi, đường không mở thì không có khách qua lại. Học hỏi là nhu cầu cao của đời sống trí thức, nhưng trong một hoàn cảnh và giai đoạn nào đó, nhu cầu ấy phải nhường chỗ cho những sinh hoạt khác quan trọng, cấp bách và thiết thực hơn. Giặc đến nhà đàn bà phải đánh, kẻ sĩ phải quẳng bút mang gươm. Đây không phải là lúc tính chuyện đèn sách nữa. Sự học thì không cùng, mà nghĩa vụ lại cần kíp. Chờ học cho đủ mới bắt tay vào việc thì muộn màng quá rồi. Trong khi bao nhiêu người đói khổ lầm than, chúng ta cứ cặm cụi học hành thì quả là điều bất nhẫn! Tôi nghĩ, chúng ta nên bắt tay vào việc là vừa."

Dù tôi đã đôi ba lần tìm cách thuyết phục, Tâm Huy vẫn cứ giữ lập trường của anh: cần phải bồi bổ thêm kiến thức; sau này có tổ chức nào kêu gọi thì tham gia. Anh không muốn làm một trong những người mở đường để kêu gọi và tập hợp người khác. Thấy tôi có vẻ buồn và sắp quay đi, Huy nói lời an ủi:

"Khang à, bạn còn trẻ nhưng tôi tin nhiệt huyết của bạn có thừa, có thể bạn làm được chuyện chứ chẳng phải không. Khang đi trước mở đường đi. Khang quen biết nhiều lại có sức thuyết phục hơn tôi, Khang có thể bắt tay làm việc được ngay bây giờ. Để tôi học thêm một thời gian. Sau này, học xong, tôi ra phụ giúp Khang."

Tôi đứng lại cám ơn lời khích lệ của Huy. Tôi nói:

"Thôi vậy cũng được. Hứa nhé, tôi dấn thân trước, chiêu tập nhân sự, tạo cơ sở khắp nơi để dọn đường chờ các anh. Tâm Huy ở lại dù có bận học cách mấy cũng cố gắng tạo uy tín để thu phục được anh em trong lớp. Sau này các anh mãn khóa, nên nhớ rằng có tôi chờ đợi ở ngoài."

Tối đó không ngủ được, tôi tự phác vẽ cho mình một con đường hành động. Con đường ấy phối hợp chủ trương của cả thầy Tuệ Sỹ và sư cô Trí Hải. Nó mang hình thức như một tổ chức từ thiện xã hội, không công khai đối đầu với chính quyền, nhưng nuôi dưỡng và làm khởi phát ý chí dấn thân tích cực của những thành viên tham gia qua bốn phương thức chinh phục nhân tâm và phục vụ cuộc đời (tức là *Tứ Nhiếp Pháp* của Phật giáo). Tôi tin tưởng những thành viên của tổ chức ấy, qua thời gian lâu dài hoạt động cứu tế, thường trực đối diện với niềm đau nỗi khổ của nhân sinh, và qua các khóa huấn luyện đặc biệt chú trọng về bồ đề tâm, bồ tát hạnh, sẽ tự nguyện dấn mình vào con đường cứu nguỵ dân tộc trong tương lai.

Hai giờ khuya, tôi ngồi dậy soạn viết bản sơ thảo của điều lệ nội qui, bản nhận định và cương lĩnh sinh hoạt của *Đoàn Phật Tử Phụng Đạo*. Tâm nguyện dấn thân đặt nền tảng trên Bồ đề tâm, lấy kinh *Tám Điều Giác Ngộ của Bậc Thượng Nhân* làm chất liệu hành đạo, phương thức hành động thì dựa vào Tứ nhiếp pháp, phương châm cứu đời là *Phụng sự chúng sinh tức cúng dường chư Phật*.

Sáu giờ sáng, tôi đem bản sơ thảo đến nói chuyện với thầy Tâm Hải, một người bạn học chung lớp tại chùa Già Lam. Tâm Hải hưởng ứng ngay. Cùng ngày đó, tôi lại nói chuyện với Tửu, một người bạn cũ ở Phật học viện Quảng Nam, đang tạm trú tại chùa Bửu Đà ở quận 11 và học dự thính tại khóa học chùa Già Lam. Tửu cũng nhiệt tình hưởng ứng. Hai người bạn này giới thiệu thêm một vài người bạn khác. Trong vòng một tuần lễ, chúng tôi đã thành lập xong cái sườn của ban điều hành tổ chức. Sư cô Trí Hải cũng ủng hộ tôi khá nhiều trong giai đoạn phôi thai. Và trong vòng ba tháng sau, Đoàn Phật Tử Phụng Đạo (gọi tắt là Phụng Đạo) đã kiện toàn được những nhân sự nòng cốt và tạm thông qua các khóa hội thảo về đường hướng nền tảng để bắt đầu hoạt động. Tăng ni và phật-tử ủng hộ càng lúc càng nhiều. Tôi cũng tự động liên lạc với Thượng toạ Nhất Hạnh ở Pháp và sau đó ít lâu, đã được sự hỗ trợ tinh thần lẫn vật chất của thầy ấy.

Dĩ nhiên trong thời gian đó, tôi không thể tiếp tục theo học chương trình của lớp học Già Lam. Tôi chỉ giữ lại hai môn quan trọng như *Câu Xá Luận* và *Trung Luận* do thầy Tuệ Sỹ dạy. Muốn được vậy, tôi phải cáo bệnh, xin rút tên ra khỏi danh sách chính thức của lớp học. Thầy Thái Siêu, lúc đó giữ chức quản chúng, hỏi tôi:

"Sao vậy? Chú học khá ai cũng biết, tự dưng lại nghỉ học?"

"Bệnh quá thầy ơi. Học gì nổi nữa."

"Bệnh ra sao?"

Tôi ngập ngừng một lúc rồi bịa đặt ra một cái bệnh thật trầm trọng:

"Thì … bệnh đó đó."

"Bệnh đó là bệnh làm sao?"

Có một bệnh mà phái nam

TRỞ VỀ MỤC LỤC

rất xấu hổ phải nói ra, đặc biệt là đối với các nhà tu hành, càng không muốn khai cho bất cứ ai biết. Từ những ngày sau biến cố năm 1975, có khá nhiều sách thuốc nam (còn gọi là *thuốc dân tộc*) được nhà nước xã hội chủ nghĩa in ra, hết lòng cổ xúy và phổ biến rộng để khỏa lấp hiện trạng khan hiếm thuốc tây, phần khác để thay thế thuốc bắc của kẻ thù Trung Hoa đang xua quân đến biên giới Việt–Trung. Tôi đọc và nhớ được nhiều loại bệnh cũng như cách chữa trị gia truyền từ các sách đó nên biết được cái bệnh buồn cười này. Và tôi phải chọn cái bệnh mà chẳng ông con trai nào muốn nhìn nhận đó để thầy quản chúng và ban giám học tin tưởng là tôi bệnh thực chứ không phải giả đò để nghỉ học:

"Bệnh di tinh đó mà."

"Thực không? Bị ra sao mà chú nói là di tinh? Có nằm mộng thấy gì không? Đêm nào cũng nằm mộng, phải không?"

"Không, có mộng mị gì đâu. Nằm mộng mà xuất tinh thì gọi là mộng tinh. Còn di tinh thì khác chứ. Di tinh là cứ bị xuất tinh hoài mỗi khi ngủ, ngay cả khi ngủ trưa, mà chẳng mộng mị gì, chẳng có cảm giác gì. Di tinh mà không lo chữa thì sẽ tiến tới hoạt tinh… tức là không thể kiểm soát gì được nữa."

Thầy quản chúng tức cười, nhưng cũng ráng nín, vì không lý lại cười một người bệnh đáng thương. Thế là thầy báo cáo lên ban giám học. Ngoại trừ hai thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát, có lẽ ban giám học giật mình, vừa tiếc rẻ vừa ngậm ngùi thương cảm cho một tăng sinh viên xuất sắc mà phải mang bệnh. Còn Hòa thượng Trí Thủ, nghe được tin ấy, cho thị giả gọi tôi lên tịnh thất ngay.

"Con bệnh chi rứa?"

Tôi có thể khai bệnh dối với thầy quản chúng, nhưng lại khó mở miệng qua mặt vị hòa thượng đức độ này. Tôi ấp úng trong miệng không nói được. Hòa thượng đã nghe ban giám học thưa chuyện, nghĩ là tôi xấu hổ việc khai ra cái bệnh quái ác kia nên bỏ qua, không hỏi nữa, chỉ dạy:

"Có bệnh chi thì lên đây nói thầy nghe để thầy đưa tiền đi bác sĩ, mua thuốc uống. Đức Hải ơi, lấy xe đưa chú Khang đi bác sĩ, lấy toa rồi mua thuốc cho chú luôn."

Trong khi thầy Đức Hải, vị thị giả của Hòa thượng, lo mặc áo dài, Hòa thượng lại nói riêng với tôi:

"Đã nói con nên đi ra nước ngoài, vậy ổn hơn, có bệnh hoạn chi cũng dễ trị. Cha, cái bà Trang sao tổ chức chi mà lâu rứa!"

Tôi ứa nước mắt thầm cảm tạ ơn sâu của Hòa thượng. Tôi may mắn được Hòa thượng quan tâm, lo lắng mọi thứ. Có điều là cái gì tôi muốn làm cũng không đúng ý ngài cả. Ở chùa Già Lam, chỉ có vài người biết tôi được thầy Tịch Quang gởi gắm đến đây, nhưng ai cũng biết tôi được Hòa thượng Trí Thủ chăm sóc như một học trò cưng. Còn chuyện tôi bỏ học, thực ra cũng chẳng ảnh hưởng gì đến việc ăn ở của tôi tại chùa Già Lam cả. Tôi cáo bệnh để Hòa thượng và ban giám học khỏi buồn lòng thất vọng là tôi biếng học mà thôi, chứ không phải cáo bệnh để khỏi bị đuổi ra chùa. Trên thực tế, tôi đến chùa Già Lam đâu phải với mục đích tham gia lớp học. Vậy dù có học hay không, tôi vẫn cứ ở đó, chẳng ai ngoài Hòa thượng có thể đuổi tôi được. Nửa năm trước, khi thầy Đức Chơn – vị trụ trì chùa Già Lam, một cao đồ của Hòa thượng – báo động là ngân quỹ của chùa không đủ để lo cho các tăng sinh viên càng lúc càng tăng nhân số. (Hòa thượng đã lập nên tu viện Quảng Hương Già Lam từ nhiều năm trước, người ta quan gọi ngài là tu viện trưởng. Nay Hòa thượng đã giao cho thầy Đức Chơn giữ chức vụ trụ trì, trông coi mọi tài sản và sinh hoạt tài chánh của chùa Già Lam). Nghe thầy trụ trì than phiền, Hòa thượng đã triệu tập một buổi họp, tuyên bố trước đại chúng rằng:

"Tôi thương mấy anh em, thấy người nào ham học đến xin học hay xin ở lại đây, tôi cũng hoan hỉ chấp nhận hết. Nhưng thực ra, chuyện học thì có ban giám học quyết định, còn quyết định cho anh em ở lại chùa này hay không là do thầy trụ trì. Thầy ấy sẽ tùy theo khả năng tài chánh của chùa cũng như sự hợp lệ của anh em trên mặt giấy tờ để cho phép anh em ở đây hay không. Tôi không có quyền hạn chi mô, anh em cứ xin phép thầy trụ trì hí. Tôi mà còn phải xin thầy trụ trì huống chi mấy anh em."

Hòa thượng cười, cả hội trường cũng cười theo, không hiểu tại sao ngài lại nói vậy. Một lúc, Hòa thượng tiếp, "tôi nói thiệt đó, sẵn có thầy trụ trì, ban giám học và đại chúng ở đây, tôi xin phép thầy trụ trì một điều: tôi muốn bảo lãnh một người thôi, đó là chú Khang. Khang đâu rồi, đứng lên coi. Kìa, chú Khang đó. Thầy trụ trì có hoan hỷ chấp nhận không? À, hoan hỷ. Vậy thì dù thế nào thì thầy cũng cho phép chú Khang ở đây tu học nghe."

Nhờ Hòa thượng tuyên bố như thế mà tôi được yên, mặc dầu bản thân tôi không có một manh giấy tùy thân hợp lệ nào cả. Xin cho tôi ở yên để tu học cũng là ơn Hòa thượng, lo liệu cho tôi vượt biên cũng là ngài. Tôi ray rứt nghĩ rằng một ngày nào đó rất gần, tôi sẽ lên đường rời khỏi nơi này mà không phải là vượt biên theo ý Hòa thượng. Tôi đã chọn con đường theo ý riêng của tôi.

(hết Chương 5 -
mời đọc tiếp Chương 6)

TRỞ VỀ MỤC LỤC